

# HOẰNG PHÁP

TRAU DỒI VÀ PHÁT HUY CHÁNH PHÁP



33

## Quy Y Tam Bảo

Cái không trong lượng tử

Sinh hoạt Gia đình Phật tử  
trong bối cảnh mới: thời cơ và thách thức



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

# Hạnh phúc: Bạn có biết?

Người ta thường hỏi: “Hạnh phúc là gì?” và cố công đi tìm lời giải đáp hoàn thiện cho mình.

“Hạnh phúc là phải biết cho đi chứ không phải nắm giữ thật chặt”, “Happiness is a journey, not just a destination”, “Hạnh phúc là một hành trình chứ không phải chỉ là đích đến” ... Đó là những câu giải đáp mang tính phổ quát cho nhiều người.

Vậy, bạn sống thế nào để có hạnh phúc?

Ngày nay trên một chuyến xe đi xa, không biết còn có mấy ai ngồi nhìn ra hai bên đường ngắm cảnh vật chung quanh, hay là người ta bận rộn xem một tập phim truyện nào đó, hoặc chăm chú vào chiếc iPhone, iPad đời mới, hay máy tính nhỏ của mình. Trong cuộc sống ngày nay, mặc dù có những lúc chúng ta đang ở yên, nhưng dường như ta vẫn không tiếp xúc với những gì đang có mặt chung quanh ta.

Và nếu như ta không thật sự có mặt thì cuộc sống, và những hạnh phúc chung quanh, có thể trôi qua như giấc mộng mà thôi. Chúng ta thường mang theo với mình những hình ảnh và ý niệm về thực tại, thay vì là những gì đang thực sự hiện diện ngay trước mặt ta. Chúng ta có thể say mê theo dõi một cảnh mưa trong một nơi xa xôi nào đó, mà quên nhìn những hạt mưa đang bay bên ngoài cửa sổ, ngay nơi mình đang ngồi. Thiên sư Basho có viết một bài thơ:

Đang ngồi giữa Kyoto  
Nghe một giọng hót của loài chim bản xứ  
Ta bỗng chợt thấy nhớ Kyoto

Ngồi giữa Kyoto nghe một tiếng chim ở vùng đó kêu, ông lại chợt nhớ Kyoto. Chúng ta có thể đang hòa mình trong ngày sen đầu hạ nhưng lại hồi tưởng về một mùa Hạ trước kia. Chúng ta có thể đi giữa một trời thu mà lại nhớ về một mùa thu nào đó. Chúng ta cũng có thể ngồi gần người thương của mình mà rồi vẫn không thấy được sự có mặt trong nhau.

Cuộc sống này vẫn còn những điều kỳ diệu, vẫn có những điều tốt đẹp và nhiệm mầu, mang lại cho ta những niềm vui sâu sắc. Hạnh phúc bao giờ cũng có mặt, nhưng hạnh phúc cũng vẫn cần thêm một điều kiện quan trọng nữa, là sự có mặt của chính ta trong bây giờ và ở đây.

HOẰNG PHÁP

Mùa Sen Nở-PL 2556

# HOÀNG PHÁP

TRAU ĐỒI VÀ PHÁT HUY CHÁNH PHÁP

CỐ VẤN: THÍCH THÁI HÒA

Chủ biên: Thái Tuệ  
Chùa Phước Duyên, P. Hương Long, Tp. Huế  
Email: hoangphapvn@gmail.com  
Website: hoangphap.info - ĐT: 0905477819

## 33

NỘI DUNG



### MỪNG PHẬT ĐẢN SINH



03

Quy y Tam Bảo  
◇ Đạo Sinh



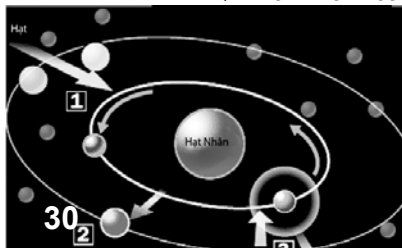
24

Chánh Kiến trong đời sống của  
những người con Phật  
◇ Thích Thái Hòa



13

Phương tiện thiện xảo  
trong Phật giáo Đại Thừa  
◇ Thích Nguyên Hiệp



30

Cái không trong Lượng tử  
◇ Phạm Xuân Yêm



Môi trường sống dưới góc nhìn  
của Duy Thức học  
◊ Đặng Công Hanh



81 Sinh hoạt Gia đình Phật tử trong bối  
cảnh mới: thời cơ và thách thức  
◊ Minh Thạnh



Món quà của sự chờ đợi  
◊ Nguyễn Duy Nhiên



86 Thánh nữ Visākā (Nữ đại thí chủ)  
◊ Minh Đức Triều Tâm Ảnh



76 Xây dựng cộng đồng  
◊ Nguyễn Minh

## THƠ

125. Dấu chân lưu giữa cõi Tòng  
◊ Tuệ Nguyên  
127. Niềm tĩnh lặng  
◊ Hạnh Phương

## NHẠC

- Búp sen cúng Phật  
◊ Lê Minh Hiền



# QUY Y TAM BẢO

ĐẠO SINH

Cuộc sống đích thực của người Phật tử bắt đầu với việc quy y Tam Bảo. Vào thời đức Phật, ý nghĩa quy y được trình bày qua ba phát biểu sau:

Buddham saraṇaṃ gacchāmi.

Dharmam saraṇaṃ gacchāmi.

Samgham saraṇaṃ gacchāmi.

Gacchāmi là động từ chia ở ngôi thứ nhất số ít thì hiện tại, có nghĩa *tôi đang đi*; Buddham là danh từ dùng ở đối cách, bổ túc cho động từ gacchāmi, có nghĩa là *đến Phật*; saraṇaṃ là

từ đồng cách với Buddhah, có nghĩa *đến nơi trú ngụ*. Hai câu còn lại có cùng cấu trúc trên vì thế cả ba câu có thể dịch sát là “Phật, nơi trú ngụ, tôi đang đi đến”; “Pháp, nơi trú ngụ, tôi đang đi đến”; “Tăng, nơi trú ngụ, tôi đang đi đến.”

Sau thời đức Phật, mặc dù Ngài không còn tại thế, giáo pháp không còn được chính Ngài tuyên thuyết bằng thanh ngữ và Tăng-già không còn được Ngài trực tiếp dẫn dắt, nhưng nghi thức quy y dành cho Phật tử vẫn được duy trì cho đến ngày nay; tất nhiên là duy trì với nội hàm được triển khai theo chiều hướng phát triển chung của tất cả các hoạt động khác của Phật giáo. Nói rõ hơn, ý nghĩa quy y đã được mở ra trên một bình diện phổ quát hơn, mang nhiều tính biểu tượng và siêu hình. Trong đó, Phật không còn chỉ cho một đức Phật Thích-ca bằng xương bằng thịt để chúng ta có thể tận mắt nhìn thấy mà đã trở thành biểu tượng cho sự giác ngộ viên

mãn; Pháp không còn chỉ cho những lời lẽ trực tiếp từ chính đức Phật để chúng ta có thể tận tai nghe thấy mà trở thành biểu tượng cho những phương tiện giải thoát thù thắng cấu thành toàn bộ lộ trình tu chứng; và Tăng không còn chỉ cho các bậc Thanh văn như Kiều-trần-như, Xá-lợi-phất mà đã trở thành biểu tượng cho một nhân cách thanh tịnh trong quá trình áp dụng các phương tiện thù thắng để thành tựu giác ngộ giải thoát. Rõ ràng là chúng ta ngày nay, trong khi phát nguyện quy y, sẽ không còn nhận được nhiều sự hỗ trợ trực tiếp từ tha lực như các Phật tử Nguyên thủy; tuy nhiên, nếu biết áp dụng khéo léo các chỉ dẫn của Tăng-già thì hành động quy y vẫn có những tác dụng nhất định đối với thân tâm chúng ta trong suốt tiến trình tu học.

Các phẩm tính *giác ngộ, giải thoát, thanh tịnh* được biểu thị qua Phật-Pháp-Tăng không phải là những gì chúng ta mất công tìm kiếm ở bên ngoài.

Đạo Phật không chủ trương có sẵn một quả vị hay một năng lực bí nhiệm nào đó đang chờ đợi chúng ta trong một không gian và thời gian nào đó. Trái lại, tất cả đều tùy thuộc vào tâm thức chúng ta. Đây là nền tảng cho sự khẳng định của đức Phật về khả năng thành Phật của mỗi người chúng ta, và cũng là kinh nghiệm thực chứng của tất cả A-la-hán và Bồ Tát trong suốt hành trình dẫn đến giải thoát.

Tuy nhiên, nếu tất cả các phẩm tính nói trên đều có đủ trong mỗi người chúng ta, tại sao chúng ta không được giải thoát mà vẫn phải trôi dạt trong dòng luân hồi sinh tử? Đây là câu hỏi then chốt và có ý nghĩa vô cùng đối với Phật tử chúng ta. Quả thật tất cả ba phẩm tính nói trên đều có công năng đoạn tận vô minh, chặt đứt các chướng ngại gây ra bởi phiền não và tri kiến nhị nguyên, và giúp chúng ta siêu việt thân phận phàm phu để nhập vào hàng thánh giả; nhưng chừng nào chúng ta chưa khơi dậy

được tiềm lực của chúng thì chúng vẫn chỉ là những khả tính. Điều này cho thấy ý nghĩa hệ trọng của việc quy y Tam Bảo đối với đời sống của bất kỳ Phật tử nào. Giống như gã “cùng tử” có viên ngọc quý trong người nhưng vì ngu muội nên phải chịu đói khổ ngày này qua ngày khác; chúng ta cũng có đủ các năng lực tiềm tàng có thể giúp chúng ta thoát khỏi khổ đau của luân hồi sinh tử nhưng chúng ta không hề biết để tận dụng chúng. Trong ý nghĩa này, quy y Tam Bảo là cơ hội khơi dậy ý thức vốn mê muội của chúng ta về ba kho báu mà chúng ta đang gìn giữ; đồng thời vạch ra cho chúng ta một hướng đi mới trong cuộc sống, hướng đi có thể dẫn đến một đời sống thật sự an lạc và hạnh phúc.

Gacchāmi không phải là quay về mà là đi đến, là lên đường, là tiến về phía trước. Hành động này nói lên tính cách kiên quyết, tự tin, dũng mãnh, sẵn sàng vượt qua mọi

chương ngại để nỗ lực không ngừng cho đến khi tới đích. Và saraṇaṃ không phải là nương tựa mà là nơi ở, nơi trú ngụ. Trong lúc sự nương tựa gọi lên trong chúng ta hình ảnh của sự bạc nhược, yếu đuối, của sự ý lại, mong chờ, thì trú ngụ lại chứa đựng ý nghĩa của sự thể nhập, sự đồng nhất bất khả phân. Đức Phật dạy chúng ta hãy tự thấp đuốc lên mà đi chứ không dạy chúng ta quay lui và cũng không ban cho chúng ta ngọn đuốc nào cả. Tất cả chúng ta đều có sẵn.

Một khi đã khơi dậy được ý thức rõ ràng và niềm tin xác quyết về ba phẩm tính cao quý đang hiện hữu trong chính mình từ vô thủy thì đó cũng là lúc chúng ta xóa tan ảo tưởng về sự phân ly cố hữu giữa chúng ta và Phật-Pháp-Tăng. Có thể nói rằng vào giây

phút chúng ta phát thệ quy y Tam Bảo thì đó cũng là lúc tâm thức chúng ta đã xuất gia cho dù chúng ta vẫn mang trên mình thân tướng phàm phu. Phát nguyện đi đến an trú trong ánh sáng của giác ngộ, của giải thoát, của thanh tịnh đồng nghĩa với quyết định từ bỏ ngôi nhà của vô minh, của trói buộc, của nhiễm ô đã giam hãm tâm



thức chúng ta trong nhiều đời nhiều kiếp.

Đến đây chúng ta có thể hiểu được tại sao hành động quy y lại cần thiết như thế đối với Phật tử. Những người không hiểu được ý nghĩa và giá trị của



việc làm này có thể cho rằng đó chỉ là một hành động thuần tính chất tôn giáo và tín ngưỡng, vì thế họ có thể nghĩ rằng quy y cũng giống như việc xin “rửa tội” hay “tuyên thệ” để chính thức trở thành thành viên của một tổ chức tôn giáo hay chính trị nào đó. Chính vì hiểu lầm như thế, không ít người trong chúng ta đã mắc phải hai loại mặc cảm lớn liên quan đến sự kiện quan trọng này.

Có người dù có thiện duyên sinh ra trong một gia đình có truyền thống Phật giáo nhưng không bao giờ dám nghĩ đến việc quy y. Những lý do thường được đưa ra để biện minh cho thái độ ngần ngại này là họ cảm thấy còn nhiều tội lỗi hoặc chưa đủ điều kiện để giữ giới sau khi quy y. Có người rất mạnh dạn trong việc quy y; nhưng sau khi quy y lại có ảo tưởng rằng mình sẽ gặp rất nhiều may mắn, lợi lạc trong đời sống vì đang được Phật-Pháp-Tăng phù hộ độ trì, đang được chia sẻ ân đức của Phật-Pháp-

Tăng, đang trở nên thanh tịnh giải thoát hơn vì đã đứng được trong hàng ngũ của những bậc thanh tịnh, giải thoát. Những ảo tưởng như thế dễ khiến họ sinh tâm ngã mạn, khinh thị những người không phải Phật tử, hoặc ngay cả những Phật tử chưa có điều kiện quy y hoặc đã quy y nhưng việc quy y không được tổ chức theo một nghi lễ hoành tráng, nơi một đạo trường trang nghiêm long lẫy, với sự chứng minh của những vị Tăng nổi tiếng.

Hai loại mặc cảm như thế đều có những tác hại lớn lao đối với Phật tử chúng ta. Mặc cảm tự ti khiến chúng ta bỏ lỡ cơ hội cải thiện đời sống của chính mình; và mặc cảm tự tôn khiến chúng ta dừng lại trên con đường phát triển mới mà lẽ ra chúng ta phải nỗ lực không ngừng để tiếp tục đi đến đích. Nếu gạt qua một bên tất cả các hình thức mang tính tôn giáo tín ngưỡng được hình thành trong quá trình phát triển thì tự thân đạo Phật là một lối sống

đã và đang đem lại sự an lạc và hiểu biết cao nhất cho những người đi theo nó. Như trên đã nói, quy y là điểm khởi đầu của một lối sống như thế. Và để đạt được an lạc và hạnh phúc thật sự thì chúng ta phải nỗ lực vượt qua hai chướng ngại chính là những *phiền não* và những *hiểu biết lệch lạc* của chính chúng ta. Để đạt được điều này, chúng ta không thể làm một mình mà phải có sự hỗ trợ của Tăng-già. Có thể nói rằng nếu không có sự hướng dẫn trực tiếp của Tăng-già, Phật tử chúng ta sẽ không bao giờ có thể bước đi trên con đường này. Đây là điều không ít chúng ta vẫn đang còn nhiều ngộ nhận tai hại. Khi nói đạo Phật là một lối sống, có nghĩa rằng nó được lập thành không phải bằng kiến thức, bằng lý thuyết suông mà bằng kinh nghiệm thực chứng của những người đang thể hiện lối sống đó. Những kiến thức Phật học, cho dù có quảng bác đến đâu, cũng chỉ là những mô tả về kinh nghiệm chứ không

phải tự thân kinh nghiệm. Tác dụng lớn nhất của chúng chỉ có thể giúp hình thành trong chúng ta những ý tưởng, những khái niệm về con đường chúng ta đang đi, chứ không phải là những kinh nghiệm của tự thân chúng ta trên con đường đó. Vì thế việc tìm ra một hay những người thầy có kinh nghiệm để hướng dẫn chúng ta đi trên con đường này là vấn đề sinh tử của chúng ta. Nói một cách dễ hiểu hơn, chúng ta chỉ có thể hy vọng đạt đến quả vị A-la-hán khi người thầy của chúng ta có những kinh nghiệm tâm linh ngang với kinh nghiệm của ngài Xá-lợi-phất. Và chúng ta sẽ phải mãi mãi ở vào vị trí của phàm phu hoặc thấp hơn nếu thầy của chúng ta là một Danh-tự-bí-sô.

Đến đây có lẽ chúng ta đã thấy được một nghịch lý bi đát cho những người mang mặc cảm tự ti đối với việc quy y Tam Bảo. Trường hợp này giống hệt như có người nào đó phát biểu rằng “tôi chỉ dám

uống nước khi nào tôi cảm thấy mình đã hết khát.” Thật ra, nếu chúng ta thành tâm mong muốn cải thiện đời sống của mình theo chiều hướng đi lên trong Phật pháp, thì ngay cả khi chưa quy y chúng ta vẫn có rất nhiều cơ hội tiếp cận và kinh nghiệm được một số điểm Phật pháp căn bản để điều chỉnh những cái nhìn lệch lạc của chúng ta; và từ đó có thể tự mình tránh được những mặc cảm nói trên.

Dưới cái nhìn của Phật giáo,<sup>(1)</sup> tất cả các trạng thái, các hoạt động tâm lý của một con người *luôn luôn sinh khởi có điều kiện và luôn luôn biến đổi*. Nói sinh khởi có điều kiện là vì không phải một “cái tôi” nào đó trong con người chúng ta muốn sinh ra chúng, mà vì chúng sinh khởi từ những điều kiện cần và đủ cho sự sinh khởi của chúng. Nói một cách dễ hiểu hơn, không phải “chúng ta cảm thấy thoải mái”, mà sự thật là một cảm giác thoải mái đang hình thành trong chúng ta từ một số điều kiện nào đó. Chẳng

hạn như trời không quá nóng hoặc quá lạnh, bầu không khí nơi chúng ta ngồi rất yên tĩnh, tư thế ngồi của chúng ta không bị vật gì chèn ép, ý tưởng về những công việc chúng ta cần phải làm không xuất hiện trong đầu chúng ta, sự nhìn thấy một món đồ ăn hoặc đồ uống chúng ta thích đang nằm sẵn trên bàn, v.v... Tuy nhiên cảm giác thoải mái đó chỉ xuất hiện trong thoáng chốc rồi biến mất để nhường chỗ cho một cảm giác khác bởi vì các điều kiện hình thành cảm giác đó cũng luôn luôn biến đổi. Nhưng nếu cảm giác sau đó có những tính chất tương tự như cảm giác trước đó, chúng lại giúp phát sinh trong đầu chúng ta một ảo tưởng rằng đó là một cảm giác duy nhất không thay đổi và chúng ta đang tận hưởng sự thoải mái trong một thời gian dài. Sự sinh khởi và biến mất của các cảm xúc khác, cũng như của các ý tưởng, ước muốn, sự nhận biết trong chúng ta đều xảy ra theo cách như thế, đúng như định

luật vô ngã và vô thường.<sup>(2)</sup> Tất cả các trạng thái, các hoạt động tâm lý một khi đã vận hành đều để lại một cái gì đó trong tâm thức chúng ta. Duy Thức tông gọi cái đó là hạt giống (bīja), tức những lực tiềm ẩn vừa là quả được hình thành từ sự hiện hành của các trạng thái tâm đã qua, vừa là nhân chính sinh khởi các trạng thái tâm sau đó. Điều này tương đối dễ hiểu đối với chúng ta; bởi vì nếu không có những hạt giống như thế, chúng ta sẽ không thể nào nhớ lại chuyện quá khứ, hoặc mọi thứ sẽ chấm dứt theo cái chết của chúng ta, sẽ chẳng có nghiệp lực, quả báo, luân hồi, tái sinh các thứ. Tuy nhiên điều đáng nói ở đây là trong tâm chúng ta luôn tiềm ẩn đủ loại mầm mống cho sự sinh khởi các trạng thái tâm khác nhau, cho dù là thiện hay bất thiện, tích cực hay tiêu cực.<sup>(3)</sup> Giá trị đích thực của bất kỳ hiện tượng nào, dù là Phật pháp hay thế pháp, cũng phải được tìm thấy, không phải trên danh tướng, mà trên chính ý

nghĩa và nội dung của nó. Một lời nói hay một hành động, cho dù có phù hợp với các giá trị quy ước của thế tục đến thế nào đi nữa nhưng nếu xuất phát từ một ý định bất thiện, vẫn là một nghiệp ác cần phải từ bỏ. Tất cả các quả vị, các thành tựu được nói đến trong Phật giáo không được xem như các học hàm, học vị, địa vị, chức tước, danh phận, có thể đạt đến bằng kiến thức hay công trạng được công nhận bởi đám đông, mà chỉ là những tên gọi nhằm chỉ cho các mức độ khác nhau trong quá trình triệt tiêu các năng lực tiêu cực đang duy trì vòng quay của sinh tử và phát triển các năng lực tích cực dẫn đến giác ngộ giải thoát trong tâm thức của một Phật tử. Trong Phật giáo, những cái nhìn xuyên suốt sự vận hành nội tại của bất kỳ hiện tượng nào đang diễn ra trong thân tâm chúng ta cũng như thế giới chung quanh được gọi là *những cái nhìn đúng* vì tự thân chúng chính là sự hiển hiện như thực lý duyên khởi

của tất cả các pháp. Trong khi Sankhara, một triết gia lỗi lạc của Ấn giáo vào thế kỷ thứ 9, cho rằng sợi dây phải được nhìn thấy như sợi dây, thay vì là một con rắn, mới được gọi là cái thấy biết đúng như thật, thì Phật giáo không dừng lại ở đó. Cái được gọi là sợi dây là một tồn tại được cấu thành bởi các điều kiện. Nếu chúng ta có thể nhìn xuyên suốt được sợi dây thì chúng ta có thể nhận ra rằng không có điều kiện cấu thành nào của nó có đủ các yếu tố để có thể gọi đó là sợi dây như chúng ta tưởng. Một tập

hợp mà tất cả các yếu tố tạo thành nó đã không thể gọi là sợi dây thì dựa vào đâu để có thể gọi tập hợp đó là sợi dây, nếu không phải đó chỉ là một ảo tưởng của chúng ta.

Với một vài kiến thức sơ đẳng trên, chúng ta hãy thử một lần sử dụng chúng như một lưỡi gươm để chặt đứt một vài nhận thức méo mó mà chúng ta đã tập nhiễm từ trước đến nay để từ đó có thể hình thành những cái nhìn mới về chính bản thân mình cũng như thế giới chúng ta quanh. Chỉ khi nào làm được như thế, chúng ta mới thấy



được giá trị cao quý của hành động quy y Tam Bảo mà chư Tổ đã bỏ bao tâm huyết để gìn giữ từ thời kỳ Nguyên thủy cho đến nay.

Chính vì đồng nhất sự hiện hành của chỉ một trạng thái tâm thiện hoặc bất thiện của một người vào một phút giây nào đó với toàn bộ nhân cách của người đó mà chúng ta đã vội vàng hình thành những phán đoán vội vã từ đó thốt ra những lời ca tụng hay miệt thị một cách ngu xuẩn.

Chính vì tưởng rằng các trạng thái tâm bất thiện như tham, sân, si là những trạng thái thường hằng bất biến nên chúng ta mới bỏ lỡ cơ hội thanh tẩy thân tâm để có thể trở thành một hiện hữu có ích cho chính mình và cộng đồng. Có thể nói rằng trong tất cả các hệ thống giáo lý, các ý thức hệ, các chủ thuyết đã và đang hiện hành trên thế giới thì Phật pháp là phương tiện tối ưu có thể giúp chúng ta loại bỏ tận gốc các độc tố tham sân si đang tàn phá

cơ thể con người và thế giới. Không tiếp cận được Phật pháp mà mơ ước trừ bỏ tham sân si mãi mãi là một điều không tưởng.

Trên đây chỉ là một vài điều sơ đẳng được nêu làm ví dụ về khả năng chuyển đổi của Phật pháp đối với những nhận thức và hành động sai lạc của chúng ta trong cuộc sống. Với sự dẫn dắt của một vị thầy có kinh nghiệm và luôn quan hoài đến từng bước đi của chúng ta trên con đường khó khăn này, mỗi ngày chúng ta sẽ có nhiều cơ hội làm sống dậy những phẩm tính cao quý đang bị chôn vùi bởi vô minh và phiền não trong thân tâm chúng ta qua nhiều đời nhiều kiếp. Chúng ta đừng quên rằng, mục đích duy nhất của Phật pháp là giúp chúng ta có được một cái nhìn đúng về con người và thế giới. Chừng nào chưa có được cái nhìn như thế thì tất cả những gì chúng ta nhận được từ Phật pháp cũng đều như huyền như mộng ▣



# PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO

trong Phật giáo Đại Thừa

THÍCH NGUYỄN HIỆP

Ở bài viết trước, chúng ta đã bàn về một vài khía cạnh của khái niệm Phương tiện thiện xảo trong Nikaya. Bài này sẽ tìm hiểu khái niệm phương tiện trong Phật giáo Đại thừa. Phương tiện thiện xảo được đề cập đến trong nhiều kinh sách Đại thừa, và có ba bản kinh nhấn mạnh khái niệm này là Pháp Hoa, Duy Ma Cật và Thiện Phương Tiện. Ở đây tôi chỉ sẽ tìm hiểu khái niệm phương tiện nơi ba bản kinh này. Và những trình bày ở đây cũng chỉ là khái lược.

## PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO TRONG KINH PHÁP HOA

(Saddharmapuṇḍarīka Sūtra)

Kinh Pháp Hoa đặc biệt quan trọng đối với Phật giáo Đại thừa, và có thể nói là một trong những bản kinh phổ biến nhất. Kinh Pháp Hoa đề cập đến một số giáo lý quan trọng như Nhất thừa, Phật tính và Phương tiện. Về khía cạnh “tín ngưỡng”, bản kinh nhấn mạnh vào Tín (śraddhā), với các tín ngưỡng thờ tháp, tụng đọc kinh sách, mà về phương diện lịch sử đã phản ánh một trào lưu thực hành tôn giáo vào thời điểm bản kinh hình thành.

Kinh Pháp Hoa thể hiện một sự dung hòa tông phái, mong muốn đưa tất cả các pháp môn và các “thừa” (yāna) về một nguồn. Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa chỉ là những phương tiện đưa đến Phật thừa; và do đó không có gì chống trái nhau mà chỉ là những phương tiện tạm thời trên con đường tu tập. Và kinh

Pháp Hoa cho rằng “vì không có thừa thứ hai trong mười phương thế giới, có thể nào lại có thừa thứ ba!”

Phẩm Thí Dụ của kinh Pháp Hoa kể câu chuyện về căn nhà đang bốc cháy trong khi những người con của vị trưởng giả cứ mãi say chơi bên trong. Vị trưởng giả vì muốn cứu các con ra khỏi ngôi nhà lửa ấy nên bảo các con ông hãy ra bên ngoài và hứa sẽ cho họ “xe hươu, xe dê, xe trâu”. Những loại “xe” khác nhau này chỉ là những phương tiện để đưa những người con trong ngôi nhà lửa đang bốc cháy thoát ra khỏi đó. Nhưng khi những người con của ông đã thoát ra khỏi ngôi nhà lửa rồi, thì ông đều cho họ cùng một loại xe, lớn và đẹp.

Kinh Pháp Hoa cho rằng quả vị cuối cùng của một hành giả là Phật quả, bởi vì tất cả chúng sanh đều có Phật tính. Nhưng con đường tu tập của hành giả có thể khác nhau do vì căn cơ sai biệt. Và do vì căn cơ của chúng sanh không giống nhau,



chư Phật đã phải sử dụng những phương thức giáo hóa khác nhau. Nhưng những phương thức giáo hóa khác nhau này cuối cùng sẽ đưa đến một đích chung, đó là Phật thừa: “Xá-lợi-phất, chư Phật trong quá khứ sử dụng vô số phương tiện thiện xảo, những nguyên tắc và các điều kiện khác nhau, cùng những ngôn từ so sánh và minh họa để giảng giải giáo pháp vì lợi ích của chúng sanh. Tất cả những giáo pháp này vì một Phật thừa duy nhất. Tất cả chúng sanh, qua việc lắng nghe giáo pháp của chư Phật, cuối cùng có thể đạt được nhất thiết chủng trí.”

Kinh Pháp Hoa trình bày nhiều câu chuyện và ẩn dụ khác nhau để nói đến sự thiện xảo trong phương tiện giáo hóa của chư Phật. Con đường luân hồi vùi vợi, chúng sanh hẳn đôi khi cần đến những trạm dừng chân tạm thời. Có những giáo pháp chỉ như “những thành quách được hóa hiện” cho chúng sanh tạm nơi nghỉ, để sau đó tiếp

tục hành trình tìm đến quả vị Phật, vốn không phải là con đường dễ dàng. Giáo pháp là “dược thảo”, có thể chữa lành bệnh khổ của chúng sanh, nhưng để chúng sanh sử dụng “thuốc” đó cũng phải cần đến phương tiện...

Kinh Pháp Hoa cho rằng sự xuất hiện của chư Phật ở thế gian này là để khai mở “tri kiến Phật” cho tất cả chúng sanh, giúp chúng sanh thấy rõ Phật tính của mình, và sự xuất hiện của đức Phật ở cõi đời là một phương tiện vì lợi ích của chúng sanh: “Chư Phật, chư Thế Tôn, muốn mở cánh cửa tri kiến Phật đối với tất cả chúng sanh, để đưa họ đến thanh tịnh. Đó là tại sao chư Phật xuất hiện ở đời. Chư Phật muốn chỉ tri kiến Phật cho chúng sanh, và do đó chư vị xuất hiện ở đời. Chư Phật muốn giúp chúng sanh thấy rõ tri kiến Phật, do đó chư vị xuất hiện ở đời. Chư Phật muốn giúp chúng sanh đi vào con đường tri kiến Phật, và do đó chư vị xuất hiện ở đời.

Xá-lợi-phất, đây là lý do chính yếu đức Phật xuất hiện ở đời.”

### **PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO TRONG KINH DUY MA CẬT**

(Vimalakīrtinirdeśa Sūtra)

Kinh Duy Ma Cật đề cập đến một số giáo lý quan trọng như Tánh không, Nhị đế, Bát nhị và Phương tiện, cũng như đề cập đến những giáo pháp căn bản khác như vô thường, khổ và vô ngã... Kinh Duy Ma Cật cũng nỗ lực trình bày một phương cách thực hành Phật pháp ở bên ngoài đời sống tự viện. Nói cách khác, Kinh Duy Ma Cật trình bày một phương cách thực hành Phật pháp ở nơi đời sống trần tục, không bị rào cản vào trong một hình thức và giới hạn ở nơi một phạm vi nào.

Cũng như kinh Pháp Hoa, kinh Duy Ma Cật dành riêng một phẩm để nói về giáo lý phương tiện. Tuy nhiên cũng có thể nhận thấy rằng, tinh thần “phương tiện” hiện diện xuyên suốt bản kinh này. Đoạn

mở đầu của phẩm Phương Tiện giới thiệu về trưởng giả Duy Ma Cật, nhân vật chính của bản kinh này, cũng được xem là người thực hiện phương tiện một cách thiện xảo: “Bấy giờ, trong thành Tỳ-da-li có vị trưởng giả tên Duy-ma-cật, hằng cúng dường vô lượng Phật, trồng sâu gốc rễ thiện, chúng đắc vô sanh pháp nhãn, có tài biện thuyết vô ngại, hiện du hí thần thông, nắm vững các tổng trì, đạt được vô sở úy; khuất phục mọi thù nghịch quấy nhiễu của Ma, thấu hiểu mọi Pháp môn sâu thẳm, dẫn đến giác ngộ, thiện xảo trong trí độ và biết diệu dụng các phương tiện thích hợp để giáo hóa, hoàn thành được mọi đại nguyện của Bồ Tát. Ông biết rõ xu hướng của tâm chúng sinh, có thể phân biệt căn tính bén nhạy hay chậm lụt. Đã từ lâu tâm của ông đã thành thực trong Phật đạo, đã quyết định nơi Đại thừa. Mọi hành động của ông đều dựa trên tư duy chân chánh. An trú trong oai

lực nhiệm mầu của Phật, tâm ông luôn trải rộng như đại dương. Được chư Phật ca ngợi; hàng Đế-thích và Phạm-thiên kính phục.” (TT. Tuệ Sỹ dịch)

Qua đoạn kinh trên, phương tiện trước hết là cách sử dụng những phương pháp thích hợp khác nhau để hóa độ chúng sanh. Nhân vật Duy Ma Cật trong bản kinh được đề cập đến như một vị Bồ Tát tại gia thành đạt trong đời sống trần tục, nhưng lại am hiểu và thực hành rốt ráo Phật pháp; và hơn hết, có khả năng sử dụng “vô vàn phương tiện để giảng dạy Chánh Pháp vì lợi ích của chúng sanh.” Sự xuất hiện với hình thức cư sĩ của ông, và việc ông “diệu dụng” tham gia vào những công việc ở đời, đều là những phương tiện qua đó ông có thể truyền trao giáo pháp và làm lợi ích chúng sanh: “Ông đã vận dụng phương tiện chọn Tỳ-da-li làm nơi thường trú để hóa độ chúng sanh. Bằng gia sản vô lượng của mình, ông cứu giúp người cùng khổ. Bằng sự

thanh tịnh của giới, ông nhiếp phục người phá giới. Bằng sự nhu hòa thuận nhẫn, ông nhiếp phục người sân hận. Bằng đại tinh tấn, ông nhiếp phục người biếng nhác... Tuy là cư sĩ ông vẫn tự tại không vương mắc Ba cõi. Tuy thị hiện có vợ con ông luôn sống đời tịnh hạnh. Tuy hiện thân giữa các thuộc hạ, vẫn thường vui thú viễn ly... Tiếp nhận di đạo mà không hủy chánh tín. Thông hiểu kinh điển thế gian, nhưng thường hâm mộ Pháp Phật... Rong chơi trên các ngõ đường, vẫn không quên giúp ích mọi người. Vào chốn công đường để bảo vệ kẻ thế cô. Tham gia các nghị hội để đưa người vào Đại thừa. Đến các trường học để khai sáng tâm mọi người. Vào nơi kỹ viện để cho thấy tai họa của dục vọng. Vào trong tửu lâu mà vẫn vững vàng ý chí...” (TT. Tuệ Sỹ dịch).

Bồ Tát đi vào đời với tâm từ bi vô lượng. Với “phương tiện huệ”, Bồ Tát nhận thấy rằng chính mình với chúng sanh là

“bất nhị”. Khổ đau của người khác, do đó, cũng như khổ đau của chính bản thân mình. Bởi vì chúng sinh bệnh khổ nên Bồ Tát cũng bệnh khổ. Mỗi khi bệnh của chúng sinh được chữa lành thì Bồ Tát sẽ lành bệnh. Bệnh của Bồ Tát, do đó, là sự thể hiện của từ bi. Nói cách khác, bệnh của Bồ Tát là phương tiện qua đó chỉ cho chúng sanh thấy được khổ, nguyên nhân và cách thức thoát khổ: “Si và hữu ái là nguồn gốc của bệnh tôi. Vì hết thấy chúng sinh bệnh mà tôi bệnh. Bao giờ hết thấy chúng sinh đạt đến chỗ không bệnh, bệnh tôi sẽ hết. Vì sao? Bồ Tát vì chúng sinh mà đi vào sinh tử. Có sinh tử thì có bệnh. Nếu hết thấy chúng sinh được thoát ly bệnh khổ thì Bồ Tát không còn bệnh. Ví như, vị trưởng giả chỉ có đứa con một; khi người con ấy bị bệnh, cha mẹ nó cũng bị bệnh. Nếu nó bình phục, cha mẹ

nó khỏe. Cũng vậy, Bồ Tát yêu thương chúng sinh như cha mẹ yêu con, nên chúng còn bệnh thì Bồ Tát còn bệnh; khi chúng hết bệnh, Bồ Tát khỏe! Câu hỏi tiếp theo là, bệnh của Bồ Tát từ đâu phát sinh? Bệnh của Bồ Tát xuất phát từ tâm đại bi.” (TT. Tuệ Sỹ dịch).

Bởi vì căn tánh và nghiệp lực của chúng sanh trong cõi đời không hề giống nhau, nên không có một hình thức hóa độ được ấn định bất biến dành cho tất cả mọi hạng người,



không có một giáo pháp hay một pháp môn duy nhất dành cho tất cả. Bởi vì khổ đau của chúng sanh với muôn hình vạn trạng, Bồ Tát đi vào đời với những phương tiện khác nhau để làm lợi ích chúng sanh, không chỉ bằng một phương thức duy nhất. Và bởi vì những điều kiện quốc độ không giống nhau, “Phật sự” của chư Bồ Tát không có cùng một khuôn mẫu. Do đó: “Có cõi Phật lấy ánh quang minh của Phật làm Phật sự. Có cõi lấy chư Bồ Tát làm Phật sự. Có cõi lấy hóa nhân làm Phật sự. Có cõi lấy cây bồ-đề làm Phật sự. Có cõi lấy y phục, ngọa cụ của Phật làm Phật sự. Có cõi lấy cơm làm Phật sự. Có cõi lấy hoa viên, đèn các làm Phật sự. Có cõi lấy ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Phật làm Phật sự. Có cõi lấy thân Phật làm Phật sự. Có cõi lấy hư không làm Phật sự; chúng sanh nhờ các duyên này mà có thể nhập luật hạnh...” (TT. Tuệ Sỹ dịch)

Tinh thần này không chỉ tồn

tại trong kinh sách, mà có thể thấy rõ nơi đời sống thực tế. Và để thực hiện điều này, Bồ Tát cần phải có đủ trí tuệ và từ bi.

Kinh Duy Ma Cát cũng xem phương tiện là cách giúp hành giả thoát ra khỏi sở chấp và bám víu. Bám víu, dù vào vị ngọt của thiên hay những quả vị tu chứng đều bị xem là trói buộc: “Cho nên, Bồ Tát chớ tự trói buộc mình. Thế nào là trói buộc? Thế nào là cởi mở? Tham đắm vị ngọt của thiên là trói buộc của Bồ Tát. Bằng phương tiện mà tái sinh, đó là Bồ Tát cởi trói. Lại nữa, không có phương tiện huệ là trói buộc; có phương tiện huệ là cởi trói. Không có huệ phương tiện là trói buộc; có huệ phương tiện là cởi trói.” Do đó Bồ Tát thiện xảo trong phương tiện sẽ “Tu học Không mà chẳng lấy Không làm chỗ chứng đắc; tu học Vô tướng, Vô tác mà không lấy Vô tướng, Vô tác làm sở chứng; tu học vô khởi mà không lấy vô khởi làm sở chứng; quán vô thường mà không nhằm chán gốc thiện;

quán sự khổ của thế gian mà không chán ghét tử sinh; quán vô ngã mà dạy người không mê; quán niết bàn mà không vĩnh viễn tịch diệt; quán viển ly mà thân tâm vẫn thường hành việc thiện; quán không có chỗ quy về mà tâm vẫn quy về thiện pháp; quán vô sinh nhưng vẫn bằng sinh pháp mà gánh vác tất cả; quán vô lậu mà không đoạn trừ các lậu; quán không có chỗ sở hành mà vẫn hành pháp giáo hóa chúng sinh; quán Không mà không xả đại bi; quán Chánh pháp vị mà không theo lối Tiểu thừa; quán các pháp hư vọng, không bền chắc, không người, không chủ, không hình tướng, nhưng vì bản nguyện chưa đầy nên không xem là hư dối các công đức, thiên định, trí tuệ.” (TT. Tuệ Sỹ dịch)

Như đã nói ở trên, kinh Duy Ma Cật nhấn mạnh việc thực hành Phật pháp ngay trong đời sống thường nhật thế gian. Vì nhấn mạnh vào điều này, nhiều nơi trong kinh Duy Ma Cật đã phê bình cách hiểu và thực

hành Phật pháp truyền thống. Phương tiện trong kinh Duy Ma Cật, do đó cũng là cách vượt qua khỏi những gì được cho là khuôn mẫu. Chúng ta có thể tìm thấy điều này nơi phẩm “Chúng đệ tử”: “Bất tất ngồi như vậy mới là ngồi tĩnh niệm. Hiện thân và ý mà không ở trong ba cõi, ấy mới là tĩnh tọa. Hiện các oai nghi mà vẫn không xuất khỏi diệt tận định, ấy mới là tĩnh tọa. Hiện thân làm các việc phàm phu mà không xả Đạo pháp, ấy mới là tĩnh tọa. Tâm không trụ trong, không trụ ngoài, ấy mới là tĩnh tọa. Tu hành ba mươi bảy phẩm mà không làm dao động các kiến chấp, ấy mới là tĩnh tọa. Nhập Niết bàn mà không đoạn trừ phiền não, ấy mới là tĩnh tọa. Ngồi được như vậy, thì mới được Phật ấn khả.” (TT. Tuệ Sỹ dịch).

## PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO TRONG KINH THIỆN PHƯƠNG TIỆN

(Upāyakaśālyā Sūtra)

Trong kinh Thiện Phương

Tiện, phương tiện có thể được phân thành hai phần: cuộc đời của đức Phật Thích Ca là một sự thể hiện phương tiện thiện xảo, và phương tiện thiện xảo là những việc làm đặc biệt của chư Bồ Tát.

Theo kinh này, cuộc đời của đức Phật từ lúc nhập vào thai tạng cho đến khi niết-bàn là một quá trình thực hiện những phương tiện thiện xảo. Kinh Thiện Phương Tiện cho rằng việc đức Phật đản sinh vào trong hoàng cung, kết hôn và sau đó xuất gia, đều là những phương tiện. Những sự kiện đó nhằm cho chúng sanh thấy rằng, cuộc sống dù quyền quý, giàu sang và đầy lạc thú, nhưng việc xuất gia, giác ngộ thành Phật lại cao quý hơn.

Kinh này cũng cho rằng, đức Phật nhập thai tạng và xuất hiện ở cõi đời không phải do nghiệp lực, mà Ngài xuất hiện vì hạnh nguyện giáo hóa chúng sanh. Đức Như Lai đã thành Phật từ vô lượng kiếp, sự thành Phật dưới cội bồ-đề chỉ là một

phương tiện thiện xảo. Hay nói như kinh Duy Ma Cát, “đức Phật hiện thân trong đời năm trước ác, hiện hành pháp này để cứu độ chúng sinh.”

Phương tiện của chư Bồ Tát là việc thực hiện rất ráo các ba-la-mật với mong muốn chúng đạt giác ngộ và cứu độ chúng sanh. Kinh Thiện Phương Tiện cho rằng, một vị Bồ Tát dù bố thí một mẩu thức ăn nhỏ cho một con thú, thì việc bố thí đó phải hướng đến việc cầu trí tuệ giác ngộ và hồi hướng phước đức có được cho chúng sanh. Và bằng phương tiện thiện xảo, khi Bồ Tát thực hiện một việc làm bố thí, thì đồng thời cũng đang thực hiện các ba-la-mật còn lại. Kết thúc phần nói về phương tiện của chư Bồ Tát, kinh Thiện Phương Tiện nói rằng: “Kāśyapa, chư Đại Bồ Tát tu tập phương tiện thiện xảo thì có vô lượng đức tính. Kāśyapa, vị Đại Bồ Tát sẽ không thực hiện việc gì làm hại mình hay hại người, cũng không nói lời làm hại mình hay hại người.”

Như vậy, phương tiện thiện xảo cũng là không làm hại mình, hại người; và tích cực hơn, là làm lợi mình lợi người.

Tuy nhiên, kinh Thiện Phương Tiện đã thuật lại một số câu chuyện mà chúng đặt ra những thách thức về giới luật và đạo đức. Kinh này kể lại một số trường hợp, các Bồ Tát để thực hiện phương tiện thiện xảo vì lợi ích của chúng sanh, đã vượt qua những giới luật căn bản.

Kinh kể lại câu chuyện rằng, vào một tiền kiếp, đức Phật là một vị Bồ Tát dẫn đầu một đoàn thương buôn 500 người. Trong số này có một tên cướp trà trộn vào và y đã manh tâm muốn sát hại đoàn thương nhân để đoạt tài sản. Bồ Tát biết được dã tâm của tên cướp và ngài nghĩ rằng, nếu ngài giữ im lặng và để tên cướp kia thực hiện hành vi “giết người cướp của” thì y sẽ lãnh quả báo đọa vào địa ngục. Còn nếu Bồ Tát tiết lộ cho đoàn thương nhân biết ý đồ của tên cướp, đoàn

thương nhân chắc chắn sẽ phần nộ và ra tay trừng phạt tên cướp kia, và như vậy đoàn thương nhân cũng sẽ chịu quả báo rơi vào đường ác. Và kinh này cho rằng, sau nhiều ngày đêm suy nghĩ, vì lòng từ bi, Bồ Tát đã ra tay hạ sát tên cướp kia, để cho y và đoàn thương nhân tránh được nghiệp xấu và khỏi rơi vào ác đạo. Việc làm này của Bồ Tát, được bản kinh xem là một phương tiện thiện xảo.

Phương tiện trong bản kinh này, cũng như một vài trường hợp mà chúng ta có thể gặp ở phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, đã đặt ra những tranh luận về vấn đề đạo đức. Nếu như giới không sát sinh phải áp dụng vào trong mọi trường hợp, thì như vậy một hành động sát sinh với động cơ nào đi nữa, cũng trở thành sai trái. Nhưng đạo đức của Đại thừa được đặt cơ sở trên lòng từ bi, vì lợi ích của chúng sanh, và như vậy thực hiện phương tiện thiện xảo trong nhiều trường hợp là thực hiện một “đạo đức



tình huống.” Nhiều câu chuyện trong kinh này đặt ra những tình huống “nan giải” giữa việc phải chịu vi phạm giới luật hay làm tổn hại lòng từ bi. Có nghĩa rằng, nếu Bồ Tát thực hành điều đó ngài sẽ phạm giới, nhưng nếu không thực hiện, ngài sẽ làm tổn hại lòng từ bi. Một hành động đúng hay sai, như vậy, phải được đặt vào trong từng bối cảnh hay tình huống cụ thể, và ngay cả động cơ của người thực hiện hành động đó. (Tuy nhiên, để biết được động cơ, điều này lại rất khó.)

Phương tiện ở đây, do đó, là một sự linh hoạt trong hành động để thích ứng với từng hoàn cảnh cụ thể, là một khả năng thích ứng hoàn cảnh được đặt cơ sở trên trí tuệ và lòng từ bi. Tức Bồ Tát thực hiện một hành động, có khi hành động đó vượt ra khỏi giới luật, nhưng vì lợi ích của chúng sanh, Bồ Tát quyết định làm.

Từ những xem xét sơ lược về khái niệm phương tiện được đề cập trong những bản kinh ở

trên, chúng ta có thể tóm tắt lại như sau: phương tiện là những cách thức giáo hóa khác nhau của đức Phật, tùy theo khả năng và căn cơ của chúng sanh mà trao cho họ những giáo pháp thích hợp; Phật giáo có các thừa (yāna) khác nhau, nhưng những thừa này chỉ là phương tiện để đưa đến một thừa cuối cùng là Phật thừa; Phương tiện là tinh thần không bám víu vào pháp môn và quả vị tu chứng; phương tiện là trí tuệ thấy rõ tính không của các pháp và sống bằng một tinh thần không thủ chấp; sự đản sanh của đức Phật ở cuộc đời này là một phương tiện vì lợi ích của chúng sanh; phương tiện là làm việc vì lợi ích của người khác; và phương tiện là khả năng giải quyết những tình huống nan giải, giữa việc vi phạm giới luật và việc làm tổn hại lòng từ bi, giữa lợi ích cá nhân và lợi ích của tha nhân... ▣

**Thích Nguyên Hiệp**



# Chánh Kiến

## trong đời sống của những người con Phật

THÍCH THÁI HÒA

**N**hững người con Phật chơn chính, thì lúc nào và ở đâu, họ cũng thực hành pháp và chánh pháp trở thành đời sống của chính họ. Họ được nuôi dưỡng ở trong chánh pháp và họ vui sống trong chánh pháp mỗi ngày.

Ta có thể nói về chánh pháp rất giỏi, vì ta đã có quá trình tích lũy những kiến thức về chánh pháp từ học đường, từ thư viện, từ các buổi hội thảo hay pháp đàm, nhưng thực hành chánh pháp để nhiếp phục phiền não nơi tâm ta, để tâm ta thực sự có giới, có định và có tuệ, khiến cho chánh kiến sinh khởi và có mặt ngay trong đời sống của ta, thì ta có thể chưa giỏi chút nào!

Ở trên trời dưới đất, ai là người có khả năng thấy pháp để nói, thấy pháp để thực hành và đã thực hành đúng như những gì mình đã thấy và đã nói? Người ấy không ai khác hơn là Đức Phật.

Phật là người có Chánh kiến, Phật là người hiểu Chánh kiến và Phật là người thể nhập với Chánh kiến, còn chúng ta tuy mang danh là Phật tử, nhưng là những người đang học về Chánh kiến, chứ chưa thể hiểu được rốt ráo về Chánh kiến. Chánh kiến là do thực hành Giới Định Tuệ mà sinh khởi, chứ không phải do học hỏi hay tích lũy kiến thức Phật học mà sinh khởi. Chánh kiến là do đoạn tận vô minh, chấp ngã mà sinh khởi, chứ không thể sinh khởi từ những tư duy chấp ngã. Chấp vô ngã vẫn không phải là chánh kiến huống gì chấp ngã?!

Chánh kiến là phải thấy rõ sự thật về Khổ, thấy rõ sự thật về Tập, thấy rõ sự thật về Diệt, thấy rõ sự thật về Đạo.

Ai là người thấy rõ sự thật

về khổ? Chỉ có Phật mới thấy rõ sự thật này.

Ai là người thấy rõ sự thật về Tập? Chỉ có Phật mới thấy rõ sự thật này.

Ai là người thấy rõ sự thật về Diệt? Chỉ có Phật mới thấy rõ sự thật này.

Ai là người thấy rõ sự thật về Đạo? Chỉ có Phật mới thấy rõ sự thật này.

Khổ thì ai cũng thấy, nhưng thấy rõ sự thật về Khổ, thì chỉ có Phật mới thấy, vì sao? Vì chỉ có Phật mới có Chánh kiến về Khổ, nên thấy.

Tập thì có nhiều vị thấy, nhưng thấy rốt ráo của sự thật về Tập, thì chỉ có Phật mới thấy, vì sao? Vì chỉ Phật mới có Chánh kiến về Tập, nên thấy.

Diệt thì cũng có nhiều người chứng nghiệm, nhưng chứng nghiệm rốt ráo sự thật về Diệt, thì chỉ có Phật mới chứng nghiệm, vì sao? Vì chỉ có Phật mới có Chánh kiến, nên chứng nghiệm rốt ráo sự thật về Diệt.

Đạo thì cũng có nhiều người thấy, nhưng thấy rốt ráo sự thật

về Đạo, thì chỉ có Phật mới thấy, vì sao? Vì chỉ Phật mới có Chánh kiến về Đạo, nên thấy.

Vì không thấy rõ sự thật về khổ, nên khi khổ tới, ta rên rỉ, than khóc, khiếp đảm, khi khổ đi qua, chúng ta quên và chúng nào tạt nấy, chúng ta vẫn tiếp tục cái phàm tục trong ta.

Nếu chúng ta thấy sự thật về khổ, thì vấn đề tu học của chúng ta đã tiến bộ rất nhiều, nhưng vì chúng ta không thấy sự thật về khổ, mà chỉ thấy khổ do các cảm giác bất như ý đem lại, nên các khổ thọ đi qua, chúng ta hết thấy khổ và chúng nào tạt nấy, chúng ta vẫn tiếp tục cái nghiệp cũ trong ta.

Nếu thấy được sự thật về khổ và nuôi dưỡng thường trực cái thấy ấy, thì chúng ta hết khổ đã lâu rồi, nhưng vì chúng ta không thấy thường trực sự thật về khổ, nên không bao giờ chúng ta hết khổ. Đôi khi chúng ta làm khổ là vui, làm vui là khổ.

Thấy khổ, thấy tập khởi của khổ rồi, mà than thở cũng vô

ích, cho nên khi thấy tập khởi của khổ rồi, thì ta phải hạ thủ công phu mà tu tập đạo đế. Đạo đế đã tu tập, thì diệt đế trước sau gì cũng có mặt trong ta.

Chúng ta là đệ tử Phật, chúng ta quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng và thọ trì năm giới, tức là chúng ta muốn diệt tận tập đế, để khổ đế vĩnh viễn chấm dứt.

Cho nên, sự tu học phải có trạch pháp, phải có sự lựa chọn. Chính sự lựa chọn là một trong những yếu tố tạo nên Chánh kiến. Vì vậy trong chất liệu tạo nên người Phật tử, hoàn toàn không có chất liệu mê tín, không có chất liệu cực đoan. Vậy, chúng ta là Phật tử, chúng ta phải đào tạo thế hệ kế thừa sự nghiệp Phật tử của chúng ta là chúng ta phải đào tạo như thế nào?

Chúng ta phải đào tạo chính con cháu của chúng ta kế thừa truyền thống cao đẹp của chúng ta; chúng ta phải biết tạo cơ duyên cho những ai có cảm tình với sự tu tập chúng ta; và chúng

ta phải biết thể hiện những gì tốt đẹp, cao quý đến những người chưa biết chúng ta là Phật tử, để cho họ có những cơ duyên hiểu biết về những gì cao đẹp của người Phật tử chúng ta, khiến cho họ nếu chưa đủ cơ duyên để theo chúng ta, thì họ cũng có thể yểm trợ chúng ta và nếu họ chưa có đủ cơ duyên để yểm trợ chúng ta, thì ít ra họ không gây trở ngại hay chống lại chúng ta.

Người Phật tử chúng ta hãy lưu ý, ngoài những nhân duyên liên hệ với chúng ta, không có ai chống đối chúng ta. Chống đối chúng ta, phần nhiều đi từ những người đã từng có nhân duyên theo ta và ủng hộ chúng ta, chứ không ai khác. Những người đi theo chúng ta, ủng hộ chúng ta, hoan hô chúng ta, mà không có chánh kiến, không thực hành chánh pháp, thì trước sau gì những người ấy cũng phỉ báng và chống lại chúng ta, chứ không ai khác. Đây là điều mà chúng ta cần phải quán chiếu để thấy rõ sự thật trong từng

nhân duyên của vấn đề. Thấy rõ sự thật nhân duyên của từng vấn đề như vậy, gọi là Chánh kiến. Nếu thấy mà không thấy rõ nhân duyên quả báo như vậy gọi là tà kiến. Khi một người bị rơi vào tà kiến, thì càng giải quyết vấn đề là càng sai vấn đề, càng nói là càng bậy, càng đi là càng lệch đường, càng đi là càng sai hướng, vì nhà ở hướng đông mà đi về hướng tây là không bao giờ về đến nhà được.

Phật tử mà không có Chánh kiến thì làm sao thấy được ngôi nhà giác ngộ của mình để đi về? Phật tử mà sợ hãi sự tu học, thì làm sao mà đi tới được với ngôi nhà Phật Pháp?

Con cháu nghe nói về nhà cha mẹ, tổ tiên mà sinh tâm sợ hãi, thì không phải là con cháu trong gia đình nữa rồi. Cũng vậy, Phật tử nghe nói đến sự tu học mà sợ hãi, thì chắc chắn đó không phải là Phật tử.

Chỉ vì không có Chánh kiến, nên không nhận ra được đường tà nẻo chánh và vì do không thấy tà, nên không thể bỏ tà;

không thấy chánh, nên không thể theo chánh.

Tà thì ở đâu cũng có và lúc nào cũng có, vấn đề là ta có thấy được đó là tà, thì ta mới từ bỏ được, chứ bảo thể gian đừng có tà, thì không còn là thể gian nữa. Vấn đề thể gian hay xuất thể gian là không quan trọng, mà quan trọng là thấy rõ sự thật về thể gian và xuất thể gian, để tu tập và tòi tà phụ chánh. Khi thấy rõ sự thật của tà, thì mình bỏ tà một cách nhẹ nhàng, bỏ tà như cắt bỏ ruột thừa mà thôi. Vì không thấy rõ tà, nên ta không tu tập rõ ràng và ta thường bị tà ma quấy rối.

Tôi nói giữa này có rất nhiều người tín ngưỡng Phật giáo, nhưng lại là rất ít Phật tử. Có tín ngưỡng Phật giáo, nhưng chưa hẳn là Phật tử; có nhiều người khoác áo nhà tu, nhưng trở thành những bậc chân tu không phải dễ dàng gì! Nếu nhiều Phật tử thì tà thuyết không thể xen vào được, nhưng mình chỉ là Phật tử giả danh, tu học không có Chánh kiến. Tôi nói trắng ra,

nhiều tổ chức mang danh nghĩa Phật giáo, nhưng đào tạo những thành viên không đúng với phẩm chất Phật giáo. Họ đào tạo chạy theo danh nghĩa hơn là thực chất; đào tạo mang tính lý thuyết hơn là thực nghiệm, nên những hậu quả xấu đã xảy ra đến cho thời đại chúng ta có liên lụy đến Phật giáo và xã hội con người, điều đó nếu chúng ta có chút trầm tĩnh và chiêm nghiệm giáo lý nhân duyên, nhân quả, nghiệp báo của đức Phật dạy là thấy ngay.

Là Phật tử, chúng ta không chống lại thể gian mà cũng không theo thể gian. Chống lại thể gian này thì lấy gì để tu? Cơm đâu mà ăn? Áo đâu mà mặc? Nhà đâu mà ở? ....

Theo thể gian để có ngũ dục và hưởng thụ ngũ dục là phi Phật tử. Chống thể gian để có giải thoát là điều hoang tưởng, hoàn toàn không có trong Phật giáo và chạy theo thể gian để có giải thoát lại càng không có trong giáo lý Phật giáo.

Chúng ta hãy nhìn kỹ vào

hoa sen để thấy, hoa sen có theo ai không? Hoa sen không theo bùn mà cũng không chống lại bùn. Hoa sen sống giữa bùn và sống với bùn mà không trở thành bùn và không bị bùn đồng hóa. Hoa sen sống với bùn mà vẫn là sen, đó mới gọi là hoa sen. Phật tử sống giữa thế gian và sống với thế gian, mà không phải là người đời và không bị người đời đồng hóa mà có khả năng đồng hóa người đời, bằng những tính chất Phật tử của mình, nên mới gọi là Phật tử quy y Phật Pháp Tăng và giữ giới đã phát nguyện.

Cho nên, đạo Phật có ngay giữa

thế gian và ngay nơi thế gian mà xuất thế. Vì vậy, Chánh kiến là thấy rõ, xuất thế gian ngay ở nơi thế gian. Chánh kiến là thấy rõ ngay nơi Khổ đế, có Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; thấy rõ ngay nơi Tập đế có Khổ đế, có Diệt

đế và Đạo đế; thấy rõ ngay nơi Diệt đế có Đạo đế, để diệt khổ và khổ diệt và thấy rõ ngay nơi Đạo đế là Diệt đế, nên khổ diệt và diệt trừ hết thủy nhân duyên của khổ.

Cho nên, thấy cho rõ trong Khổ có Tập, trong Khổ có Diệt và trong Khổ có Đạo, cái thấy đó là Chánh kiến. Thêm nữa, thấy trong Tập có Khổ, tức là thấy trong nhân có quả, vì biết



như vậy, nên không bao giờ tạo nhân xấu để có quả khổ. Biết trong quả có nhân, nên chấp nhận quả để chuyển hóa nguyên nhân, khiến nhân thiện sinh khởi quả vui. Thấy Tập khởi phiền não này có thể chấm

dứt được, có thể đình chỉ được, có thể tu và thay đổi được, tức là thấy trong Tập có Diệt và trong Tập có Đạo, cái thấy ấy là Chánh kiến. Lại thấy trong Diệt có Khổ là nhờ có khổ này, ta mới đối diện với nó, để tu tập và chuyển hóa. Diệt này do khổ mà khởi tâm tu tập, nhờ vậy nên có diệt; Diệt này do khổ vắng mặt mà có và diệt này đi tới bằng con đường nào? Đó là con đường của Đạo để. Trong Đạo có Khổ, trong Đạo có Tập và trong Đạo có Diệt.

Nên, chúng ta tu tập là phải khổ luyện, phải thức khuya dậy sớm, phải cần mẫn nhiếp phục phiền não, nghiệp chướng nơi tâm ta với nhiều phương pháp khác nhau. Khi ăn cơm phải quán chiếu để nhắc nhở mình phòng hộ lòng tham, phòng hộ sự sân hận và tâm mù quáng. Khi tu tập, ta ăn cơm, ta phải biết cơm này là của ai và do đâu mà có, mình có xứng đáng để thọ dụng những thực phẩm này không, thọ dụng thực phẩm trong sự quán chiếu là để nuôi

lớn ý thức trách nhiệm, lòng biết ơn và tâm từ bi của mình mỗi ngày. Tu tập như vậy là khổ luyện và nhờ khổ luyện cái tâm ý của mình như vậy, cho đến chỗ tâm ý thuần thực, thì các khổ nhân và quả tự diệt. Nên tu tập là phải biết ứng dụng phương pháp diệt khổ vào ngay trong đời sống, để cho các khổ nhân và khổ quả tự diệt.

Cho nên, ta ăn cơm ở trong ý thức chánh niệm tỉnh giác, trong ý thức trách nhiệm, biết ơn và từ bi, thì cái nghiệp tạo ra do sự ăn sẽ tự tiêu diệt. Ta ăn cơm với những ý thức như vậy, thì phước đức và hạnh phúc của ta sẽ được sinh trưởng và lớn mạnh trong chánh pháp.

Ta nên biết rằng, thành tựu cái ăn không phải dễ dàng. Trong cơ thể ta chỉ cần một bộ phận trở ngại, thì việc ăn của ta sẽ không thành tựu và nếu các bộ phận trong cơ thể ta không bị trở ngại, nhưng không có thực phẩm, không có người làm ra thực phẩm hoặc không có không khí, đất, nước, gió,



lửa, mặt trời, mặt trăng, dòng sông... thì cái ăn của ta cũng không thể nào thành tựu được. Nên, ta ăn với ý thức tỉnh giác, ý thức trách nhiệm, ý thức biết ơn và tâm từ bi, thì cái ăn như vậy giúp ta tiêu hóa thực phẩm một cách nhẹ nhàng, có ý nghĩa và thăng tiến. Ta ăn như vậy là ăn trong Chánh mạng và được nuôi dưỡng bằng Chánh kiến.

Ta có biết các loài vật ăn cơm, hệ tiêu hóa của chúng phải cấu trúc như thế nào không? Nó không phải cấu trúc theo cơ thể sinh học đơn thuần, mà cấu trúc cơ thể liên hệ theo nhân duyên nghiệp báo. Cơ thể của nó chính là nghiệp báo của nó.

Gà, chim ăn thì bộ tiêu hóa của chúng được cơ cấu như thế nào? Cái gì cơ cấu? Nghiệp báo của chúng tự cơ cấu thân thể theo nhân duyên của chúng, để cho chúng có thể thích ứng với điều kiện sống của chúng, để tồn tại trong hệ quả nghiệp báo của chúng.

Nghiệp thiện và ác của loài

nào thì sẽ tạo ra đời sống thích ứng cho chính loài đó, và khiến cho chúng có đủ điều kiện, để tiêu thụ nghiệp báo của chúng.

Như vậy, nếu không có Chánh kiến, mình làm sao thấy được giá trị của một bữa ăn, công lao của người làm ra hạt gạo và nhân duyên nghiệp báo của mình trong lúc ăn? Nên, hạnh phúc của con người không phải chỉ có cái biết mà còn phải biết vận dụng cái biết vào trong đời sống hằng ngày của mình. Hạnh phúc của ta không phải là cái biết, mà là hoa trái của cái biết và biết hưởng thụ hoa trái của cái biết ấy, ngay trong đời sống của chính mình.

Nhờ có thực tập Chánh kiến, ta mới thấy được sự thật của từng vấn đề, và chỉ có Chánh kiến mới có khả năng giúp ta hưởng thụ hết được những gì ta đã có và đang có. Nếu thiếu Chánh kiến, ta sẽ phung phí sự sống của ta, ta phung phí những gì ta đang có và ta không có khả năng sống với nó một cách hoàn hảo và trọn vẹn.

Thiếu Chánh kiến là ta phung phí cuộc đời của ta như Búi Giàng đã nói:

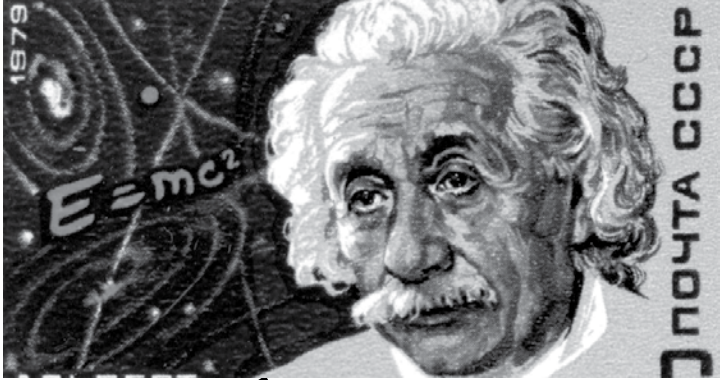
*“Nửa đời đã bỏ trâu canh  
Nửa con nước bỏ tuổi xanh lên bờ  
Khổ đau về giữa bát ngò  
Hoang liêu phố thị chân hờ  
hững đi”.*

Ta có thể đã bỏ nửa đời, hai phần đời cho những mục tiêu vô ích. Ta đã bỏ hết cả cuộc đời cho sự nghiệp tích lũy tài sản và danh vọng, nhưng khi chết, thì ta không hề có một xu cắc nào mang theo được và không có một tên gọi cao sang nào bảo chúng cho ta thoát khỏi sự chết. Trong khi tu học, ta tạo phước đức cho tương lai của chính ta, thay đổi nghiệp chủng xấu trong quá khứ của chính ta, thì ta không chịu làm. Tu tập là để có Chánh kiến và nhờ có Chánh kiến khiến cho những nghiệp chủng xấu ác của ta thay đổi, khiến ta có thể có được an bình ngay trong đời sống này và đời sống sau khi chết.

Nhờ có Chánh kiến, ta mới

có Chánh tinh tấn, khiến ta nỗ lực làm những gì cần làm; nhờ có Chánh kiến, ta mới có Chánh ngữ, khiến ta biết nói những gì cần nói; nhờ có Chánh kiến, ta mới có Chánh nghiệp, khiến ta hành động những gì cần phải hành động; nhờ có Chánh kiến, ta mới có Chánh mạng, khiến ta biết nuôi dưỡng những gì cần phải nuôi dưỡng; nhờ có Chánh kiến, ta mới có Chánh tư duy, khiến ta biết tư duy những gì cần phải tư duy; nhờ có Chánh kiến, ta mới có Chánh niệm, khiến ta phải nhớ nghĩ đến những gì cần phải nhớ nghĩ và nhờ có Chánh kiến, ta mới có Chánh định, khiến ta an trú tâm vào những đối tượng cần phải an trú để nhiếp phục, soi chiếu và chuyển hóa hết thảy các loại phiền não nơi tâm.

Như vậy, chúng ta thấy Chánh kiến quan trọng như thế nào trong Bát Chánh Đạo và quan trọng như thế nào trong Phật giáo, trong đời sống tu tập của những người con Phật chúng ta ▣



# CÁI KHÔNG

## trong lượng tử

PHAM XUÂN YÊM

### TÓM TẮT

**C**hân không lượng tử (viết gọn thành Không) là trạng thái cơ bản tận cùng của vạn vật, nó vô hướng, trung hòa, mang năng lượng cực tiểu, trong đó chẳng hề vẫn gọn chút vật chất kể cả điện từ trường (ánh sáng nói riêng). Do những nhiễu loạn của năng lượng trong Không mà vật chất (cùng phản vật chất) nảy sinh, tương tác, biến chuyển, phân rã và trở về với Không, cứ

*thể tiếp nối vòng sinh hủy. Tuy vậy năng lượng của Không lại vô hạn theo nguyên lý bất định Heisenberg. Cực tiểu nhưng vô hạn, nghịch lý này hẳn đòi hỏi một cuộc cách mạng trong nhận thức? Dẫu sao có ít nhất hai biểu hiện của Không đã được kiểm chứng thành công bởi thực nghiệm. Đó là hiệu ứng Casimir và các hằng số tương tác cơ bản không cố định mà biến đổi. Nhưng mặt khác vì năng lượng vô hạn, vai trò của Không trong sự dẫn nổ của Vũ trụ chưa tìm thấy lời giải đáp, mình họa sự mâu thuẫn căn bản giữa hai trụ cột của vật lý hiện đại: Lượng tử trong thế giới vi mô và Tương đối rộng của thế giới vĩ mô.*

Kỳ thú thay khi ngược dòng thời gian tìm về một thế kỷ đã trôi qua với hai cột mốc 1900 và 1905 vì chính hai năm đó, Max Planck và Albert Einstein lần lượt theo thứ tự trên đã mang đến cho nhân loại hai kho tàng tri thức tuyệt vời gọi là thuyết lượng tử và thuyết tương

đối hẹp trong vật lý, chặt chiu vun tròn qua hai phương trình  $E = hv$  và  $E = mc^2$  ngắn gọn mà đẹp biết bao. Không gì hơn, hai lý thuyết ấy chẳng những ảnh hưởng lan tràn sang nhiều địa hạt khác của khoa học từ toán đến sinh qua hóa thậm chí cả nhân văn nghệ thuật, cũng là cội nguồn và chiếc nôi nuôi dưỡng triển khai của biết bao công nghệ cao hiện đại, ngoài ra còn khơi dậy nhiều nhận thức sâu sắc về bản thể của sự vật, câu hỏi từ buổi bình minh của loài người về tự tính, tại sao, từ đâu và về đâu của thế giới hiện tượng ngoại cảnh, nó có hoàn toàn khách quan độc lập với ý thức nội tâm con người không? Những tia sáng mà hai lý thuyết trên rọi vào cho khoa học cơ bản, công nghệ và triết lý đã vô hình trung thoảng dần thay đổi nếp sống cũng như suy tư của mỗi chúng ta trong quá trình tiến hóa của loài người. Vấn đề mệnh mông, bài này chỉ đề cập đến một khái niệm then chốt của vật lý hiện đại gọi

là Chân không lượng tử mà hai hệ quả đã được thực nghiệm kiểm chứng thành công: hiệu ứng Casimir, hằng số tương tác cơ bản không hằng mà biến chuyển. Nhưng mặt khác liên quan đến thuyết *trọng đối rộng*, vì có năng lượng vô hạn nên câu hỏi về vai trò của Không trong sự dẫn nổ của Vũ trụ chưa biết giải quyết ra sao. Vấn đề này sẽ được nói qua ở đoạn cuối, liên đới đến lý thuyết siêu dây/lý thuyết M.

## VẬT LÝ ĐƯƠNG ĐẠI VÀ CÔNG NGHỆ CAO

Trước hết chúng ta hãy tạm kể mấy thành quả mới lạ mà vật lý hiện đại mang đến cho đời sống hàng ngày:

1- Công nghệ thông-truyền-tin với ba chữ v kép (world-wide-web) hay mạng lưới toàn cầu được sáng tạo và dùng đầu tiên bởi các nhà vật lý ở CERN (Centre Européen de Recherche Nucléaire) chuyên về nghiên cứu hạt cơ bản, mũi nhọn của vật lý hiện đại. Đặt

ở biên giới Pháp-Thụy Sĩ gần thành phố Genève với máy gia tốc hình tròn chu vi hai mươi bảy cây số nằm sâu hơn trăm thước dưới mặt đất, trong đó công nghệ siêu dẫn của điện từ được tận dụng, tạo nên những từ trường rất mạnh để đẩy những hạt electron, positron, proton cho đạt tới vận tốc gần bằng ánh sáng, nhờ đó mà thăm dò được bản chất của các hạt cơ bản cấu tạo nên vạn vật và khám phá các định luật tương tác của chúng. Vì hàng ngàn nhà vật lý ngành năng lượng cao này đều sinh hoạt ở nhiều quốc gia tản mát khắp địa cầu không phải lúc nào cũng có thể thường xuyên làm việc bên CERN, để dễ dàng cộng tác và trao đổi rất nhiều dữ liệu, cùng nhau phân tích tổng hợp nhanh chóng các kết quả nghiên cứu, năm 1994 đã xuất hiện www. Chưa đầy mười năm sau, internet đã nhanh chóng tràn ngập thị trường thông-truyền-tin quốc tế mà điển hình là động cơ truy cập Google qua đó ta có

thể tham khảo tức thì muôn vàn thông tin, tài liệu, sách báo.

2-Cuộc *cách mạng* số trong những phương tiện truyền thanh, truyền hình, quay phim, điện thoại v.v. được phát triển nhờ những khám phá về laser và chất bán dẫn mà đại diện là các linh kiện vi tính, vi điện tử, quang điện tử. Những kỳ công nói trên khởi nguồn từ vật lý lượng tử!

3- Hệ thống GPS (Global Positioning System) để xác định tức khắc các địa điểm trên hoàn cầu đang dần dần trang bị các phương tiện vận tải trên trời dưới biển. Hệ thống đó tùy thuộc căn bản vào máy đo thời gian vô cùng chính xác (đồng hồ nguyên tử khai thác sự dao động tuần hoàn của các nguyên tử vi mô) được làm ra với mục tiêu khoa học thuần túy để kiểm chứng thuyết tương đối rộng. Theo thuyết này nhịp độ của đồng hồ thay đổi với sức hút của quả đất, trọng lực giảm thì tần số dao động cũng giảm theo, hay thời gian trôi nhanh lên.

4- Công nghệ liên quan đến y tế dùng máy gia tốc của các hạt proton hay electron, laser ánh sáng dùng trong giải phẫu, máy chụp hình nổi như MRI (magnetic resonance imaging), PET (positron emission tomography) là những ứng dụng trực tiếp của nhiều công trình nghiên cứu cơ bản về lượng tử. Đặc biệt với PET, hạt positron (tức *phản* electron, bản giao hưởng tuyệt vời giữa lượng tử và tương đối hẹp) được tận dụng để rời theo dõi sự biến chuyển của tế bào.

5- Hiện tượng siêu dẫn điện tử ở nhiệt độ thấp là một đặc trưng của vật lý lượng tử. Thực là kỳ lạ, dòng điện truyền qua một dây siêu dẫn tồn tại rất lâu dài dẫu ta cắt bỏ điện đi. Vật liệu siêu dẫn không có điện trở, chúng không bị nóng lên, như vậy điện không bị thất tán nếu được truyền tải bằng dây siêu dẫn. Hơn thế nữa, một thanh nam châm để gần một vật liệu siêu dẫn sẽ bị nâng bật ra ngoài, khác hẳn với điện tử ở

điều kiện thường. Với những đặc tính trên và còn nhiều điều chưa kể đến như từ trường cực kỳ mạnh dưới trạng thái siêu dẫn, rất nhiều người nhìn thấy ở đây triển vọng cho công nghiệp tương lai của thế kỷ 21, đặc biệt trong sự sản xuất, tích trữ và chuyển vận năng lượng. Một thí dụ là khả năng điều chỉnh được sự tổng hợp nhiệt hạch thường xuyên xảy ra trong Mặt trời từ hơn bốn tỷ năm qua. Đó là lò phản ứng nhiệt hạch quốc tế ITER (International Thermonuclear Experimental Reactor) đang được xây dựng ở Cadarache miền nam nước Pháp để nghiên cứu việc sản xuất năng lượng *sạch*. Lò ITER dùng từ trường siêu dẫn cực kỳ mạnh để giam hãm plasma hạt nhân nguyên tử, điều kiện tiên quyết để khởi động sự tổng hợp nhiệt hạch. Ngoài ra còn phải kể đến khả năng chủ yếu của siêu dẫn trong các ngành liên quan đến điện tử (với máy tính và dữ kiện dùng vật liệu siêu dẫn), đến sinh học (với thiết bị

sensor cực kỳ nhạy bén), đến vận tải (với tàu hỏa tốc hành nâng lên bởi từ trường siêu dẫn, không chạm đường ray nên tàu chạy rất nhanh lại an toàn).

### ĐÔI ĐIỀU TẢN MẠN VỀ THỂ GIỚI VI MÔ, LƯỢNG TỬ VÀ HẠT CƠ BẢN

Để làm quen với lượng tử, chúng ta bắt đầu bằng công thức Planck  $E = hv$  theo đó sự trao đổi năng lượng  $E$  của một vật thể vi mô với môi trường chung quanh *không liên tục* mà được thực hiện bằng từng đơn vị (hay gói) như một  $hv$ , hai  $hv$ , ba  $hv$ , ... $n$   $hv$  với  $n$  là một số nguyên; hơn nữa năng lượng  $E$  lại gắn liền với tần số dao động  $\nu$  của vật thể vi mô ấy, và hệ số tỉ lệ  $h$  được gọi là hằng số Planck. Danh từ lượng tử (gốc chữ La tinh quantum: bao nhiêu) hàm nghĩa số lượng, mang tính chất rời rạc. Ký hiệu  $h$  viết tắt hilfe (phụ khuyết), một chữ bình thường chọn từ tiếng Đức mẹ đẻ, chi tiết đó nói lên lòng khiêm tốn của một nhà bác học lớn, mặc

dầu trong thâm tâm ông biết mình vừa phát hiện ra một công trình phi thường. Trong lúc vui mừng khôn xiết ông thổ lộ với con trai Erwin năm ấy mới lên bảy tuổi: hôm nay bố vừa khám phá được một điều vĩ đại chẳng kém Newton, trước vẻ ngỡ ngàng của cậu con không rõ cha nói gì.

Do tính toán qua hằng số rất nhỏ  $h$  mà ra, danh từ vi mô trong khoa học tự nhiên được hiểu như những vật chất kích thước bằng hay nhỏ hơn một phần tỷ mét, hay nanô-mét. Như vậy một nguyên tử rộng dài khoảng nanô-mét có thể được coi như ngưỡng cửa bắt đầu đi sâu xuống thế giới vi mô trong đó bao gồm những hạt nhỏ hơn nữa như hạt nhân nguyên tử và hai thành phần của chúng tức là hạt proton và hạt neutron. Thế giới vi mô vận hành theo những định luật của vật lý lượng tử, nhưng ảnh hưởng của lượng tử vượt rất xa ra ngoài thế giới vi mô chính là vì thế giới vĩ mô lớn rộng (thiên

hà tinh tú, mặt trời, sinh, thực, khoáng vật ở trái đất) tất cả đều được tạo thành bởi những hạt vi mô cơ bản gọi là quark và lepton, đặc biệt lepton  $e$  hay electron. Điểm then chốt mà Planck giả thiết là một vật vi mô chỉ có thể tiếp nhận hay mất đi những đơn vị năng lượng  $h\nu$ . Ngạc nhiên thay, ta hình dung sức nóng một dạng của năng lượng, phun ra từng gói từng chùm chứ không tuôn chảy đều đặn. Giả thuyết của ông vào thời điểm ấy là cả một ý niệm cực kỳ cách mạng vì định kiến cho rằng năng lượng phát tỏa ra phải liên tục đã ăn sâu vào tiềm thức con người đến nỗi ta tin đó là hiển nhiên như vậy. Nhiều phát minh vượt bậc trong khoa học thường khởi đầu bằng một tinh ngộ để từ bỏ định kiến đã bám rễ vào tư tưởng con người trong bấy nhiêu thế hệ. Trăm năm qua, cái ý niệm muôn vàn tinh tế đó ngày càng thấm đượm: mọi vận hành tương tác của vật chất thoát tương là đều đặn liên tục như hương



bay nước chảy, thực ra chỉ là những nhận thức thô sơ ở trạng thái lớn vĩ mô của một thực tại phong phú sống động hơn, kỳ diệu hơn, tung bồng hợp âm trong vùng sân khuất<sup>1</sup> của thế giới vi mô.

Thực ra không có gì mới lạ cái quan điểm theo đó tất cả mọi vật chất ở thang mức vĩ mô mà hàng ngày chúng ta nhận thức đều được tạo ra bởi một số hạt cơ bản vi mô, số ấy ít thôi không nhiều. Mời bạn đọc hiểu hạt cơ bản qua một ẩn dụ sau đây: giả sử ở nước ta, các mái của nhà chùa, nhà thờ, nhà ở, lâu đài thành quách v.v. tất cả đều được lợp bằng bốn loại ngói: bát tràng, lái thiêu, âm dương và huyền thạch, và chỉ có bốn loại ngói đó thôi để dựng nên các mái nhà trên đất nước. Vậy bốn loại ngói đó là bốn hạt cơ bản của mái nhà Việt. Cũng như hạt cơ bản của từ ngữ là hai mươi sáu mẫu tự

1. Chép mượn nhan đề Hợp âm trong vùng sân khuất, tập truyện ngắn bằng bạc thi tính của nhà vật lý và văn nữ Mai Ninh, nxb Thời mới, Toronto (2000).

a,b,c... để viết lên bao tác phẩm văn chương thơ phú tuyệt vời, của âm thanh là bảy nốt đô, rê, mi... để hòa điệu trăm ngàn bản nhạc mê ly, của màu sắc là ba màu xanh, đỏ, vàng cơ bản từ đó vẽ ra các họa phẩm huyền diệu. *Trong thiên nhiên, hạt cơ bản của vật chất bất động hay sinh động là quark và lepton!*

Thực là một bước nhảy vọt vĩ đại trong kiến thức của loài người ở đầu thiên niên kỷ thứ ba này! Chúng tương tác, gắn kết để tạo thành vật chất, hơn nữa còn dựng nên cả cấu trúc cong xoắn của không-thời gian trong vũ trụ, vì theo thuyết tương đối rộng, vật chất và không-thời gian được thống nhất, cái trước tạo nên (và là) cái sau. Như một lần Einstein đã viết cho Schwarzschild (người đầu tiên năm 1916 giải phương trình Einstein của thuyết tương đối rộng): Xưa kia người ta nghĩ rằng nếu mọi vật trên đời biến mất thì sẽ còn lại thời gian và không gian, nhưng theo thuyết tương đối rộng thì không-thời

gian cũng biến mất theo vật chất mà thôi.

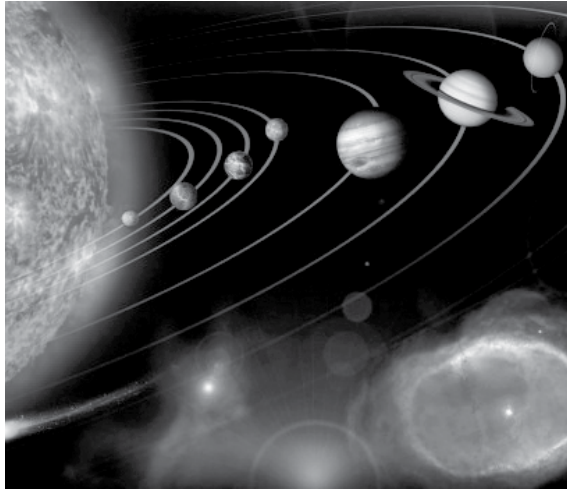
Thuyết tương đối hẹp và rộng -*vật lý cổ điển*- gần như do một mình Einstein sáng tạo, trái lại vì thế giới vi mô vô cùng phong phú bao quát nhiều địa hạt khác nhau nên vật lý lượng tử là một công trình tập thể với những đóng góp của nhiều nhân vật lịch sử như Bohr, de Broglie, Schrödinger, Heisenberg, Dirac, Pauli, Fermi nối tiếp cho mãi đến ngày nay bởi các tài năng đến từ mọi miền trên trái đất qua vài khuôn mặt quen thuộc, tạm kể như Bose, Gell-Mann, Landau, Salam, Yang, Yukawa...

Ngược dòng thời gian, quan niệm về hạt sơ đẳng (nghĩa là những đơn vị vi mô nhỏ bé nhất không sao chia cắt cho nhỏ hơn được nữa) cấu tạo nên vật chất trong vũ trụ đã từ lâu tiềm ẩn trong ý thức nhân loại. Cái được hiểu là sơ đẳng đó biến đổi với thời gian như ta thấy. Mới cách đây trăm năm, phân tử được coi là hạt cơ bản nhỏ

nhất của vật chất, rồi phân tử lại do nhiều nguyên tử gắn bó với nhau qua sự trao đổi các điện tử electron của chúng mà thành. Sau đó nguyên tử cũng chỉ do hạt nhân và electron dao động chung quanh tạo lập, rồi đến hạt nhân cũng chẳng qua là một phức hợp của hai thành phần nhỏ hơn là proton và neutron, cuối cùng proton và neutron cũng được tạo ra bởi hai hạt cơ bản gọi là quark *u*, *d* (viết tắt *up*, *down*) gắn bó với nhau qua sự trao đổi *keo* (gluon) mà nên. Định luật tương tác  *mạnh* của các quark để gắn bó chúng trong proton và neutron mang tên *Sắc động lực học lượng tử* (quantum chromodynamics, QCD) vay mượn chữ *Điện động lực học lượng tử* (quantum electrodynamics, QED), cái này diễn tả tương tác điện từ trong thế giới vi mô của electron. Hai danh từ *sắc* và *điện* để chỉ định hai tính chất lượng tử riêng biệt, *sắc tích* của quark và *điện tích*  $-e$  của electron. Trong Sắc động lực

có tám gluon mang sắc tích trao đổi giữa quark, còn trong Điện động lực chỉ có một quang tử (photon) trao đổi giữa electron. Tóm lại vạn vật đều được cấu tạo bởi các hạt cơ bản, bốn thôi không nhiều, hai quark  $u$ ,  $d$  và hai lepton: electron, neutrino<sup>2</sup>. Ngoài sắc tích ra, hai quark  $u$ ,  $d$  còn mang điện tích  $+(2/3)e$  cho  $u$  và  $-(1/3)e$  cho  $d$ , cũng như electron mang điện tích âm  $-e$ , còn neutrino thì trung hòa, cả hai lepton (electron và neutrino) đều không có sắc tích. Là hạt cơ bản kỳ lạ nhất trong bốn hạt, neutrino vì tương tác quá yếu với vật

chất nên bay trong vũ trụ với vận tốc ánh sáng  $c$  như vượt chân không, xuyên suốt trái đất gần như chẳng để lại một dấu ấn gì, không như quang tử. Thực là một sứ giả độc đáo nổi cầu giữa thế giới vĩ mô vô cùng lớn rộng của thiên hà vũ trụ với thế giới vi mô muôn vàn nhỏ bé



2. Thực ra có mười hai hạt cơ bản chia ra làm ba họ, mỗi họ bốn hạt. Họ thứ nhì (hai quark  $c$  (charm),  $s$  (strange) và hai lepton  $\mu$ ,  $\nu_\mu$ ) và họ thứ ba (hai quark  $t$  (top),  $b$  (bottom) và hai lepton  $\tau$ ,  $\nu_\tau$ ) đều có khối lượng lớn, thời gian sống lại vô cùng ngắn ngủi vì bị phân rã bởi tương tác yếu bê-ta (xem phụ chú ngay dưới), thành ra chỉ còn bốn hạt (hai quark  $u, d$  và hai lepton: electron, neutrino) bền vững để tạo thành vật chất như ta thấy.

của hạ tầng nguyên tử. Neutrino nhẹ nhất trong bốn hạt cơ bản (khoảng một phần tỷ khối lượng electron) và nhiều nhất trong trời đất, hằng hà sa số, mỗi giây đồng hồ trên diện tích một  $\text{cm}^2$  của làn da chúng ta có chừng sáu mươi tỷ hạt neutrino từ Mặt trời bay tới, không kể

từ muôn vàn vì sao khác! Nếu như từng ấy những hạt quang tử mà chạm tới chúng ta, chắc hẳn con người không thể sinh tồn dưới trạng thái hiện hữu. May thay neutrino là hạt cơ bản chỉ có tương tác yếu<sup>3</sup> với quark  $u$ ,  $d$  và electron, và chúng ta cũng như mọi vật thể khác đều do ba (trong bốn) hạt cơ bản  $u$ ,  $d$  và electron tạo thành. Hai quark cơ bản  $u$ ,  $d$  nói trên là những phần tử sơ đẳng nhất, qua tương tác mạnh<sup>3</sup>, cấu tạo nên proton (tập hợp của ba quark  $u, u, d$ ) và neutron (tập

hợp của ba quark  $d, d, u$ ) rồi chính hai hạt này lại gắn bó nhau để tạo thành hạt nhân của tất cả các nguyên tử, từ khinh khí nhẹ nhất đến những hóa chất nặng nhất trong trời đất. Hạt nhân và electron tạo thành các nguyên tử, mỗi nguyên tử có một hạt nhân riêng của nó với một số electron dao động chung quanh. Sau rất những nguyên tử khác nhau lại gắn bó (qua sự trao đổi các electron với nhau) để tạo thành những vật lớn hơn gọi là phân tử, và acid DNA trụ cột của gen sinh vật là một đại phân tử, thí dụ này kể ra để chúng ta có một ý niệm về kích thước của các vật thể.

3. Các hiện tượng trong thiên nhiên vận hành qua bốn lực cơ bản, vâng chỉ có bốn thôi, đó là trọng lực, điện từ, tương tác ‘yếu’ chủ trì sự phân rã bê-ta (quark  $d \rightarrow$  quark  $u$  + electron + phản hạt neutrino) của các hạt nhân nguyên tử, cội nguồn của sự tổng hợp nhiệt hạch trong Mặt trời, tinh tú; và sau hết là tương tác ‘mạnh’ (Sắc động lực học lượng tử) của quark  $u$ ,  $d$  gắn bó chặt chẽ trong proton, neutron làm cho vật chất bền vững. Hai tương tác *mạnh* và *yếu* chỉ vận hành trong thế giới vi mô. Hơn nữa hai lực điện từ và yếu có rất nhiều điểm đồng quy nên thực chất chỉ là hai dạng của một tương tác duy nhất gọi là *điện-yếu*. Lý thuyết chuẩn thống nhất và diễn tả chính xác bản tính của ba tương tác lượng tử (mạnh, điện-yếu) là một thành công tuyệt vời của vật lý hạt.

Trong bốn loại tương tác cơ bản của vạn vật<sup>3</sup>, hằng số tương tác mạnh  $\alpha_s$  của quark lớn nhất, gấp khoảng trăm lần hằng số tương tác điện từ  $\alpha_{em} \approx 1/137$ , còn hằng số trọng lực  $G$  của Newton thì quá nhỏ khoảng  $10^{-42}$  lần so với lực điện từ ở điều kiện bình thường (hiện nay và ở đây), nhưng ở lúc khai

thiên lập địa (Big Bang) lại là chuyện khác. Có thể nói là tất cả các hiện tượng điện từ (cơ bản cũng như ứng dụng) đều có thể tính toán, diễn tả bằng một thông số thôi, đó là hằng số tương tác điện từ  $\alpha_{em}$  để thấy rõ tính chất phổ quát của nó. Cũng như tất cả các hiện tượng hấp dẫn có thể diễn tả qua hằng số tương tác trọng lực Newton  $G$ .

### TRƯỜNG, LƯỢNG TÍNH SÓNG-HẠT, $E^2 = m^2c^4$ HAY VẬT CHẤT VÀ PHÂN VẬT CHẤT, HẠT ẢO

Quan điểm độc đáo mà Planck tặng cho nhân loại là cũng có những gói hay hạt sơ đẳng của năng lượng trao đổi giữa các vật thể vi mô. Hơn nữa, năng lượng  $E$  lại trực tiếp gắn liền với tần số dao động  $\nu$  của chúng. Trường lượng tử của vật thể vi mô diễn tả lưỡng tính sóng-hạt của nó, đó là hàm tuần hoàn trong không gian  $\mathbf{x}$  và thời gian  $t$ , tuân theo những định luật của các tương tác cơ

bản từ đó ta suy diễn ra mọi vận hành của vật thể. Công thức  $E = mc^2$  ( $m$  là khối lượng của vật và  $c \approx 300.000 \text{ km/s}$  là vận tốc của ánh sáng) diễn tả năng lượng  $E$  là một dạng của vật chất và khối lượng  $m$  đồng nghĩa với hạt. Khi liên kết với  $E = h\nu$  và tần số  $\nu$  đồng nghĩa với sóng, ta cảm nhận cái lưỡng tính sóng-hạt của thế giới vi mô qua sự trung gian của năng lượng  $E$ . Vật chất mang điện tích khi chuyển động chính là nguồn gốc tạo ra sóng điện từ trường, biểu hiện qua sự dao động của hạt quang tử. Nhưng photon lại không có khối lượng ( $m = 0$ ), vậy tính chất hạt của nó ở đâu? Chính xung lượng  $|\mathbf{k}| = E/c$  diễn tả dạng hạt của photon. Thực vậy trong thuyết tương đối hẹp,  $E^2 = |\mathbf{k}|^2c^2 + m^2c^4$  là phương trình chính xác, còn  $E^2 = m^2c^4$  chỉ là dạng riêng lẻ của phương trình trên, khi hạt có khối lượng  $m \neq 0$  đứng yên ( $|\mathbf{k}| = 0$ ). Trái lại vì  $m = 0$ , quang tử luôn luôn chuyển động với vận tốc  $c$ , nó có năng lượng  $E$

4. Những véc-tơ như  $\mathbf{k}$ ,  $\mathbf{x}$ ,... được in đậm, và  $|\mathbf{k}|, |\mathbf{x}|$  là chiều dài của  $\mathbf{k}$ ,  $\mathbf{x}$

và xung lượng  $|\mathbf{k}| = E/c$ , vậy phương trình  $h\nu = E = |\mathbf{k}|c$  diễn tả lưỡng tính sóng-hạt của sóng điện từ. Ánh sáng mắt ta nhìn thấy là sóng điện từ với tần số  $\nu$  khoảng triệu tỷ ( $10^{15}$ ) vòng trong một giây đồng hồ.

Công thức  $E^2 = |\mathbf{k}|^2c^2 + m^2c^4$  của thuyết tương đối hẹp và chùm năng lượng  $h\nu$  của thuyết lượng tử là điểm khởi đầu mà Dirac kết hợp được để khám phá ra một chân trời mới: sự xuất hiện của phản hạt có cùng khối lượng với hạt, nhưng tất cả các đặc trưng khác (điện tích, spin, sắc trong quark) của hạt và phản hạt đều ngược dấu. Sự thống nhất cơ học lượng tử với thuyết tương đối hẹp là điều tối cần thiết vì thế giới vi mô của lượng tử luôn dao động với vận tốc rất cao, mà trường hợp này chỉ thuyết tương đối hẹp của cơ học mới diễn tả được chính xác. Để chứng minh phản hạt, Dirac đi từ nhận xét sau đây: vì  $E = \pm (|\mathbf{k}|^2c^2 + m^2c^4)^{1/2}$ , nên  $E = \pm mc^2$  với một vật không di động. Trong vật lý cổ điển,

hiển nhiên  $E > 0$  nên ta chỉ có  $E = mc^2$  thôi. Trái lại trong thế giới vi mô của vật lý lượng tử, năng lượng của một hạt có thể mất đi hay nhận được từng gói  $h\nu$ , vậy không có gì ngăn cản hạt khi mất đi quá nhiều gói  $h\nu$  có thể mang năng lượng âm, hay ngược lại một hạt với  $E < 0$  khi nhận được nhiều gói  $h\nu$  có thể trở về trạng thái bình thường với năng lượng dương. Thí dụ trong đại dương của muôn vàn hạt electron (điện tích âm  $-e$ ) mang  $E < 0$ , nếu ta có đủ sức để kéo một hạt trong đại dương ấy ra ngoài, tức là đại dương ấy mất đi một electron mang  $E < 0$ ,  $-e$ . Nhưng mất đi (trợng trung bằng dấu  $-$ ) cái âm thì cũng như nhận được cái dương,  $-(-) = +$ , vậy kết cục là ta thấy xuất hiện một hạt có điện tích dương  $+e$  và mang năng lượng  $E > 0$ . Đó là hạt *phản* electron hay positron. Tóm lại, hạt và phản hạt đều có  $E > 0$ , chúng có chung khối lượng nhưng mọi đặc trưng khác (điện tích, spin, sắc) đều ngược dấu. Ta có

phản quark, phản lepton, phản nguyên tử. Như vậy có vật chất thì cũng có phản vật chất, khi giao hội chúng tự hủy để biến thành năng lượng, và ngược lại nếu cung cấp đủ năng lượng thì các cặp vật chất-phản vật chất được tạo ra.

Sự tương trùng giữa năng lượng với cặp vật chất-phản vật chất đưa đến khái niệm *vật ảo* trong lượng tử, đó là những vật mà năng lượng  $E$  và xung lượng  $\mathbf{k}$  không tuân theo phương trình  $E^2 = |\mathbf{k}|^2 c^2 + m^2 c^4$  nữa. Một hạt thực khối lượng  $m$ , năng lượng  $E$  và xung lượng  $\mathbf{k}$ , ba đại lượng đó ràng buộc bởi phương trình  $m = (E^2 - |\mathbf{k}|^2 c^2)^{1/2} / c^2$ . Hạt ấy khi thành ảo có khối lượng bình phương  $m^{*2} \neq m^2$ . Khối lượng  $m^*$  của hạt ảo thay đổi liên tục chứ không giới hạn trong một vài trị số  $m$  nhất định của hạt thực. Thí dụ sau đây cho ta rõ photon ảo là gì. Như ta biết, khi electron chuyển động nó phát ra photon. Để một electron và một positron đi ngược chiều va chạm nhau,

xung lượng của chúng là  $+\mathbf{k}$  và  $-\mathbf{k}$ , mỗi hạt có năng lượng bằng  $E_e = (|\mathbf{k}|^2 c^2 + m_e^2 c^4)^{1/2}$ ,  $m_e$  là khối lượng chung của electron và positron. Gặp nhau, chúng phát ra một photon ảo nên năng lượng  $\bar{E}$  và (xung lượng  $\mathbf{K}$ ) của photon ảo này là tổng năng lượng và (tổng xung lượng) của electron và positron,  $\bar{E} = 2E_e$ ,  $\mathbf{K} = \mathbf{k} - \mathbf{k} = 0$ , vậy photon ảo có khối lượng  $(\bar{E}^2 - |\mathbf{K}|^2 c^2)^{1/2} / c^2 = 2E_e / c^2$  khác 0. Cũng thế ta có quark, lepton, gluon ảo. Tương tác điện từ của electron được diễn tả qua sự trao đổi photon ảo giữa electron với nhau, cũng như tương tác mạnh của quark là do sự trao đổi các gluon ảo giữa quark, tương tác yếu của neutrino qua sự trao đổi các boson ảo  $W^\pm, Z^0$ . Những photon, gluon,  $W^\pm, Z^0$  ảo theo thứ tự chính là những sứ giả truyền tin làm trung gian cho các tương tác điện từ, mạnh, yếu để tạo ra các lực thích ứng. Thí dụ hai điện tích đứng yên trao đổi một photon ảo, hàm truyền Feynman của

photon ảo này sinh ra lực Coulomb giữa chúng. Các hạt ảo dựa vào năng lượng  $E$  vay mượn của chân không lượng tử (xem định nghĩa và đặc tính phần dưới) mà sinh ra, chúng tồn tại trong thời gian ngắn ngủi  $t \sim \hbar/E$  (nguyên lý bất định  $E t \sim \hbar \sim 2|\mathbf{k}||\mathbf{x}|$ ), rồi trả lại  $E$  để ra đi, như nhà vật lý kỳ tài Feynman từng hài hước: từ chân không sinh ra rồi lại hủy, ôi biết bao thời gian phí phạm!

### TRỞ VỀ VỚI CHÂN KHÔNG

Chân không lượng tử được định nghĩa như trạng thái cơ bản của vạn vật, nó vô hướng, trung hòa, mang năng lượng cực tiểu trong đó vật chất, tức là tất cả các trường lượng tử, bị loại bỏ hết. Nhưng không phải vì *Không* chẳng chứa trường vật chất nào mà năng lượng của nó bằng 0. Theo nguyên lý bất định (nguồn gốc của sự thăng giáng lượng tử), năng lượng của bất cứ trạng thái vi mô nào là chuỗi  $(1/2)hv$ ,  $(3/2)hv$ ,  $(5/2)hv$ ... chứ không phải

là  $0hv$ ,  $1hv$ ,  $2hv$ ... Cũng dễ hiểu thôi, nguyên lý bất định bảo ta nếu xung lượng  $|\mathbf{k}|$  được xác định rõ rệt bao nhiêu thì vị trí trong không gian  $|\mathbf{x}|$  lại mơ hồ rối loạn bấy nhiêu, vậy năng lượng tối thiểu  $\varepsilon = (1/2)hv \neq 0$  chính là một thỏa hiệp tối ưu bình đẳng cho cả hai bên  $|\mathbf{k}|$  và  $|\mathbf{x}|$ . Thực thế, nếu  $\varepsilon = 0$ ,  $|\mathbf{k}| = 0$ , vậy  $|\mathbf{x}|$  không sao được xác định nổi. Phản ánh nguyên lý này, thế giới vi mô luôn luôn dao động ngay ở nhiệt độ tuyệt đối thấp nhất (năng lượng cực tiểu) và đó là ý nghĩa của sự thăng giáng lượng tử. Bởi năng lượng tối thiểu khác 0 và vì tần số  $\nu$  có thể là bất cứ con số nào từ 0 đến vô tận nên *Không* có năng lượng phân kỳ khi ta lấy tích phân tất cả các một dao động  $\nu$ . Làm sao ước tính được năng lượng của *Không*, mặc dầu vô hạn? Phép phân tích thứ nguyên cho ta cách trả lời. Với ba đại lượng cơ bản phổ cập trong vật lý là  $h = 2\pi \hbar$  hằng số Planck,  $G$  hằng số trọng lực Newton và  $c$  vận tốc ánh sáng,



ta chỉ có một cách duy nhất để lập nên những đại lượng mang thứ nguyên chiều dài (L), khối lượng (M), và thời gian (T). Đó là chiều dài Planck  $L_p = [G\hbar/c^3]^{1/2} = 1.6 \times 10^{-35}$  m, khối lượng Planck  $M_p = \hbar/(cL_p) = 2.2 \times 10^{-8}$  kg, và thời gian Planck  $T_p = L_p/c = 5.4 \times 10^{-44}$  s. Từ đó, năng lượng Planck  $E_p = M_p c^2 = 2 \times 10^{19}$  joule. Mật độ năng lượng của Không được ước tính theo  $(27/16\pi^2) E_p/(L_p)^3 = 8.4 \times 10^{112}$  joule/m<sup>3</sup> với những đóng góp của các trường ảo tràn đầy trong Không: photon trong tương tác điện từ, ba boson  $W^\pm$ ,  $Z^0$  của tương tác yếu, và tám gluon trong tương tác mạnh. Đóng góp của quark và lepton cũng chẳng thay đổi công thức trên bao nhiêu.

Tuy nhiên chính vì vô hướng, trung hòa lại có năng lượng vô hạn, nên cái Không lượng tử mang ẩn dụ một hư vô mệnh mang tính lạnh, từ đó do những kích thích nhiễu loạn của năng lượng mà vật chất được tạo thành để rồi chúng tương

tác, phân rã, trở về với Không, tiếp nối bao vòng tục lụy! Cái Không lượng tử thực là trạng thái cơ bản, là cội nguồn và chón trở về cũng như ra đi của vạn vật<sup>5</sup>. Nó không rỗng tuếch chẳng có gì mà là cái thể lắng đọng của tất cả<sup>6</sup>. *Chân không-Vật chất-Không gian-Thời gian chẳng sao tách biệt, cái này có là cái kia có, cái này không thì cái kia không*<sup>7</sup>, đó là hệ quả của Lượng tử và Tương đối! Thực thể, thuyết Tương đối hẹp liên kết Không gian và Thời gian, còn Tương đối rộng nói Vật chất với Không-Thời

5. Đầu đây Một cõi đi về với Trịnh Công Sơn.

6. Xem Le Vide, Univers du tout et du rien, Revue de l'Université de Bruxelles, Editions Complexe (1998), với các bài của R.J. Adler, M. Bitbol, H.B. Casimir, N. Deruelle, E. Gunzig và S. Diner, J.W. van Holdren, C. Isham, M. Lachièze-Rey, P. Marage, R. Mills, M. Paty, I. Prigogine và T. Petrosky, C. Schiller.

7. Có cái gì không quá xa lạ với Giáo lý duyên khởi của đạo Phật, với Sắc Không trong Bát nhĩ tâm kinh? Xem M. Bitbol trong Le Vide, Univers du tout et du rien đã dẫn, và Trịnh Xuân Thuận trong Science et Bouddhisme:

A la croisée des chemins <http://chimviet.free.fr>

gian và cuối cùng Lượng tử mang Chân không về với Vật chất và như vậy kết nối cả bốn khái niệm cơ bản trên. Dưới một khía cạnh nào, ta cảm nhận cái *Không* qua câu nói đáng yêu đầy ẩn dụ của người miền Nam “dzậy mà không phải dzậy”, không mà chẳng là không. Mặc dầu *Không* là trạng thái không sao nắm bắt, chẳng có cái nào của nó mà ta định lượng nổi, nhưng rõ ràng khác với hư không trong công nghệ, về mặt định tính ta có thể kể ba đặc trưng của *Không*. Đó là sự thăng giáng lượng tử, sự tràn đầy hạt và phản hạt kết thành các cặp ảo trong *Không* và sự phân cực chân không, gây ra bởi các cặp này. Phản ánh tác động của *Không*, hai hệ quả sau đây được phát hiện và đo lường được:

1- *Không lượng tử* tự nó thì vô hướng tĩnh lặng, nhưng khi có vật chất vào (mà làm sao chẳng có vật chất được vì trong *Không* tràn đầy năng lượng và trường ảo?) thì lập tức bị

phân cực, do đó hằng số tương tác của các trường không còn hằng nữa mà thay đổi với năng lượng. Tính chất này mang tên *hằng số di động*, cách tính toán sự biến đổi của hằng số dựa vào lý thuyết trường lượng tử qua những đóng góp của các cặp ảo. Khi năng lượng thay đổi từ 1 đến 100 GeV, hằng số tương tác điện từ  $\alpha$  tăng lên từ  $\approx 1/137$  đến  $\approx 1/129$ , trong khi hằng số tương tác mạnh  $\alpha_s$  của quark lại giảm đi từ  $\approx 0.4$  xuống  $\approx 0.12$ . Một cách định tính thôi, ta hiểu sơ lược tại sao trong điện động lực học lượng tử, hằng số  $\alpha_{em}$  lại tăng lên khi ta thám dò nó ở chiều càng sâu thăm. Muốn gần electron bao nhiêu ( $x$  nhỏ) để đo lường tính chất của nó thì ta cần nhiều xung lượng ( $k$  lớn) bấy nhiêu, theo nguyên lý bất định  $2|k||x| \sim \hbar$ . Vì trong *Không* có muôn vàn cặp ảo positron-electron, những positron ảo này vì điện tích khác dấu với electron nên bị hút lại gần làm thành hàng rào vây quanh

electron thực mà ta muốn quan sát, sự bao bọc đó làm cho chân không bị phân cực. Hằng số tương tác điện từ tăng lên vì phải vượt qua cản trở của hàng rào các cặp positron-electron ảo nên đo lường nó càng khó ở kích thước càng sâu. Mặt khác, sắc động lực học lượng tử diễn tả quark gắn chắc với nhau để cấu tạo nên các hạt nhân nguyên tử. Trái với điện từ, hằng số tương tác mạnh lại giảm đi khi đo lường quark ở chỗ sâu thẳm. Tính chất này gọi là sự *tự do tiệm cận*<sup>8</sup>, hàm ý khi năng lượng tăng vô hạn (tiệm cận) thì  $\alpha_s$  giảm xuống đến 0 (tương tác ràng buộc hết rồi, quark được tự do). Tính toán nhọc nhằn chứng minh

8. Giải Nobel vật lý 2004 tặng thưởng D. Gross, H. Politzer, F. Wilczek đã khám phá ra tính chất tự do tiệm cận (asymptotic freedom) của sắc động lực học lượng tử.

Chi tiết chứng minh đặc tính này có thể tìm thấy ở chương 15 trong sách giáo trình về lý thuyết chuẩn, Elementary particles and their Interactions, Concepts and Phenomena, Hồ Kim Quang và Phạm Xuân Yêm, Springer-Verlag (1998). Xem <http://www.lpthethe.jussieu.fr/~pham>

được  $\alpha_s(E) \rightarrow 0$  khi  $E \rightarrow \infty$  là cả một kỳ công của ba nhà vật lý lý thuyết<sup>8</sup>, tính chất này đặt nền tảng cho các định luật vận hành của quark. Các hằng số tương tác tăng (hay giảm) rất khoan thai như hàm  $\log E$  (hay  $1/\log E$ ). Kết quả đo lường sự biến đổi của hai hằng số điện động lực và sắc động lực đều được thực nghiệm kiểm chứng nhiều lần. Tương tác của quark thực là kỳ lạ trái ngược với điện từ, quan sát chúng ở xa (cần năng lượng nhỏ) thì cực kỳ khó khăn vì  $\alpha_s$  rất lớn, càng gần sát chúng (cần năng lượng lớn) thì chúng lại dễ dàng. Lý do là không như điện từ chỉ có một photon, trong tương tác mạnh ta còn có ba gluon gắn kết tương tác với nhau mà đặc tính của chúng là hỗ trợ (chứ không cản trở như cặp quark-phản quark) khi ta đo lường tính chất quark ở chiều sâu thẳm. Trong khi lực điện tĩnh và trọng lực đều giảm đi theo tỷ lệ nghịch với bình phương khoảng cách  $r$ , tính chất tự do tiệm cận làm

cho lực của quark tăng với  $r$  khiến quark ở nhiệt độ thấp (năng lượng nhỏ) bị giam hãm trong proton và neutron, kéo được chúng ra ngoài không nổi vì lực ràng buộc quark mạnh lên khi kéo chúng xa nhau.

Mô tả nổi ba lực cơ bản (mạnh và điện-yếu) một cách vô cùng chính xác bằng trường lượng tử, tóm tắt trong lý thuyết chuẩn, là một thành công kỳ diệu với không dưới hai chục nhà vật lý hạt đoạt giải Nobel trong ba mươi năm gần đây! Biết bao nhiêu tiên đoán của lý thuyết này đều vững vàng vượt qua tất cả các trắc nghiệm, đặc biệt khối lượng của quark top được ước tính chính xác trước khi thực nghiệm phát hiện ra năm 1995. Mô hình chuẩn có nghĩa là mọi phát triển sau này phải dùng nó làm nòng cốt để dựa vào mà cải đổi (thí dụ như định luật vạn vật hấp dẫn của Newton là mô hình chuẩn của trọng trường, rồi sau thuyết tương đối rộng của Einstein dựa vào đó mà cải đổi). Trong

bốn lực cơ bản chỉ còn cái cuối cùng là luật cổ điển hấp dẫn (thuyết tương đối rộng) hãy còn chưa hòa nhịp tương thích nổi với lượng tử, nhưng biết đâu với lý thuyết siêu dây/ lý thuyết  $M^9$ ?

2- Hiệu ứng Casimir<sup>10</sup>. Trong một chân không kín rỗng, không ánh sáng không chút vật chất, ta đặt hai phiến gương mỏng song song. Mặc dầu năng lượng của Không giữa hai phiến và ngoài hai phiến đều phân kỳ như ta biết, nhưng năng lượng của Không ở giữa nhỏ hơn ở ngoài hai phiến, sự khác biệt hữu hạn đó gây nên một áp suất làm chúng

9. Xem *Giai điệu dây và bản giao hưởng Vũ trụ*, Tia sáng và Nxb Trẻ (2003) do Phạm Văn Thiều dịch theo cuốn *The Elegant Universe* của Brian Greene, Vintage books (1999).

10. Xem bài của H. B. Casimir và một số bài khác của R. J. Adler, S. Diner trong *Le Vide, Univers du tout et du rien* đã dẫn. Hiệu ứng này được trình bày trong P. W. Miloni, *The quantum vacuum*, Academic Press (1994). Nhà vật lý Hà Lan Casimir sau khi công bố năm 1948 lực mang tên ông đã giữ chức vụ tổng giám đốc nghiên cứu đại tập đoàn công nghệ quốc tế Philips.

hút lẫn nhau. Đó là lực Casimir, một đặc trưng của Không lượng tử. Lực hút đó ông tính được ra bằng  $F_c = (\pi hc/120) (L^2/d^4)$  với  $L^2$  là diện tích của gương và  $d$  khoảng cách giữa hai phiến. Nguồn gốc lượng tử của  $F_c$  được biểu hiện rõ ràng qua  $h$  (hằng số Planck) trong công thức trên. Ở khoảng cách  $d \approx$  nanô-mét trong công nghệ tương lai, lực này có thể đóng vai trò quan trọng. Các phòng thực nghiệm ở Riverside (California), Padova, Stockholm đã đo  $F_c$  với độ sai biệt khoảng 1% so với tính toán. Các nhà vật lý trong nhóm Kastler-Brossel của trường Cao đẳng sư phạm Paris<sup>11</sup> đang xúc tiến việc tính toán đo lường với chủ đích tăng độ chính xác lên nhiều lần hơn nữa (<http://www.spectro.jussieu.fr/Vacuum/>). Trong hư không (của vật lý ứng dụng/công nghệ) tất cả đều vắng bóng chẳng có điện từ, ánh sáng, vật chất, khối lượng,

điện tích, sắc tích...chi cả, kỳ lạ thay đột khởi một lực mà gốc nguồn rút tia từ năng lượng cực tiểu (nhưng vô hạn) của chân không lượng tử!

3- Liên quan đến thiên văn vật lý, câu hỏi cực kỳ quan trọng về vai trò của Không trong sự dẫn nổ Vũ trụ được đặt ra nhưng chưa biết giải đáp ra sao, báo hiệu một điều mới lạ đang đón chờ chúng ta ở chân trời. Thực vậy năng lượng vô hạn của Không (còn gọi là *tai họa chân không*) phản ánh sự tương phản căn bản (ở thời điểm Big Bang) giữa hai trụ cột của vật lý hiện đại: thuyết lượng tử của thế giới vi mô và thuyết tương đối rộng của thế giới vĩ mô. Thuyết này diễn tả luật hấp dẫn của trọng trường là do sự cong xoắn của không-thời gian làm mọi vật rơi lại gần nhau chứ chẳng có lực nào hút chúng cả, mà cái cấu trúc cong xoắn này là do vật chất tạo nên. Những kết quả đo lường gia tốc dẫn nổ của Vũ trụ cần đến lực *phản hấp dẫn* (lực đẩy xa thay

11. Tập hợp nghiên cứu giảng dạy đại học uy tín hàng đầu nước Pháp.

vì hút vào của lực hấp dẫn) để chống lại sự co rút của Vũ trụ bởi trọng trường. Lực phản hấp dẫn này (liên quan đến câu chuyện *hằng số vũ trụ học* trong phương trình Einstein về thuyết tương đối rộng) có thể xuất phát bởi một loại vật chất không bức xạ, chỉ tác động lên cách vận hành và dẫn nở của Vũ trụ, khác lạ với vật chất bình thường của những thiên hà sáng ngời mà ta quan sát được hàng ngày. Các nhà thiên văn gọi cái vật chất khác lạ này là *vật tối*, mang *năng lượng tối* mà bản chất chưa được xác định. Nhưng quan trọng hơn cả, mật độ năng lượng cực kỳ lớn của Không mà ta đã ước tính ở trên *vượt xa quá nhiều* năng lượng cần thiết để giải thích gia tốc dẫn nở của Vũ trụ mà các nhà thiên văn đo lường. Về mặt cơ bản, cái tai họa chân không này là nỗi trăn trở hàng đầu của các nhà vật lý đương đại, nhưng đầy lý thú và thách thức cho thế hệ tương lai. Lý thuyết siêu dây/lý thuyết M<sup>9</sup> (với không

gian mười chiều, bảy chiều quá nhỏ lại bị cuốn tròn khiến ta khó nhận thức được) có thể cho ta chìa khóa trả lời không? Trong không gian nhiều hơn ba chiều, lực hấp dẫn giảm đi theo tỷ lệ nghịch với bình phương khoảng cách  $r$  sẽ không còn chính xác nữa, và việc kiểm chứng bằng thực nghiệm sự sai biệt với luật Newton ở kích thước  $r \approx$  milimét đang là một đề tài vật lý sôi nổi. Cần biết thêm rằng lý thuyết  $M$  ( $M$  tượng trưng Me, Màng, Mật mã, Ma trận tùy hứng mỗi người) cũng chưa biết giải quyết cái tai họa chân không ra sao. Phải chăng cũng như Planck và Einstein trước thời Lượng tử và Tương đối, ngày nay có lẽ còn cái gì đang thiếu sót trong cách nhận thức các hiện tượng thiên nhiên của Con Người?

## GỬI BẠN THAY LỜI KẾT

Hơn trăm năm trước đây ở Âu châu có nhiều nhà khoa học khá bi quan cho rằng các đề tài nghiên cứu cơ bản trong vật lý

gần như cạn kiệt, như von Jolly giáo sư vật lý ở đại học Berlin đã khuyên cậu sinh viên trẻ Planck, mới đậu cử nhân xong muốn học thêm, nên đi vào đường khác nhiều triển vọng hơn, đừng nghiên cứu về vật lý lý thuyết làm gì vì mọi điều căn bản đã được khám phá hết cả rồi, chỉ còn vài điểm phụ chẳng quan trọng gì mà xây nền đắp móng. Lại thêm Lord Kelvin, người của nhiệt độ tuyệt đối, với câu tuyên bố năm 1892 nổi tiếng: “Vật lý đã hoàn chỉnh cả rồi về mặt căn bản, cái mà ta còn có thể đóng góp chỉ là xác định thêm vài thập phân sau dấu phẩy cho các đo lường, tính toán mà thôi”. Ngay sau đó ông thêm: “Tuy nhiên còn có hai vấn đề nhỏ nhỏ nhưng sớm muộn chúng sẽ được giải quyết, dẫn sao lòng tin của chúng ta về sự hoàn tất của Vật lý không hề lay chuyển...”<sup>12</sup>. Hai *tiểu tiết* ông nêu lên là: thứ

nhất hai nhà vật lý Michelson và Morley chẳng tìm thấy chất liệu ê-te tràn ngập vũ trụ trong đó dao động sóng điện từ (cũng như sóng nước di chuyển được là vì có nước, sóng âm thanh truyền đi là vì có không khí, vậy chắc phải có một chất liệu gì tạm gọi là ê-te để chuyên chở sóng điện từ, chứ không làm sao chúng truyền đi được?), thứ hai các đo lường ngày càng chính xác về cường độ bức xạ nhiệt của vật đen<sup>13</sup> không phù hợp với công thức Wien. Sau đó Lord Rayleigh và Jeans cải thiện công thức trên được một phần nhưng lại mang nghịch lý là tổng năng lượng phát ra tăng lên vô hạn!

Hai vấn đề mà Lord Kelvin tuy khá tinh để nhận ra nhưng tưởng là thứ yếu ngờ đâu lại hệ

12. Max Planck et les quanta, J. C. Boudenot et G. Cohen-Tannoudji, Ellipses (2001).

13. Vật đen là một lò kín nung nóng lên ở nhiệt độ T, nếu đục một lỗ nhỏ trên thành lò, ta thấy phát ra ánh sáng mà sự phân phối cường độ bức xạ (theo tần số) chỉ phụ thuộc vào T thôi chứ không vào bất cứ chất liệu nào ở trong lò, chứng tỏ bức xạ chỉ phụ thuộc vào sự dao động của các thành phần cơ bản chung cho các chất liệu.

trọng vô chừng. Trong đêm tối mừng lung ràng buộc bởi định kiến siêu hình, đó là hai ngôi sao rọi sáng cho vật lý vượt trùng dương khai phá những chân trời mới lạ, vì giải thích nổi việc thứ nhất chính là thuyết tương đối hẹp và việc thứ nhì chính là thuyết lượng tử!

Rõ ràng trăm năm sau 1905, vật lý hãy còn biết bao câu hỏi từ cơ bản (tương phản giữa lượng tử với tương đối rộng diễn tả qua tai họa chân không, năng lượng và vật chất tối, không gian nhiều chiều...) đến ứng dụng (khoa học công nghệ nanô, thông tin học lượng tử, sản xuất và tiết kiệm năng lượng...) chưa biết trả lời ra sao và đang trông chờ những lời giải đáp bởi các thế hệ trẻ mới lên, trong cảnh hài hòa giữa người với người và với môi trường thiên nhiên.

Có lẽ chẳng phải ngẫu nhiên mà cuộc hội thảo về "Vật lý hiện đại với văn hóa và phát triển" có sự tham gia tích cực của trường Đại học mang tên

Phan Chu Trinh. Nhà sĩ phu có tầm nhìn vượt xa thời đại là người đầu tiên ở nước ta chủ trương dân quyền, chống bạo động, đẩy phong trào duy tân "chấn dân khí, khai dân trí, hậu dân sinh". Vì ông thấy dân trí cùng tư duy khoa học của người mình còn quá thấp, nên trước hết cần "tự lực khai hóa" đã, rồi mới từng bước phục hồi chủ quyền quốc gia. Trăm năm nhìn lại, những lời Tây Hồ hằng nhắc nhở như vẫn còn sáng sủa đầu đầy<sup>14</sup> để chúng ta cùng nhau suy ngẫm.

14. Trích phần *Thử nhìn lại vị trí của Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh trong hành trình dân tộc vào thế kỷ XX*, trang 290 trong sách *Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hóa*, Vĩnh Sinh, nxb Văn Nghệ (2001). Theo Yoshikawa Yasuhisa thuyết trình trong cuộc Hội thảo về giao lưu văn hóa giữa Pháp với bốn nước Viễn đông (Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc và Việt Nam) tại Thư viện quốc gia François Mitterrand (2004), người Nhật thời Minh Trị Thiên Hoàng vì ý thức được khoảng cách quá xa về tư duy khoa học của họ so với Âu châu nên mấy cuốn sách được họ chuyển ngữ trước tiên là của Jules Verne về khoa học viễn tưởng, rồi sau mãi mới đến khoa học nhân văn, triết lý, xã hội với Jean-Jacques Rousseau, Victor Hugo, Emile Zola...



## SƠ LƯỢC VÀI THUẬT NGỮ (GLOSSARY)

*Lượng tử (quantum)*: Đơn vị vật lý nhỏ nhất mà một đại lượng (quantity) nào đó bị phân hoạch thành từng phần riêng lẻ. Thí dụ lượng tử của năng lượng (energy) là đơn vị  $h\nu$ . Vật lý lượng tử diễn tả sự vận hành của thế giới vi mô như nguyên tử, hạt nhân của chúng và các hạt cơ bản như quark, electron, neutrino, photon.

*Lưỡng tính sóng hạt (wave-particle duality)*: đặc điểm cơ bản của thế giới vi mô nói rằng các vật đều thể hiện dưới hai tính chất vừa sóng vừa hạt. Photon và electron là hai thí dụ thường xuyên mang lưỡng tính sóng hạt. Sóng được diễn tả bởi tần số (frequency) của sự dao động tuần hoàn (periodic oscillation) trong cả không gian lẫn thời gian. Tính chất sóng của điện tử thì quá quen thuộc từ thế kỷ 17 (Huygens, Young) với hiện tượng giao thoa ánh sáng, còn

tính chất hạt photon của điện tử được minh chứng qua hiệu ứng điện quang (photoelectric) bởi Einstein. Giải Nobel Vật lý 1921 tặng thưởng ông vì công trình này, chứ không phải vì lý thuyết tương đối hẹp hay rộng.

*Nguyên lý bất định (undetermination principle)*: Nguyên lý cơ bản của vật lý lượng tử do Heisenberg phát hiện ra, nói rằng có những đặc trưng của thế giới vi mô theo đó vị trí và vận tốc (hay đúng ra xung lượng momentum) của hạt chẳng hạn không thể được xác định đồng thời. Những khía cạnh bất định như thế sẽ càng trở nên nghiêm trọng khi các thang khoảng cách và thời gian càng nhỏ. Điều này mang tới hiệu quả là thế giới vi mô luôn luôn dao động sôi sục với những *thăng giáng lượng tử (quantum fluctuation)*.

*Phép phân tích thứ nguyên (dimensional analysis)*: Trong vật lý, tất cả các đại lượng đo lường được như khối lượng, năng lượng, vận tốc, gia tốc,

lực... đều có thể diễn tả qua ba thứ nguyên (dimension), và chỉ có ba thôi. Đó là khối lượng  $M$ , khoảng cách không gian  $L$ , và thời gian  $T$ . Thí dụ vận tốc có thứ nguyên bằng  $L/T$ , gia tốc  $L/T^2$ , xung lượng (khối lượng nhân với vận tốc)  $ML/T$ , lực  $ML/T^2$  (xin nhớ công thức cơ học Newton  $f = m\gamma$ ), năng lượng (lực nhân với khoảng cách di chuyển)  $ML^2/T^2$ , tần số  $1/T$ . Do đó hằng số Planck  $h = E/\nu$  (năng lượng chia cho tần số) có thứ nguyên  $ML^2/T$ .

Véc-tơ quay vòng (angular momentum)  $\mathbf{J}$  của một vật thể bằng xung lượng (momentum)  $\mathbf{k}$  của hạt ấy nhân với khoảng cách  $\mathbf{r}$  giữa hạt và trục mà nó quay chung quanh:  $\mathbf{J} = \mathbf{k} \times \mathbf{r}$ . Vậy  $|\mathbf{J}|$  có thứ nguyên bằng thứ nguyên của  $|\mathbf{k}|$  nhân với  $L$ , hay  $ML^2/T$ . Sự tự quay vòng (cũng như  $J$ ) của hạt cơ bản ở thế giới lượng tử (spin) do đó có cùng thứ nguyên  $ML^2/T$  như hằng số Planck  $h$ , và ta hiểu vì sao  $h/2\pi = \hbar$  là đơn vị đo lường spin.

Sau hết các hằng số

tương tác cơ bản: điện từ  $\alpha_{em} \approx 1/137$ , tương tác mạnh  $\alpha_s \approx 0.4$  đều không thứ nguyên (dimensionless) hay  $M^0L^0T^0$ .

*Spin*: khám phá bởi Dirac là một đặc trưng của vật lý lượng tử khi hòa nhịp với thuyết tương đối hẹp. Spin miêu tả việc *tự quay vòng* của hạt vi mô cơ bản (như trái đất tự quay chung quanh trục bắc nam của nó, nhưng spin không phải hoàn toàn như thế mà tinh tế hơn). Những hạt cơ bản như electron, neutrino, quark có spin bằng  $h/4\pi = \hbar/2$  nghĩa là hạt phải quay hai vòng (tức  $4\pi$  hay 720 độ) mới quay lại vị trí ban đầu, điều không tưởng trong cơ học cổ điển. Những hạt có spin  $\hbar/2$  được gọi chung là fermion. Những hạt mà spin là một con số nguyên của  $\hbar$  (như  $0\hbar, 1\hbar, 2\hbar$ ) gọi là boson. Dĩ nhiên những gì vô hướng phải không quay và mang spin  $0\hbar$ . Những boson với spin  $1\hbar$  là: photon trong tương tác điện từ (điện động lực học lượng tử, quantum electrodynamics, QED), tám

gluon trong tương tác mạnh (sắc động lực học lượng tử, quantum chromodynamics, QCD), và ba boson yếu  $W^\pm, Z$  trong tương tác yếu (điện-yếu động lực học lượng tử, quantum electroweak dynamics, QEWD).

*Trung hòa (neutral)*: không mang điện tích, sắc tích chi cả. Hoặc nếu là tập hợp của nhiều thành phần mang điện hay sắc tích thì chúng triệt tiêu nhau để trung bình tổng hợp vẫn trung hòa.

*Trường (field)*: Môi trường vật chất trong đó các lực (force) truyền đi tác dụng của chúng. Trường được mô tả bởi một hàm số  $F(\mathbf{x}, \mathbf{t})$  tại mỗi điểm trong không gian  $\mathbf{x}$  và thời gian  $\mathbf{t}$ , phản ánh cường độ (intensity) và hướng (direction) của lực tại bất cứ một điểm không-thời gian (space-time)  $\mathbf{x}, \mathbf{t}$  nào đó. Trọng trường (mô tả lực hấp dẫn), điện từ trường (lực điện từ) là hai thí dụ khá quen thuộc. Ánh sáng chỉ là một dạng của điện từ do Maxwell suy tính ra

và Hertz minh chứng bằng thực nghiệm. Photon là lượng tử của điện từ trường.

*Tương đối hẹp (special relativity)*: đó là lý thuyết cơ học Einstein thay thế cho cơ học Newton cổ điển. Với Newton, không gian và thời gian là những hệ thống quy chiếu tuyệt đối, không chút liên quan với nhau. Theo trực giác thông thường bắt rễ từ cơ học cổ điển, nếu ta đuổi theo ánh sáng với vận tốc  $c$  của nó, ta sẽ thấy ánh sáng bất động, đó là phép cộng trừ vận tốc theo Galileo. Tuy nhiên theo thuyết điện từ Maxwell, ánh sáng luôn luôn chuyển động với vận tốc  $c$  cố định trong bất kỳ hệ thống quy chiếu nào (đứng yên hay di chuyển). Không ai có thể nắm chặt ánh sáng trong tay dù chạy theo nó nhanh đến mấy. Sự đối nghịch nói trên giữa cơ học cổ điển với điện từ được Einstein giải thích bằng thuyết tương đối hẹp, mà công thức  $E = mc^2$  là hậu quả kỳ diệu nhất.

Theo Einstein, không gian

và thời gian chẳng còn là hai thực thể độc lập như con người thường cảm nhận thô thiển trong đời sống hàng ngày, chúng liên đới quyện sát nhau, thời gian thay đổi tùy theo vị trí trong không gian và vận tốc của người quan sát, ngược lại cũng vậy với không gian. Cụ thể là đối với người quan sát đứng yên, thời gian giãn nở ra và không gian co cụm lại trên một con tàu di chuyển. Đồng hồ chỉ một giây trên con tàu, người đứng ngoài thấy *hơn* một giây! Ta không cảm thấy thế chỉ vì chúng ta, hoả tiễn, máy bay đều chuyển động với vận tốc quá nhỏ so với vận tốc  $c$  của ánh sáng.

*Tương đối rộng (general relativity)*: định luật hấp dẫn theo đó mọi vật hút nhau là do chúng nằm trong một không gian cong xoắn nên rơi vào nhau. Cấu trúc cong xoắn của Vũ trụ do vật chất tạo nên. Theo thuyết này, thời gian co cụm lại khi lực hấp dẫn giảm đi. Như vậy trên vệ tinh nhân

tạo, di chuyển nhanh chóng của GPS, thuyết tương đối hẹp và rộng ảnh hưởng đối chọi nhau đến nhịp độ tic tắc của đồng hồ. Cái trước làm cho thời gian trôi chậm đi (vì vệ tinh di chuyển), cái sau khiến nó trôi nhanh hơn (vì trọng lực trên vệ tinh giảm đi), so với mặt đất.

*Vô Hướng (scalar)*: Trong toán hình học, một vài đối tượng nghiên cứu tiêu biểu là vô hướng (scalar), vec-tơ (vector), ten-sơ (tensor), spin-nơ (spinor). Vật dân dĩ nhất là vật vô hướng, sau đó là vec-tơ có ba thành phần trong không gian ba chiều (lực trong cơ học thường được diễn tả bằng vec-tơ).▣

**Phạm Xuân Yêm**: Đại học Pierre et Marie Curie, Paris, pham@lpthe.jussieu.fr.

Bài viết này trích trong cuốn *Einstein, Dấu Ấn Trăm Năm* (tuyển tập kỷ yếu hội thảo Hội An 2005, nhiều tác giả, nxb Trẻ, <http://www.Nxbtre.com.vn>)



## MÔI TRƯỜNG SỐNG dưới góc nhìn của duy thức học

ĐẶNG CÔNG HANH

Trong kinh "Phật thuyết Bát đại nhân giác" có lời dạy:

*"Thường niệm tri túc*

*An bản thủ đạo*

*Duy tuệ thị nghiệp"*

Đây chỉ là một phần của bài kệ nhưng đã biểu hiện đến độ sâu thẳm khi ta suy ngẫm chân thành đều thấy được như kim chỉ nam cho những ai thành tâm tu học hay ít nhất cũng là thái độ minh triết đối với cuộc sống khi nhìn dòng đời trôi nổi của con người hiện sinh (đang hiện hữu và đang sinh hoạt) trong các mối quan hệ.

- Quan hệ với chính mình
- Quan hệ với tha nhân và với xã hội
- Quan hệ với thiên nhiên vũ trụ
- Quan hệ với lịch sử của mình và của nhân loại.

Tuy nhiên, tùy theo căn trí và hoàn cảnh riêng của mỗi người có thể đặt nặng quan hệ này mà xem nhẹ quan hệ kia và dứt khoát không tồn tại một ai có thể hiện sinh một cách độc lập đối với ít nhất một trong bốn quan hệ nói trên.

Trách nhiệm cung cấp bồi dưỡng cho con người các mối quan hệ đó thuộc về các tổ chức tôn giáo, các tổ chức văn hóa giáo dục, các thức giả, các nhà khoa học, các bậc thiện tri thức. Việc từng bước tu chỉnh cải thiện dần các mối quan hệ theo cái "*biết*" ngày càng sâu rộng và chân thực hơn về chính mình cũng như về vũ trụ vạn vật sẽ là nền tảng, mục đích và là nội dung của đạo lý sống.

Đối với người học Phật, trên quan điểm tiếp cận với hiện đại

thì Phật giáo được xem là "một khoa học về tâm thức". Càng ngày chúng ta càng kinh ngạc trước sự phong phú của những tương đồng giữa lời dạy của đức Phật với những khám phá mới của nền vật lý hiện đại. Nhiều nhà tiên phong về khoa học và triết học Tây phương đã nhận thức đến sự tương đồng này, họ hăng say nghiên cứu và đối thoại giữa huyền học - khoa học tâm linh với các ngành khoa học vật chất để có thể khởi kiện các tri kiến mới về vũ trụ và trách nhiệm con người đối với vũ trụ, trong đó phải kể đến David Bohm. Theo ông, vũ trụ và thế giới vật chất quanh ta lưu xuất từ một thực tại tiềm ẩn sâu kín, luôn luôn vận động, gọi là "*vận động toàn thể*" (holomovement), tức là trạng thái chân thật của vạn hữu trong vũ trụ mà Bohm gọi là chân như (that - which - is). Mọi sự vật kể cả không gian, thời gian và vật chất là biểu lộ động của chân như. Theo danh từ của Bohm thì chân như là

"trật tự ẩn tàng" (the implicate order) vốn là nguyên lý sáng tạo của mọi tồn tại. Nó không thể là đối tượng của nhận thức thường nghiệm, vì nó phổ biến khắp vật chất, là bản thể của vật chất. Nội dung của trật tự ẩn tàng là *"cái toàn thể nằm trong cái riêng lẻ"* hay thực tại là hình ảnh của toàn vũ trụ được ẩn tàng trong từng đơn vị nhỏ nhất của bản thân nó. Vì vậy đối với Bohm, sự sống (life) là được chứa trong trật tự ẩn tàng. Có thể trong một số dạng của hiện tượng thì sự sống không xuất hiện rõ nét, trong một số khác thì rõ ràng hơn.

David Bohm, nhà vật lý lý thuyết kỳ tài nguyên là giáo sư quá cố Đại học Luân Đôn, quan niệm chân như cũng là chân như lượng tử hay chân không lượng tử mang vô tận năng lượng, từ đó ông quan niệm vũ trụ là một đại dương năng lượng đang vận hành trong dạng trật tự ẩn tàng và vũ trụ vật chất quanh ta chỉ là một dạng của năng lượng đó khi bị kích thích mà hiện khởi

và thế giới hiện tượng chỉ là một trật tự dàn trải (explicate order), một thuật ngữ ông dùng. Theo ông, toàn thể khái niệm về trật tự ẩn tàng là một cách thể để bàn về nguồn gốc của hình sắc lưu xuất từ vô sắc qua trung gian tiến trình dàn trải. Vì vậy toàn thể vận động chính là sự nối tiếp liên tục giữa hai dạng ẩn và hiện của sự vận động toàn thể mà vũ trụ là một phần của nó.

Hình như Bohm muốn nói đến lý nhân duyên và triển khai hình thái của thuyết pháp giới duyên khởi trong triết lý nhà Phật. Pháp giới duyên khởi bao hàm hai mặt: một là thể tánh (cảnh giới của lý), mặt khác là thế giới hiện tượng (cảnh giới của tướng). Trong chiều kích không gian, lý duyên khởi phát biểu về sự tương quan cái này có thì cái kia có. Pháp giới duyên khởi là đỉnh cao của lý thuyết nhân quả, là một dạng triết lý về toàn thể của tất cả hiện hữu. Trong chiều kích thời gian thì biểu hiện trong chuỗi tương

liên mười hai nhân duyên, 12 ràng buộc, 12 mắc xích hay 12 yếu tố nối tiếp nhau trở đi, trở lại không ngừng nghỉ và theo diễn tiến quay vòng, điểm đầu cũng là điểm cuối.

\*\*\*

Theo Duy Thức học nhìn nhận thì tâm là cội nguồn của tất cả hành động, nên lý nhân duyên phải đặt trong tàng thức hay a-lại-da thức. Tàng thức là kho tàng chủng tử, là thể, là tướng và dụng của Tâm về nhiệm (vọng) và tịnh (chân, bản thể) hòa hợp, không phải là một mà cũng chẳng phải khác. Tàng thức là một thực thể căn bản hình thành cơ cấu mọi hiện hữu, tức là thân thể, tâm thức và môi trường chúng ta. Trong Kinh Lăng Già, Thiền sư Thích Thanh Từ có dịch một bài kệ đã dùng biến cả dụ cho tàng thức được xem như là một trung tâm duy trì cơ cấu giả lập của hiện hữu bao gồm cả chủ thể lẫn khách thể:

*"Biển tàng thức thường trụ*

*Gió cảnh giới nổi dậy*

*Lớp lớp các sóng thức*

*Ào ạt mà chuyển sinh"*

Vì vậy khi nói đến môi trường sống phải được quan niệm là môi trường thiên nhiên mà cá nhân và xã hội thực hiện các hoạt động của cuộc sống.

Với những cơ sở nêu trên đã nói lên chức năng quan trọng mà Tàng thức trong vấn đề làm gia tăng dục vọng của con người như là nguyên nhân của vấn đề môi trường đạo đức xã hội, của những ảnh hưởng sản phẩm khoa học - kỹ thuật tác động lên tâm thức con người.

Trong triết học Duy Thức, chủng tử là khái niệm nói về cội nguồn của tâm thức, nó vốn là vô thủy cho nên trong dòng chảy tâm thức, mọi hiện tượng tâm lý sinh hay diệt đều nương tựa vào hạt giống sẵn có (chủng tử bản hữu) trong Tàng thức. Vì vậy thế giới hiện thực khách quan như không gian, thời gian, đất, nước, gió, lửa, phương vị, tâm thức là những thành tố cơ bản kiến thiết nên



sinh mệnh của các loài hữu tình và vô tình. Tất cả những hạt giống trong tâm thức không có một thực thể bất biến, mà tất cả đều lưu chuyển tương tục như những hạt nước trên một dòng chảy mà thuật ngữ Phật học gọi là dòng *bộc lưu*. Theo các kinh luận Phật học thì những hạt giống mới được gieo trồng vào tàng thức khi tâm thức đang giao tiếp với hiện tại gọi là tân huân chủng tử, nhưng kỳ thực nó có hai mặt: mặt đã có sẵn gọi là bản hữu, mặt được huân tập lại là sự vun đắp, tưới tẩm cái đã có sẵn làm cho nó hiện hành tức là từ trong tàng thức nó biểu hiện ra bên ngoài sắc thân.

Tân huân chủng tử xem như hạt giống bắt đầu gieo từ sự chăm sóc vun đắp được gọi là huân tập, huân tập để tạo thành một khí chất gọi là tập khí. Chẳng hạn khi mới đến chùa đánh lễ gọi là tân huân, rồi thường xuyên đến chùa gọi là huân tập, và rồi ý niệm lên chùa lễ Phật thường xuyên trong

sinh hoạt tu tập gọi là tập khí. Hiện thân của tập khí chính là con người cả hai mặt tâm lý và vật lý, tư duy và hành động, vật chất lẫn tinh thần, biệt nghiệp và cộng nghiệp, cá nhân và cộng đồng xã hội.

Tổ hợp gồm tân huân, huân tập và tập khí là một tiến trình của hoạt động tâm thức trong một con người tạo nên nghiệp riêng (biệt nghiệp), vì vậy trong kinh văn có ghi lời dạy của đức Phật: *"Con người là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự nghiệp. Nghiệp là thai tạng từ đó con người được sinh ra, nghiệp là bằng hữu của con người chính nó"*.

Mặt khác, môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội không thuộc về một cá thể riêng mà chung cho cộng đồng, cho xã hội, nên chúng được hình thành bởi cộng nghiệp (nghiệp chung) và cộng nghiệp không những là cho biết ý thức xã hội bên ngoài của một gia đình, của một cộng đồng, một quốc gia mà còn cho biết cả ý thức bên

trong của họ. Vì vậy sự hiện hữu vừa mang tính cách riêng của nó nhưng cũng vừa mang tính chất chung của toàn thể.

Nói cách khác, tập khí hay thể cách sống của mỗi một cá nhân đều có thể phản ảnh cái thể cách sống của mọi người trong cùng một xã hội, một thời đại vì cá nhân vừa là sản phẩm của xã hội vừa là tư cách thành viên của cộng đồng. Điều này nghiệm đúng định đề Duyên khởi:

*"Khi cái này có mặt thì cái kia có mặt*

*Khi cái này không có mặt thì cái kia không có mặt*

*Khi cái này sinh khởi thì cái kia sinh khởi*

*Khi cái này đoạn diệt thì cái kia đoạn diệt".*

Từ quan điểm này, mối liên hệ giữa cá nhân với tâm thức, giữa cá nhân với xã hội, giữa con người với thiên nhiên, những mối quan hệ này là những phương tiện nhận thức về thế giới trong Phật giáo.

\*\*\*

### TÍNH DUYÊN KHỞI CỦA TÀNG THỨC

Theo Duy thức tương ứng với 5 cơ quan cảm giác trong con người tương ứng với năm thức gồm nhận thức, nhĩ, tỷ, thiệt và thân thức trong tâm thức, chẳng hạn *nhĩ thức* nhận biết âm thanh và phân biệt



với âm thanh khác. Tầng thức nhận thức các chủng tử, môi trường và năm thức nói trên thông qua *mạt na thức* (thức thứ 7). Đó là tính năng độc đáo riêng của nó để nhận thức. Sự nhận thức được phản ánh qua các hành động *thân, khẩu và ý*, chúng lại được in vào Tầng thức bằng các hạt giống. Đây là tiến trình Duyên khởi của Tầng thức và kết cục, khi ba nghiệp *thân, khẩu và ý* này biểu đạt thì chính chúng trở thành các chủng tử biệt nghiệp mới được tích chứa vào Tầng thức. Vòng phản hồi Tầng thức ở cá nhân được hình thành tại đây. Khái niệm này cho thấy cộng nghiệp được lưu vào Tầng thức duy trì được những mối liên hệ sinh động với cộng đồng, với xã hội và môi trường thiên nhiên và chuyển đổi liên tục dẫn đến sự tích lũy các cộng nghiệp mới để cuối cùng biểu lộ chính nó trở thành hiện tượng. Tóm lại, cả thế giới hiện thực khách quan với muôn vạn dị biệt đa thù, lẫn các hiện tượng tâm lý như buồn

vui, giận hờn, yêu thương đều là các biểu hiện của Tầng thức.

Theo quan điểm của đạo Phật, con người trước hết là biểu hiện từ Tầng thức bao gồm các nhân duyên: địa, phong, thủy, hỏa, không, thời, phương, thức và xuất hiện như một tổng thể của năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Bản chất của con người là một tích hợp của nhân duyên với dòng nghiệp thức. Dòng nghiệp ở đây chính là hạt giống, các tập khí, các tạo tác trong sâu thẳm của tâm thức và là nguyên ủy cho vòng luân hồi sinh tử của một dòng sinh mệnh.

Môi trường sống là không gian cho sự cộng sinh của muôn loài bao gồm cả con người được điều phối nghiêm ngặt bởi nguyên lý Duyên khởi và tiến trình vòng phản hồi của cộng nghiệp trong Tầng thức.

Cho đến muôn thuở, nhân loại đã cải tạo biến đổi môi trường sống chỉ nhằm thẳng mục đích đáp ứng dục vọng của con người. Nói cách khác

những gì thuộc bên trong con người như những dục vọng sẽ được biến hiện thành những thành tố bên ngoài môi trường sống và chính sản phẩm của dục vọng này lại trở thành đối tượng kích thích ngũ quan: sắc, thanh, hương, vị, và xúc giác con người. Từ ban đầu, cộng nghiệp như là một tổng thể có qui mô nhỏ, nhưng dần dà thông qua vòng phản hồi của Tàng thức, phóng đại tính cộng nghiệp theo biên độ rộng lớn trong cả cộng đồng.

Thực ra, ta cần phân biệt giữa hai khái niệm dục vọng và khát vọng. Dục vọng về bản chất là một sức mạnh mù quáng như một sự thèm khát đầy dẫy dẫn vật tâm trí, bị điều động bởi lòng ích kỷ, nó chỉ nhằm thỏa mãn những toan tính vô hạn của cuộc sống tầm thường. Dục vọng nhanh chóng biến chất để chuyển thành độc tố tham, sân, si của tâm ngay khi nó trở nên gay gắt, ám ảnh hoặc chấp thủ không kiểm soát được. Trái lại, khát vọng nảy sinh từ tâm

ý muốn biến mình thành người tốt, phụng sự cho phúc lạc con người, hoặc vươn tới giác ngộ tâm linh.

## SỰ CHUYỂN HÓA TÀNG THỨC

Như phần trình bày trên, Tàng thức dung chứa các hạt giống vừa ô nhiễm vừa thanh tịnh, sự chuyển hóa có mục đích làm tan biến, diệt tận các hạt nhân ô nhiễm, bất thiện, trả lại bản tính thanh tịnh, chân thật của nó. Nói một cách cụ thể là giải trừ các hạt giống tạp niệm trôi lăn trong diễn biến tâm lý của chủ thể nhận thức kể cả các đối tượng được nhận thức.

Con người hiện hữu trong môi trường sống tương tác nhận thức của mình thông qua ngũ quan và được tổng hợp vào ý thức (thức thứ 6) và cũng được nhận thức bởi Tàng thức (thức thứ 8). Hầu hết các biểu hiện của chúng tử được in vào Tàng thức thông qua ngôn ngữ chẳng hạn giáo dục, đối thoại, diễn thuyết, báo chí, triển lãm.

v.v... là các chủng tử nghiệp thiện. Các chủng này lại được lưu giữ thông qua vòng phản hồi của xã hội sẽ là cộng nghiệp tốt tác dụng tốt trong tương lai.

- Mặt khác, bằng phẩm hạnh nhẫn nhục, phát triển chánh niệm chịu đựng khó khăn, thực hành thiểu dục với tinh thần tri túc, kiềm chế tham lam, không để tâm trí bị đầu độc, bị ám ảnh bởi những xa hoa phù phiếm của vật chất, bởi những tham đắm quyền thế. Sau cùng, quán về tính không của vạn hữu để nuôi dưỡng ý thức về mối quan hệ Duyên khởi giữa tất cả các dạng thức sống, để nhận ra sự cộng tồn giữa con người và sinh vật khác và từ đó con người trực nhận được sự bình đẳng giữa mình và chúng sinh về mặt sinh mệnh nhưng vẫn dành cho con người một dạng sinh mệnh thông minh hơn có quyền ưu tiên.

### ĐIỀU PHẢI SUY NGẪM

Dường như, ngày nào sự

phát triển khoa học và kỹ thuật còn phát triển mạnh, bí mật của thiên nhiên không ngừng được khám phá, phơi bày trước mắt con người, thì nhân loại càng trở nên cuồng vọng hơn. Dưới ảnh hưởng tư tưởng duy vật luận của phương Tây, con người vẫn cho rằng vật chất quyết định ý thức, vật chất trở thành mục tiêu cao cả, ưu tiên cho cuộc sống, và vì thế con người dần dà bị vật chất hóa, không hay không biết tự lúc nào. Con người vẫn mãi mê nhận thức rằng chỉ có điều kiện vật chất càng nhiều thì hạnh phúc càng ổn định và vì thế dưới mục tiêu chung của phát triển kinh tế thì lực lượng tiềm ẩn của con người đã được kích thích một cách mãnh liệt, trạng thái tâm lý thay đổi, chao đảo không ngừng và dường như ý nghĩa kiếp người chỉ được đo bằng con số trên tài sản của họ sau bao năm tháng bôn ba.

Xét từ quan điểm của Phật học, lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài của đời người là không

khác nhau. Lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân cũng là một thể. Vì vậy tư tưởng tìm kiếm lợi ích trước mắt để làm giàu không nghĩ đến hành vi tức thời sẽ gây hậu quả đến mai sau là một điều quá tai hại cho cộng đồng xã hội và rộng hơn là cho toàn thể nhân loại. Đây chính là vấn nạn của môi trường sinh thái và sâu xa hơn là của biến đổi khí hậu mà nhân loại đang đối mặt trong toàn cầu như hiện nay.

Quan niệm của Phật giáo về sinh mệnh con người trong vũ trụ xuất phát thông qua trực giác của đức Phật sau khi ngồi thiền định dưới cội Bồ-đề và khám phá bản chất của vũ trụ, Ngài đã nhận ra rằng bản thân đời sống không thể tách rời nguồn gốc của sinh mệnh muôn loài và vũ trụ mà nó được hình thành trong đó. Ngài đã đặt tên là *sinh mệnh cơ bản* hay còn gọi là *Pháp* (dhamma). Đức Phật đã thấy rõ sinh mệnh vũ trụ và tính bất nhị giữa Ngài và vũ trụ trong từng sâu thẳm. Theo các luận cứ Phật học,

*Pháp không có hình dạng, nó là sinh mệnh trong sinh mệnh.* Thuật ngữ khác dùng thay cho Pháp gọi là *Như Lai*. Như Lai "*là người đã đến như thế*" danh hiệu chỉ một vị đã đến bậc giác ngộ cao nhất, bậc Chánh đẳng chánh giác. Đôi khi có nghĩa là biểu hiện cụ thể của Chân như, thể tính của vũ trụ, được xem là gạch nối giữa hiện tượng và bản thể. Như Lai trong nhiều trường hợp đồng nghĩa với trí huệ, với Không tánh.

Nói một cách khác, mọi thứ hiện hữu trong vũ trụ được kết nối bằng luật Duyên khởi, một nguyên lý của tính tương đối mang bản chất khoa học hiện đại. Tác dụng của sinh mệnh vũ trụ là thực hiện những hành động trong mạng lưới phức tạp của nhân quả. Quá trình vận hành của sự tiến hóa sinh mệnh và thế giới vật chất làm xuất hiện dạng sinh mệnh thông minh gọi là con người. Trong Kinh Đại Thừa có dạy: Trong vũ trụ bao la rộng lớn này tồn tại những dạng sinh mệnh thông minh

khác hoạt động xuyên suốt trong sự phát triển của nó. Đó chính là khái niệm: "Quốc độ của Phật" ở quá khứ, hiện tại và vị lai trong mười phương. Bởi vậy, con người phải nỗ lực thực hiện những hành động tương thích với nhận thức cao hơn của mình. Nhìn trên qui mô địa cầu, hệ thống sinh thái, tiến hóa chọn lọc, phát triển theo cách sáng tạo và nhân loại là một thành viên trong cộng đồng này. Con người là vốn quý, là bậc linh trưởng của vạn vật vì có tâm thức có tự do chọn lựa, khác với động vật. Sung sướng, hạnh phúc, đau khổ và phiền muộn đều là các cảm giác lưu xuất từ tâm cho nên phải có nhận thức sâu sắc về tác dụng của tâm linh, và chính tâm linh chứ không có nhân tố nào khác là cội nguồn ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến sự thay đổi của thế giới mà con người đang sống. Chính đời sống, xã hội, thế giới của con người, do con người muốn làm ra chứ không phải do một sự mặc khải

nào cả ▣

### SÁCH THAM KHẢO

1. *Luận Câu xá*: Thích Thiện Siêu - NXB Tôn giáo 2006
2. *Luận Thành Duy Thức*: Tuệ Sỹ (dịch và chú) - NXB Phương Đông 2009
3. *Triết học và khoa học Tây Phương* - Pháp Hiền - NXB Phương Đông 2010

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Từ điển Phật giáo*: Chân Nguyên, Nguyễn Tường Bách, Thích Nhuận Châu - NXB Thời Đại
2. *Luận Thành Duy Thức*: Tuệ Sỹ dịch NXB Phương Đông
3. *Đại Thừa Tuyệt đối luận*: Nguyệt Như Tâm Viên, Đặng Hữu Trí dịch - NXB Thời Đại
4. *Kim Cang*: Thích Nhất Hạnh - NXB Lá Bối
5. *Max Planck*: Nguyễn Xuân Xanh - NXB Tri thức
6. *Từ điển yêu thích bầu trời*: Trịnh Xuân Thuận - NXB Tri thức



# Món quà của sự chờ đợi

NGUYỄN DUY NHIÊN

Có câu chuyện vui về một người cưỡi một con ngựa đang phi như bay trên đường. Khi anh và con ngựa chạy ngang qua một khu phố, có vài người quen đứng bên đường thấy vậy gọi với theo, "Anh có việc gì phải đi đâu mà vội vã thế?" Anh ta ngoái đầu lại và nói lớn, "Tôi cũng không biết nữa, hỏi con ngựa kia!"

Trong thời đại của kỷ nguyên thông tin ngày nay, *information age*, mọi việc xảy ra rất nhanh lẹ và dồn dập, cuộc sống chúng ta dường như cũng bị lôi cuốn theo cùng với một nhịp độ ấy. Mỗi sáng sớm thức dậy, cái mà ta nhìn đầu tiên là chiếc đồng hồ ở bên cạnh,



một ngày của ta cũng được bắt đầu dưới sự chỉ huy của thời giờ. Tốc độ và sự bận rộn trong cuộc sống đôi lúc cũng khiến ta cảm thấy như anh chàng trong câu chuyện ấy, cưỡi một con ngựa phóng như bay trên đường mà không biết là mình đang đi về đâu.

Có lần tôi đi nghe nhạc với một người bạn. Trong phần giao lưu với khán giả, có người hỏi anh ca sĩ nổi tiếng ấy rằng anh có dự định gì cho tương lai của mình không? Anh đáp, bây giờ anh vẫn còn "đang lên" và có một cuộc sống rất bận rộn nên chưa muốn bị ràng buộc hay nghĩ gì đến tương lai xa xôi gì hết. Anh chỉ muốn vui hưởng với những cơ hội mà anh hiện đang có, dù rằng anh phải tạm gác lại một số công việc quan trọng khác, ngay cả những vấn đề tâm linh của mình nữa. Những gì anh chia sẻ cũng rất thật phải không bạn, và nếu được thành công như anh chúng ta có thể sống khác hơn chăng?

Có lẽ cái cảm giác rằng mỗi ngày mình hoàn tất được một số việc nào đó, hay đạt được thêm những gì mình ưa thích, mang lại cho ta một cảm nhận rằng cuộc sống mình có phẩm chất và có hướng đi rõ ràng hơn. Vì vậy cho nên chúng ta lúc nào cũng phải làm một việc gì, hoàn tất một cái gì đó, và khi không làm gì hết ta lại cảm thấy như là mình đang hoang phí sự sống.

Nhưng sự thật có phải là như vậy không?

### *Món quà của sự chờ đợi*

Trong cuộc sống sẽ có những giây phút chờ đợi, bắt ta phải dừng lại, không làm gì hết. Nhưng chúng không phải là những thời gian vô ích, mà thật ra đó có thể là món quà quý giá mà cuộc sống thỉnh thoảng dâng tặng cho mình, nếu như ta biết cách tiếp nhận chúng.

Bà Jan Chozen Bays, một giáo thọ của dòng thiền Nhật Bản, có chia sẻ về một món

quà quý giá mà sự dừng lại trong cuộc sống vội vã này có thể dâng tặng cho chúng ta. Bà viết:

"Trong đời sống, mỗi khi chúng ta bị bắt buộc phải dừng lại và chờ đợi, ví dụ như khi bị kẹt xe trên đường, ta thường có khuynh hướng muốn làm một cái gì đó để lảng tránh cái cảm giác chờ đợi khó chịu ấy. Ta mở radio lên, gọi điện thoại, xem email, hay ngồi đó bực dọc. Nhưng nếu như ta có một ý thức sáng tỏ về những giây phút chờ đợi ấy, chúng sẽ trở thành những cơ hội thực tập giúp mang lại sự tỉnh thức cho mình trong cuộc sống hằng ngày.

Chờ đợi là một sự kiện rất bình thường của đời sống nhưng lại thường gây cho chúng ta một cảm xúc khó chịu. Nhưng ta có thể biến đó trở thành một món quà tặng đặc biệt cho chính mình, một cơ hội, một thời gian để thiền tập. Và sự lợi lạc của nó cũng gấp đôi: trước hết, ta chuyển hóa

được cảm giác khó chịu, tiêu cực của mình, và thêm nữa, bất cứ một giây phút nào của cuộc sống cũng có thể là một cơ hội thiền tập của ta.

Và sự thực tập này cũng rất đơn giản. Mỗi khi phải chờ đợi một việc gì, trước hết bạn hãy chú ý đến những cảm thọ nào đang có mặt trong thân mình, chúng là biểu hiện của những ý nghĩ và cảm xúc vội vã trong ta như là sự nôn nóng, bất an. Và mỗi lần ta không để cho những ý nghĩ và cảm xúc ấy biến thành quả trái, ví dụ như sự bực tức khi bị kẹt xe, hay nôn nóng vì người sắp hàng phía trước quá chậm, là ta đang làm giảm bớt đi năng lượng tiêu cực của những tập quán, thói quen xưa cũ trong tâm mình. Nếu như ta dừng để bánh xe tâm của mình tiếp tục lăn theo cùng một vết lún sâu trên con đường mòn dẫn ta đi xuống một đầm lầy, thì rồi một ngày vết lún ấy cũng sẽ được phủ lấp lại bằng phẳng như xưa. Cuối cùng rồi thì những thói quen bực tức,

những phản ứng bức xúc của ta sẽ dần dần phai nhạt đi. Thật ra tiến trình này cũng chỉ là đơn giản như vậy thôi. Nó cần thời gian, nhưng rất có hiệu quả.

Đa số chúng ta thường hay đo lường giá trị ta bằng những năng suất của mình. Nếu như hôm nay tôi không hoàn tất một việc gì, nếu như tôi không viết được trang sách nào, gặp một người nào, nấu được chiếc bánh nào, kiếm thêm đồng nào, bán được một món hàng nào, mua được một món hàng nào, ký được hợp đồng nào... thì tôi

đã hoang phí một ngày, tôi là người vô dụng. Chúng ta không bao giờ nghĩ rằng mình có được một giá trị nào hết, nếu như ta chỉ tiếp xúc với sự sống, và đơn sơ có mặt trong giờ phút hiện tại mà thôi. Và cũng vì nhận thức sai lầm ấy mà "chờ đợi" đã trở thành nguyên nhân của sự bất an, khi ta nghĩ đến những gì đáng lẽ mình có thể hoàn tất được trong giờ phút này.

Và nếu như bạn hỏi những người thân của mình xem họ thật sự cần gì nhất nơi bạn, chắc chắn phần lớn câu trả lời sẽ là



họ cần "sự có mặt" hay là "thời giờ" của bạn. Sự có mặt của ta có một giá trị không thể nào đo lường được, vì đó là hạnh phúc, an vui, là sự mật thiết. Khi chúng ta biết buông bỏ những bận rộn và bớt đi những lao tác, trở về với với một sự tĩnh lặng tự nhiên, mình sẽ cảm thấy hạnh phúc, an vui và biết dung thứ hơn, cho dù chung quanh ta không có gì xảy ra. Đó là một món quà tặng quý giá mà không ai có thể mua được. Chúng là kết quả tự nhiên của một sự có mặt trọn vẹn trong giờ phút hiện tại. Và đó cũng là quyền bẩm sinh của mỗi người chúng ta, mà trong cuộc sống vì quá bận rộn mình đã vô tình đánh mất đi."

### ***Sự sống vẫn đang có mặt***

Nhà văn Allen Sauder viết, "Sự sống là những gì xảy đến với chúng ta, trong khi mình đang bận rộn với những toan tính về các kế hoạch khác." *Life is what happens to us while we*

*are making other plans*".

Cuộc sống vẫn đang diễn ra trong khi ta bận rộn với một dự án nào đó của tương lai: một chuyến đi, một cuộc gặp gỡ, một hợp đồng, hay một cấp bằng nào đó.

Mà tôi nghĩ chúng ta cũng đừng nên chờ đợi ở tương lai làm gì, vì những gì mình vừa mới đạt được là nó cũng vừa bắt đầu đang phai nhạt đi. Chúng ta chỉ có mỗi giây phút này thôi, đâu có vội vã đến đâu bạn cũng không thể nào sống trong hai giây phút cùng một lần được.

Trong những giây phút dừng lại, và có mặt với hiện tại, những dự án tương lai của ta có thể bị chậm bớt hay trì hoãn đi, nhưng bạn biết không, điều mà ta có thể sẽ tìm lại được trong giây phút ấy là cuộc đời của chính mình. Và dù ta có hoàn tất được gì hay không, sự sống nhiệm màu, con đường hạnh phúc, vẫn đang hiện hữu ở bất cứ nơi nào mình thật sự có mặt. ▣



# Xây dựng cộng đồng

NGUYỄN MINH

**C**húng ta không thể có được hạnh phúc cá nhân khi cộng đồng quanh ta chưa có được sự yên vui, êm ấm. Đây là một sự thật mà chúng ta rất thường không quan tâm đúng mức, hoặc thậm chí có đôi khi chưa từng nghĩ đến. Cho dù vậy, sự thật này vẫn luôn tồn tại.

Hạnh phúc càng lớn lao thì càng có liên quan đến nhiều người khác. Khi chúng ta theo đuổi một lý tưởng, hoài bão lớn, hạnh phúc của chúng ta có thể liên quan đến cả dân tộc, cả nhân loại... Nhưng cho dù ở những mức độ rất nhỏ nhoi, khiêm tốn, chúng ta cũng không bao giờ có thể xây

dựng hạnh phúc cá nhân một cách đơn độc mà không liên quan đến cộng đồng quanh ta. Cộng đồng ấy có thể là vài ba người bạn sống chung phòng, là gia đình với vợ chồng con cái hoặc bao gồm cả ông bà, cha mẹ, cho đến rộng hơn nữa là thân tộc, họ hàng, xóm làng, khu phố, quốc gia...

Bạn làm sao có thể có được niềm vui thực sự trong cuộc sống khi những người chung quanh bạn còn có những khó khăn khổ nhọc chưa thể vượt qua, nhất là khi họ cần đến sự chia sẻ hay giúp đỡ của bạn? Bạn làm sao có thể có được niềm vui thực sự trong cuộc sống khi chưa thiết lập được mối quan hệ cảm thông và gắn bó với những người đang sống chung với bạn? Cho dù chúng ta có hiểu được những điều này hay không, chúng ta vẫn có thể trực nhận được một cách dễ dàng bằng vào những gì tự mình đã trải qua trong cuộc sống.

Bạn thử nhớ lại xem và có thể

sẽ có ngay những trường hợp cụ thể để minh họa cho vấn đề này. Một “không khí nặng nề” trong gia đình làm tiêu tan hết niềm vui bạn có được sau một buổi đi chơi. Một khuôn mặt “sầu khổ” của người bạn sống chung phòng làm bạn có cảm giác như chưa từng biết được thế nào là hạnh phúc trong cuộc đời này... Tất cả những điều đó chúng ta thường xuyên gặp phải trong cuộc sống, nhưng đôi khi chúng ta không đối diện để phân tích thật sâu mối tương quan giữa chúng với hạnh phúc cá nhân của mình, và vì thế mà chúng ta cũng không biết được một phương cách hóa giải thích hợp.

Bạn có thể sẽ đặt ra câu hỏi: Liệu những vấn đề của “người khác” thì có liên quan gì đến tôi? Làm sao tôi lại phải có trách nhiệm xây dựng một cộng đồng ngày càng tốt đẹp hơn?

Vâng, bạn đã có lý, nhưng chỉ một phần thôi. Bởi vì bạn không thể sống trong một môi trường không có người chung

quanh. Như một con cá bao giờ cũng phải bơi lội trong nước, chúng ta bao giờ cũng phải gắn bó với cộng đồng chung quanh. Ngay cả khi có những lúc nào đó bạn muốn được yên tĩnh “một mình”, thì hãy phân tích thật kỹ nội tâm của mình, bạn sẽ thấy là bạn không hề được sống “một mình” bao giờ cả. Mọi tư tưởng, tình cảm của bạn đều phải hướng về ai đó, một hoặc nhiều người, cho đến có thể là cả những người bạn chưa từng quen biết.

Vì thế, cộng đồng chung quanh luôn có ảnh hưởng đến bạn, và bạn phải phụ thuộc vào đó như một quy luật tất yếu. Như con cá phải phụ thuộc vào môi trường nước mà nó đang sống. Khi nước bị ô nhiễm, cá có thể mắc bệnh và thậm chí có thể phải chết đi. Khi cộng đồng chung quanh bạn bị ô nhiễm theo nhiều nghĩa khác nhau, bạn cũng không thể sống một cách thoải mái và yên vui trong đó.

Hiểu như vậy, chắc chắn là

bạn sẽ muốn có được một cộng đồng tốt đẹp để sống chung. Nhưng thật không may là bạn không có quyền chọn lựa một số cộng đồng chung quanh bạn. Chẳng hạn, bạn không có quyền chọn lựa gia đình mà mình sinh ra, bạn cũng không thể lựa chọn xóm làng, dân tộc, quốc gia... Điều duy nhất bạn làm được chỉ có thể là xây dựng cộng đồng chung quanh mình cho tốt đẹp hơn mà thôi. Bởi vì bạn không thể tránh né, thay đổi hay từ chối một cộng đồng mà mình là thành viên trong đó!

Và bởi vì việc xây dựng cộng đồng cho tốt đẹp hơn là điều tích cực duy nhất mà bạn có thể làm, cho nên đó phải là phần trách nhiệm, là chọn lựa khôn ngoan nhất của bạn. Nếu bạn không bắt tay vào việc ấy thì sẽ không có ai làm thay phần việc ấy cho bạn.

Có thể bạn sẽ lý luận rằng, những người khác cũng phải có trách nhiệm như vậy chứ? Vâng, đúng là như vậy. Nhưng

sự khởi đầu bao giờ cũng chỉ có thể là về phía bạn, bởi đơn giản là vì bạn không thể quyết định những gì người khác làm, mà chỉ có thể quyết định những gì bản thân bạn sẽ làm.

Và hơn thế nữa, cộng đồng quanh bạn có thể là còn lâu bạn mới có thể tốt đẹp như bạn mong muốn, nhưng chỉ cần bạn hiểu được và có ý thức xây dựng cộng đồng, ngay lập tức bạn sẽ nhìn thấy tất cả bắt đầu tốt đẹp hơn. Bởi vì bạn sẽ không còn thấy buồn bực hay khó chịu với những gì không tốt đẹp hay khiếm khuyết trong hiện tại, mà đã tự mình nhận ra phần trách nhiệm của bản thân trong việc xây dựng, hoàn thiện những điều đó.

Khi bạn có một người chị hay càu nhàu, gắt gỏng, điều đó làm cho tất cả mọi người trong gia đình đều khó chịu. Nhưng sẽ chẳng ích gì nếu bạn cứ bực dọc và chỉ trích, phê phán mãi thói xấu ấy. Điều tích cực hơn là bạn phải tìm hiểu, phân tích những nguyên nhân sâu xa của

vấn đề, xem tự mình có thể góp phần làm thay đổi được hay không. Và ngay cả khi bạn không thể làm gì để thay đổi được “cố tật” này, thì sự phân tích tìm hiểu được nguyên nhân cũng sẽ giúp bạn có sự cảm thông cần thiết để có thể chấp nhận tốt hơn điều đó.

Khi con đường đi vào xóm bạn đầy những ổ gà, bạn không thể quy trách nhiệm hoàn toàn cho người khác, mà phải thấy được bản thân mình cũng có một phần trách nhiệm trong đó. Tất nhiên là bạn biết mình đã có bầu chọn những người đại diện, lãnh đạo trong khu phố, và họ có trách nhiệm đứng ra tổ chức việc sửa chữa con đường. Nhưng như vậy không có nghĩa là bạn không có phần trách nhiệm. Vì thế, bạn cần phải tìm hiểu vấn đề. Có thể là vì có quá nhiều công việc khác quan trọng hơn nên con đường chưa được quan tâm đến, và như vậy bạn nên tích cực góp một phần công sức của bản thân mình vào để công việc sớm được



thực hiện hơn. Với nhận thức như vậy, điều trước hết là bạn luôn giải tỏa được những sự bức dọc, quy trách vô ích, mà luôn có được sự cảm thông và cái nhìn tích cực để cải thiện vấn đề.

Khi chúng ta đọc báo và thấy đăng tải những tin tức về tội phạm ở khắp đó đây, chúng ta sẽ không quy trách vấn đề cho những người mà ta cho là có trách nhiệm, hoặc đưa ra một nhận xét vô bổ về tình trạng suy thoái đạo đức trong xã hội như nhiều người vẫn thường làm. Thay vì vậy, chúng ta cần thấy được những nguyên nhân sâu xa của vấn đề và đồng thời nhận thức rõ là mình cũng có một phần trách nhiệm trong đó, và cần phải có những đóng góp tích cực hơn để hoàn thiện xã hội. Suy cho cùng, cộng đồng này là của chúng ta, xã hội này là của chúng ta, nếu chúng ta không cùng nhau góp sức cải thiện thì ai sẽ làm điều đó?

Xây dựng cộng đồng theo ý nghĩa như trên không bao giờ

là điều vượt quá tầm tay hay khả năng của bạn. Chỉ cần có được một nhận thức đúng, bạn sẽ dễ dàng biết được là nên làm những gì và phải bắt đầu từ đâu. Ngay khi bạn bắt tay vào việc, cuộc sống của bạn sẽ thay đổi theo hướng tích cực hơn, bởi vì cách nhìn nhận vấn đề của bạn đã trở nên tích cực. ▣

### **Đêm thu nghe quạ kêu**

*Từ Ô y hạng rử rê sang  
Bóng lẫn đêm thâu tiếng  
rộn ràng  
Trời bển Phong kiều sương  
thấp thoáng  
Thu sông Xích Bích nguyệt  
mơ màng  
Bồn chồn thương kẻ nương  
song bạc  
Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng  
vàng  
Tiếng dội lưng mây đồng  
vọng mãi  
Tình hoang mang gọi tứ  
hoang mang*

Quách Tấn  
(Mùa Cổ Điền)

## Sinh hoạt Gia đình Phật tử trong bối cảnh mới:

### THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC

MINH THANH



**T**rong một bài viết trước đây, chúng tôi đã có dịp đề cập đến hoạt động Gia đình Phật tử trong bối cảnh số lượng thanh thiếu niên tăng trong mức gia tăng chung của dân số. Đồng thời, cũng điểmm qua mối quan hệ giữa hoạt động Gia đình Phật tử với số lượng Phật tử đi chùa, trong đó, đáng lưu ý là so sánh với thanh niên Phật tử nói chung.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ có đôi nét so sánh hoạt động Gia đình Phật tử hiện nay trong tình hình các tổ chức đoàn ngũ hóa thanh thiếu niên

(không kể các tổ chức Đoàn, Đội, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam...), đang trong tiến trình khôi phục, tái tổ chức, gia tăng hoạt động cũng như mới thành lập một cách tự phát, không chính thức (như Hướng đạo, các tổ chức thanh thiếu niên tôn giáo mang màu sắc Hướng đạo ngoài Phật giáo...).

Từ các năm 2010, 2011..., mỗi sáng chủ nhật, tại các công viên lớn ở thành phố Hồ Chí Minh như: Tao Đàn, 23 tháng 9, Hoàng Văn Thụ, Lê Thị Riêng, Lê Văn Tám..., dần dần xuất hiện ngày càng nhiều những nhóm sinh hoạt thanh thiếu niên. Thường số thanh thiếu niên này tập hợp thành từng nhóm khoảng vài chục em, để ca hát, nhảy múa, liên hoan ngoài trời, chơi các trò chơi tập thể..., dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn, có khi là tự các em, có khi là một người lớn tuổi.

Ban đầu, có thể thấy sinh hoạt như thế còn mang tính

tự do, lỏng lẻo, nhóm nhỏ, không đồng phục. Tuy nhiên, sau đó, số thanh thiếu niên tham gia trong từng nhóm ngày càng đông, bắt đầu có những trò chơi lớn, quy tụ có thể đến hàng trăm em. Đồng phục cũng bắt đầu định hình. Từ quần áo cùng màu, nay đã tiến đến một số dạng đồng phục như hướng đạo, hay có tính chất tương tự, có mũ, khăn quàng, huy hiệu, nghi thức..., khá đa dạng.

Có thể thấy, một trong số những đoàn thể thanh thiếu niên được hình thành như thế là sự phục hồi của phong trào Hướng đạo. Tuy nhiên, xen vào đó, là những tổ chức thanh thiếu niên từ nhiều xuất xứ (không phải Gia đình Phật tử), đặc biệt là từ các tôn giáo khác.

Tổng số thanh thiếu niên tham gia các hình thức sinh hoạt tập thể ngoài trời như thế, có khi, còn đông hơn cả số người dạo chơi, tập thể dục ở các công viên vào mỗi sáng chủ nhật hàng tuần.

*Sự kiện được ghi nhận ở trên nói lên điều gì?*

Đó là người dân thành phố bắt đầu có xu hướng đưa con em mình vào sinh hoạt theo hình thức Hướng đạo và tương tự. Việc cha mẹ chở con cái, mặc các loại đồng phục đến công viên tham gia sinh hoạt là điều thường thấy hiện nay trên đường phố Sài Gòn.

Xu hướng này vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với hoạt động của Gia đình Phật tử.

*Thời cơ*, đó là khi Gia đình Phật tử, một tổ chức đoàn ngũ hóa thanh thiếu niên Phật tử mang màu sắc Hướng đạo, phải kịp thời nắm bắt xu hướng này, để vận động, thúc đẩy phụ huynh là Phật tử đưa con em mình tham gia sinh hoạt Gia đình Phật tử nhiều hơn. Tự thân tổ chức Gia đình Phật tử phải kịp thời triển khai những phương thức thích hợp, nhằm thu hút thanh thiếu niên Phật tử vào đội ngũ, mở rộng tổ chức Gia đình Phật tử,

sao cho số lượng đoàn sinh quy mô trong sinh hoạt... phát triển vượt bậc, tương xứng với xu hướng chung của hoạt động thanh niên đang phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam như đã ghi nhận ở trên.

*Thách thức*, đó là khi hoạt động Gia đình Phật tử không bắt kịp xu thế thời đại. Con em trong gia đình theo đạo Phật lại không tham gia sinh hoạt Gia đình Phật tử, mà lại tham gia các hình thức đoàn ngũ hóa thanh thiếu niên tự phát khác, có thể không rõ xuất xứ, mục tiêu.

Hiện nay, các Huynh trưởng Gia đình Phật tử, phần đông những người chỉ đạo, hướng dẫn Gia đình Phật tử, qua quá trình sinh hoạt, nay tuổi đã cao, quỹ thời gian không còn nhiều... Tuy có đào tạo nên một thế hệ Huynh trưởng trẻ, nhưng thế hệ Huynh trưởng này chưa có kinh nghiệm, chưa từng trải với sinh hoạt Gia đình Phật tử trong giai đoạn khó khăn hiện tại và là thành phần phụ thuộc.

Vì vậy, theo chúng tôi, thời gian hiện nay, và *chỉ trong vài năm*, là thời gian có ý nghĩa quyết định đối với việc đẩy mạnh hoạt động Gia đình Phật tử, sao cho tương xứng với sự phát triển sinh hoạt thanh thiếu niên nói chung, đáp ứng một xu thế mới, xu thế đang lên của xã hội.

Nếu triển khai không kịp thời, không tích cực, không đạt được yêu cầu cần có, thì Gia đình Phật tử sẽ trở nên mờ nhạt trong sự phát triển chung của phong trào thanh thiếu niên hiện nay, và trở nên tụt hậu, diễn tiến xuống cấp với một tỷ lệ không tương xứng với số lượng thanh thiếu niên được tập hợp như đã trình bày ở trên.

Điều càng bản khoăn, lo lắng là các tổ chức thanh thiếu niên của các tôn giáo khác, lâu nay, vẫn sinh hoạt âm thầm, kín đáo, thì bây giờ đó đây, đã có những biểu hiện bộc phát về mặt bề nổi. Đã thấy những khăn quàng màu lạ kết nhau từng đoàn nối dài

vào những chiều chủ nhật trên đường phố một số tỉnh thành, dù mới là việc “xé rào”?

Người ta đang ở trong giai đoạn tăng tốc để thu hút tổ chức, đoàn ngũ hóa thanh thiếu niên trong sự phức tạp của nó.



Trước bối cảnh đó, trách nhiệm đặt ra cho hàng Tăng Ni, Phật tử Việt Nam đối với việc tạo nên một chuyển biến đột phá trong hoạt động Gia đình Phật tử là hết sức nặng nề. Chậm chân, mọi việc có thể muộn màng, sa sút.

Vì thế, những người lãnh

đạo cần có một dự báo cho hoạt động của Gia đình Phật tử trong xu hướng bộc phát, có tính bước ngoặt của phong trào sinh hoạt thanh thiếu niên nói chung vào thời gian sắp tới. Tuy nhiên, nếu chúng ta xét thấy tình trạng hoạt động của Gia đình Phật tử hiện nay, không thể có một dự báo lạc quan, thì nên thay vào đó, một dự báo dè dặt, tương đối.

Nhìn bức tranh tổng thể, với một dự báo như vậy, không phải là để chúng ta bi quan, mà là để chúng ta quan tâm nhiều hơn đến vấn đề, để có những bước thúc đẩy thích hợp trong hoàn cảnh mới.

Là người Phật tử, chúng ta hoan hỷ với xu hướng phát triển các hình thức giáo dục thanh thiếu niên theo hướng lành mạnh, trong sáng. Nhưng chúng ta còn có trách nhiệm là thúc đẩy sự phát triển của đoàn thể thanh thiếu niên của Phật giáo chúng ta, cụ thể là Gia đình Phật tử, làm sao cho hoạt động của đoàn thể này cũng phát triển tương xứng

trong bức tranh chung của toàn xã hội.

Gia đình Phật tử là một di sản quý giá mà liệt vị tiền bối hữu công của Phật giáo Việt Nam đã dày công khai sáng, và để lại chúng ta hôm nay. Như thế thì việc duy trì và phát triển hoạt động của Gia đình Phật tử sao cho tương xứng với hoàn cảnh chung trong mọi thời điểm, luôn luôn là trách nhiệm nặng nề của tất cả người con Phật, kể cả xuất gia lẫn tại gia.

Nhất là những người đang trực tiếp cầm trịch vận mệnh tổ chức Gia đình Phật tử hôm nay, càng nên ý thức để nắm bắt Thời cơ và Thách thức trong giai đoạn nóng bỏng này. Nếu không, thì tổ chức Gia đình Phật tử không chỉ bị tụt hậu so với sự phát triển chung của các phong trào thanh thiếu niên đang bột phát ngày càng mạnh mẽ như chúng ta đã thấy, mà còn làm suy yếu một lực lượng đầy tiềm năng của Đạo pháp cả hôm nay và ngày mai. ▣



# Thánh nữ Visākhā

*(Nữ đại thí chủ)*

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH

Đức Phật chưa đến Anḡa, xứ sở ra đời của cô bé Visākhā, nhưng do giới thương buôn loan truyền, tin tức ấy đã đến nơi này từ mấy hôm về trước. Náo nức nhất là những người buôn bán làm ăn xa, đã có dịp nghe pháp tại Jetavanārāma (Kỳ Viên tịnh xá) hay Veḷuvanārāma (Trúc Lâm tịnh xá). Trong số ấy có hai vợ chồng triệu phú Dhanañjaya và Sumanā Devi; đặc biệt là triệu phú Menḍaka, thân phụ của họ, là người hoan hỷ nhất.

Lúc đức Phật dẫn đầu đoàn sa-môn trang nghiêm, vàng rực lần lượt trì bình khát thực tại thị trấn Bhaddiya

thì tin lành ấy đã được truyền đến tai triệu phú Menḍaka. Ông liền cho gọi cô bé cháu nội, là Visākhā, lúc ấy mới bảy tuổi rồi nói rằng:

- Cháu yêu quý của ông! Đức Thế Tôn và Tăng chúng đang vân du hành hóa đến quê hương của chúng ta; ngài và hội chúng còn ở Bhaddiya ngày nào, là những ngày an vui và hạnh phúc cho hai ông cháu chúng ta đây, cháu biết không?

Cô bé Visākhā mở tròn mắt, ngạc nhiên, ngây thơ hỏi:

- Tại sao thế ông nội? Không phải là chúng ta cũng đang sống trong an vui và hạnh phúc đó sao?

- Ừ, đúng là vậy! Triệu phú Menḍaka âu yếm vuốt mái tóc cô cháu gái – Nhưng ông đã được nghe pháp của đức Thế Tôn, ông mới hiểu được rằng, an vui và hạnh phúc của chúng ta hiện có ở đây, không được lâu bền; nó mong manh lắm, nó mau biến hoại, đổi khác lắm; nó chỉ như một đóa hoa buổi sáng nở, buổi chiều thì tàn vậy.

- Là hoa phù dung, cháu biết rồi! Cô bé Visākhā mau mắn nói - Buổi sáng nó màu trắng, trưa nó màu hồng, chiều thì màu đỏ và tối thì nó tàn rụi. Cháu thấy sự thay đổi sắc màu đó rồi! Và cháu thương cảm cho nó quá, nội ơi!

Ông già Menḍaka ngạc nhiên:

- Cháu thương cảm nó thật à? Thương cảm nó ra làm sao, nè cháu?

- Phải! Cô bé gật cái đầu, hé cái miệng xinh xắn rồi nói tiếp - Cháu thương cảm nó! Nên cháu thường nhặt những đóa hoa phù dung tàn ấy, bỏ trong bát nước, nhưng nó cũng không thờ được, không nhúc nhích được, không sống được, ông nội à!

- Ừ, làm thế nào mà nó thờ được, nó nhúc nhích được khi các xác hoa ấy đã chết rồi! Ông triệu phú Menḍaka đăm chiêu một lát rồi nói tiếp - Đức Thế Tôn, các bậc Chánh Đẳng Giác cũng thương cảm chúng ta cũng như cháu thương cảm



đóa hoa phù dung kia vậy đó. Do thế, đức Thế Tôn đã chỉ dạy một con đường cho chúng ta tìm thấy một loại an vui và hạnh phúc lâu bền hơn.

- Vậy là tuyệt! Cô bé Visākhā vỗ tay – Cháu cũng muốn nghe sự chỉ dạy ấy của đức Thế Tôn. Nhưng ngài ở đâu, thưa ông nội?

- Ngài đã đến rồi! Đức Thế Tôn ấy, sáng nay cùng với hội chúng sa-môn năm trăm vị đang đi trì bình khát thực hóa độ những người hữu duyên tại thị trấn Bhaddiya của chúng ta đấy.

- Thế tại sao ông nội và cháu không đi thăm, đánh lễ và cúng dường đức Thế Tôn ấy, rồi sau đó xin được nghe lời chỉ dạy của ngài?

- Đi chứ, đi chứ! Ông triệu phú cười vui, mau mắn nói – Nhưng hãy đợi đến sớm mai. Bây giờ, cháu hãy chuẩn bị cho thật trọng hậu và hoành tráng nhất; nghĩa là phải có đủ năm trăm cỗ xe có ngựa kéo với đầy đủ tứ sự, lễ vật cùng năm trăm

thị nữ, gia nhân... rồi ông cháu chúng ta đến thăm đức Thế Tôn, có lẽ đang ở tại một ngôi rừng nào đó ở ngoại ô đấy thôi. Hỏi là biết liền hà!

Sau khi cô bé đi lo công việc, ông triệu phú suy nghĩ: “*Cha mẹ nó đều là bậc trí thức, hiền thiện, đã từng được nghe pháp nhiều lần ở nơi này và nơi kia; riêng cô bé thì chưa. Nó lạ lắm. Nó tiềm tàng những phẩm chất cao quý mà ít người có được. Khi sinh ra, nó nằm gọn gàng trong cái bọc điều tinh khiết, trông khá khinh, sáng rõ như viên hồng ngọc, lại còn hương trời ở đâu mà tỏa ngát, thơm lừng cả nhà nữa chứ. Càng lớn lên trông nó càng mỹ miều, duyên dáng. Nước da cô bé mịn màng như cánh hoa sen màu vàng. Vóc nó trông mảnh mai, nhưng tiềm tàng một sức khỏe lạ lùng; có lần nó bông một chú bê con trông nhẹ nhàng như ôm một bó hoa! Điều đặc biệt, lúc nào, nó ăn uống đi đứng nằm ngồi đều toát ra cái phẩm chất cao quý, dường như không hề*

*thấy thói hư tật xấu nào. Chỉ tiếc nó là gái, bằng không nó sẽ trở nên một bậc chí nhân, chỉ thiện trên đời này. Nhưng mà không sao, phải tạo cơ hội cho cô bé này được thân cận những bậc đại trí tuệ như đức Phật, chư vị Thánh Tăng để cho nó được thăng hoa những phẩm chất ấy càng ngày càng ưu việt hơn ”.*

Thế rồi, ngày hôm sau, ông triệu phú Menḍaka và cô bé Visākḥā với năm trăm cỗ xe thực phẩm, lễ vật; năm trăm thị nữ, gia nhân rầm rộ, sang trọng không thua gì vua chúa đến khu rừng ngoại ô thăm viếng đức Thế Tôn và hội chúng tỳ-khưu.

Đức Phật biết trước chuyện này, là một nhân duyên lớn cho giáo pháp nên sáng nay đã không đi bát, ngài ngồi dưới một gốc cây lớn với hội chúng xung quanh.

Thấy được đức Phật, tự dung cô bé Visākḥā phát khởi đức tin trong sạch, niềm hoan hỷ bùng bùng tỏa sáng nơi khuôn mặt, nó nói nhỏ với ông nội:

- Đức Phật và hội chúng sa-môn này có cái gì rất trong sạch, thiêng liêng, hoàn toàn khác với các đạo sĩ, du sĩ... với hình dong, y áo, tướng mạo lôi thôi, lếch thếch mà cháu thường gặp nhan nhản khắp mọi nơi, khắp mọi chỗ...

- Ừ, cháu nhận xét đúng đấy! Cái đó được gọi là Tăng tướng và phẩm mạo thánh hạnh, chỉ có được trong giáo hội của đức Tôn Sư thôi, cháu ạ!

Sau buổi đặt bát, cúng dường lớn, triệu phú Menḍaka và cô bé Visākḥā còn được nghe pháp. Hôm ấy, đức Phật do biết được sự suy nghĩ trong tâm của ông triệu phú nên ngài nói về những tính xấu của con người cần phải loại bỏ, phải cần có trí tuệ soi sáng thường trực để nhận ra những thói quen, tật xấu nằm ngủ lưu niên lưu cữu trong dòng nghiệp của mỗi người. Nhờ vậy, mới hiển lộ được tư cách và phẩm chất tốt đẹp mà ai cũng sẵn có; rồi làm cho nó được thăng hoa, dần dần đưa đến toàn thiện và toàn mỹ.

Muốn đi theo con đường ấy, ban đầu phải có ngũ giới, thập thiện, biết bố thí, cúng dường, biết mở rộng tấm lòng trong tương quan sự sống với con người, chúng sanh và xã hội.

Sau buổi pháp thoại, ông triệu phú rung rung nước mắt thấy đức Phật thuyết một thời pháp đúng với tâm nguyện của mình nên ông đã có được đức tin vững chắc đối với Tam Bảo. Cô bé Visākhā, mặc dầu còn nhỏ, nhưng tinh thần đã đến mức tiến hóa bậc cao do căn duyên nhiều đời, nên đã chứng quả Nhập Lưu, hơn cả ông nội nó!

Khi về đến nhà rồi, hai ông cháu hoan hỷ quá, cứ huyền thuyên nói chuyện với nhau. Cha mẹ cô bé Visākhā, ông bà triệu phú Dhanañjaya và Sumanā Devi đi công việc ở xa về, nghe được, mỉm cười nói:

- Hai ông cháu thế là “*bón xén*” pháp, đức Thế Tôn sẽ cười chê đấy. Hai ông cháu đặt bát một lần thì chúng tôi sẽ đặt bát hai ba lần. Hai ông cháu được

nghe pháp một lần thì chúng tôi sẽ nghe pháp hai ba lần, nhiều hơn cho mà xem.

Ôi, niềm vui nhẹ nhàng, thanh cao của cái gia đình hiền thiện này, ai mà không thêm muốn.

Thế là đức Phật và hội chúng phải ở lại đây một thời gian nữa để gieo duyên với chúng sanh. Không những hai vợ chồng gia đình triệu phú này đặt bát cúng dường mà còn bạn bè, thân hữu cùng rất đông gia chủ ở trong thị trấn Bhaddiya nữa. Vậy là tôn giả Sāriputta và Ānanda thỉnh thoảng phải thay mặt đức Phật để thuyết pháp đến quần chúng tín mộ. Họ quy y rất đông.

Sau đó, ông đại triệu phú Meṇḍaka thường thỉnh mời đức Phật và Tăng chúng hằng ngày đến nhà của ông ta để thọ thực. Meṇḍaka, một đại triệu phú quý hiển, đời này giàu sang tột bậc là nhờ trong một kiếp quá khứ, gặp nạn đói, ông đã lấy phần thực phẩm cuối cùng, không để dành cho mình mà

cúng dường đến một vị Phật Độc Giác (*Paccekabuddha*). Do quả báo phước lành cao thượng này, ông được tái sinh vào một gia đình cự phú, có tên là Menḍaka, được thừa kế tài sản nhiều đời của tổ tiên. Hiện tại, ông ta được hưởng thụ lắm phước báu phi thường. Một trong những phước báu phi thường ấy là gia sản, tiền bạc của ông rất dồi dào, tiêu phí bao nhiêu cũng không khô cạn. Hễ ông bắt tay làm ăn bất cứ ngành nghề gì thì lợi tức bao giờ cũng chảy tràn vào như nước.

Nhiều năm về trước, trong chuyến làm ăn buôn bán ghé Sāvatti, triệu phú Menḍaka đến nghe đức Phật thuyết pháp tại Kỳ Viên tịnh xá, một niềm hoan hỷ vô biên đã đến với ông; kể từ đó, ông mới thấy cuộc sống có thêm ý nghĩa cao quý và tinh thần của mình mới có nơi nương tựa vững chắc.

Con trai trưởng của đại triệu phú Menḍaka, một công tử trí tài và hiền đức đúng như kỳ vọng của ông, vừa có đầu óc

kinh doanh thiên tài vừa có trái tim nhân hậu như cái tên là chứng minh thư chào đời của chàng vậy: Dhanañjaya, có nghĩa là kẻ làm tăng vượng của cải, vinh quang của cải, đồng thời còn có tâm từ ái, thường chia sót cơm áo, thuốc men đến cho những kẻ cô quả, đói nghèo tương tự trưởng giả Cấp Cô Độc hữu danh vậy!

Phu nhân công tử Dhanañjaya là bà Sumanā Devī, một giai nhân tuyệt sắc, mang cái đẹp vẹn toàn về dung nhan, tư cách cũng như đức hạnh. Nếu người đời thường mơ ước năm điều: Làm vua chúa, giàu sang, vợ đẹp, con ngoan, cả gia đình đều khoẻ mạnh thì công tử Dhanañjaya đã có đến bốn điều hạnh phúc rồi vậy.

Cũng giống như thân phụ, thanh niên Dhanañjaya nhân nghe một bài pháp, cũng do đức Phật thuyết, ông đã đắc quả Tu-đà-hoàn nên đã có đời sống của một cư sĩ mẫu mực làm gương sáng cho nhiều người. Bà Sumanā Devī, phu nhân

của Dhanañjaya, sinh hạ một ái nữ tuyệt vời, được đặt tên là Visākhā, có nghĩa là “*Nét đẹp của ánh trăng tháng Năm*”!<sup>(1)</sup> Cô tiểu thư này, về phương diện tinh thần, lại được thấm nhuần giáo pháp sớm hơn thân phụ và nội tổ nữa, vì cô bé đã đắc pháp nhân khi mới vừa bảy tuổi như nói ở trên.

Duyên sự tiếp theo.

Trong một lần viếng thăm em gái, là hoàng hậu của đức vua Bimbisāra, đức vua Pāsenadi nhận thấy nước Māgadha và các chư hầu kế cạnh có đến năm vị triệu phú mà nước ông không bằng được như thế: Đây là quý ông Joṭika, Jāṭila, Puṇṇaka, Kākavalliya và Meṇḍaka. Trong đó, triệu phú Meṇḍaka là có gia sản đệ nhất. Đức vua Pāsenadi nhận thấy rõ rằng, nơi nào có một vị triệu phú ở thì nơi đó các nền công nghệ, thương mại, nông nghiệp kể cả những ngành nghề thủ công đều được phát triển. Nói cách khác, những ông triệu phú ở thành phố, thị trấn nào thì ở

đó sẽ phú túc, thịnh vượng. Đức vua Pāsenadi ngỏ ý xin đức vua Bimbisāra “*sốt bớt cho*” một vị triệu phú về ở Kosala để nối kết tình bang giao hòa hiếu giữa hai quốc độ. Ban đầu đức vua Bimbisāra từ chối, nhưng sau nể tình “*ông anh rể*”, vua đồng ý nhưng bảo là còn tùy thuộc sự tình nguyện của họ chứ không thể bắt buộc được. Khi đức vua Bimbisāra hỏi ý kiến năm vị triệu phú hữu danh trong nước của mình cùng các nước chư hầu thì gia đình triệu phú Meṇḍaka cùng con trai Dhanañjaya, bây giờ cũng đã được đức vua phong là triệu phú hay trưởng giả (*Setṭhi*) tình nguyện ra đi. Cuộc “*thiên di*” vĩ đại cả gia sản đồ sộ với hàng ngàn cỗ xe của cải, tư trang, tư dụng, hàng trăm ngàn gia súc gồm ngựa, bò, dê, cừu cùng hàng ngàn con cháu, gia nhân, thị nữ, người làm công, nô bộc... phải nói là đã rúng động nhiều tiểu quốc.

Đến một vùng đất xóm làng thưa thớt, tuy có sông, có núi,

có bình nguyên mênh mông nhưng có lẽ không ai bỏ tiền bạc và công sức khẩn hoang nên nó như là một công chúa diễm lệ đang ngủ quên giữa rừng già. Đây là vùng đất cách kinh đô Sāvatti chừng bảy do-tuần<sup>(2)</sup>, đại gia đình ông triệu phú chọn nơi đây để trú cư, lập nghiệp. Do họ đến đây vào lúc trời gần tối nên nó có tên là Sāketa. Thế rồi, chỉ vài năm sau, với nhân lực hùng hậu, với tài sản, gia sản không lồ, đầu óc của hai cha con ông triệu phú đã biến nơi đây trở thành một thị trấn sầm uất được vây quanh bởi những cánh đồng hoa màu tươi tốt, hằng chục ngôi làng cư dân đông vui. Từ đây mọi công việc trong ngoài, lão triệu phú Menḍaka đều giao lại hết cho con trai là Dhanañjaya gánh vác.

Bảy năm sau nữa, nó đã trở thành một thành phố phát triển năng động. Đức vua Pāsenadi đã xuống sắc chỉ phong cho triệu phú Dhanañjaya làm trưởng trấn thành<sup>(3)</sup>.

Vào hạ thứ mười ba khi đức Phật an cư tại hòn núi đá trắng Cālīka thì cô bé Visākḥā đã là một tiểu thư mười sáu tuổi. Kinh điển và chú giải nói rằng, cô Visākḥā có sức mạnh thể chất như một nam nhi lực sĩ<sup>(4)</sup> cùng vẻ đẹp mỹ miều, duyên dáng thể gian không ai sánh được. Cô hội đủ năm vẻ đẹp của mỹ nhân. Tóc nàng đen mượt như nhung, trông tựa đuôi công, khi xổ xuống thì dài tận gót chân rồi uốn lượn lên, được gọi là tóc mỹ lệ (*kesākalyāna*). Da cô tuy không phấn sáp vẫn thắm nhuận, mịn màng và tươi tắn như cánh sen màu trắng hồng<sup>(5)</sup>, được gọi da mỹ lệ (*chavikakalyāna*). Môi nàng đỏ hồng một cách tự nhiên như trái “bimba”, lại còn tươi nhuận, mềm mại và gọi cảm, được gọi là thịt mỹ lệ (*mamsakalyāna*). Răng trắng như ngà, khít khao, đều đặn và sáng ngời như chuỗi kim cương khéo kết, khi cười thì long lanh như xà cừ, đó là xương mỹ lệ (*aṭṭhikalyāna*). Và thứ năm, vẻ đẹp tươi trẻ, vóc

dáng mảnh mai, thanh xuân ấy còn giữ nguyên vẹn cho đến tuổi già!

Tại kinh đô Sāvatti lúc bấy giờ, có một vị triệu phú tên là Migāra, ông ta có một quý tử tên là Puṇṇakavaddhana đã đến tuổi lập gia đình. Những ông mai, bà mối giới thiệu nơi này nơi kia những tiểu thư xinh đẹp, môn đăng hộ đối nhưng cậu thanh niên này đều không vừa lòng. Nói mãi, cậu quý tử mở lời làm khó dễ:

- Chỉ khi nào cha mẹ tìm ra được một cô gái hội đủ năm vẻ đẹp của mỹ nhân con mới đồng ý.

- Năm vẻ đẹp ấy là gì?

- Thừa, đầy là tóc, da, thịt, xương vóc và tuổi trẻ! Các thầy bà-la-môn bảo như thế!

Tim hỏi một thầy bà-la-môn uyên bác về tướng pháp, ông ta xác định sự thực là có năm vẻ đẹp như vậy và có thể tìm thấy trên thế gian, nên ông triệu phú Migāra thuê mướn tám thầy bà-la-môn tài giỏi nhân tướng học đi khắp nơi kiếm tìm mỹ nhân

đạt yêu cầu cho tiểu chủ.

Chuyện kể rằng, hôm kia nhân một ngày lễ hội, tiểu thư Visākhā cùng với những thị nữ đi dạo chơi, sau đó đến tắm ở hồ nước công cộng xinh đẹp tại một công viên do phụ thân của cô kiến tạo. Đột ngột, một đám mưa to đổ xuống. Tất cả mọi người, ai ai cũng vội vã chạy tìm một nơi nào đó để trú mưa, những thị nữ của cô cũng vậy. Riêng tiểu thư Visākhā thì không hấp tấp, không vội vã mà cứ chậm rãi, khoan thai từng bước một đi vào một chái lương đình. Hình ảnh ấy đập ngay vào mắt mấy người trong đoàn bà-la-môn sứ giả đang đi tìm “*y trung nhân*” cho con trai ông triệu phú. Họ kín đáo, lặng lẽ quan sát cô gái vừa tạo cho họ một ấn tượng tốt. Phải nói là cô ta quá xinh xắn, không những đẹp từ sắc diện đến dáng vẻ đoan trang, nho nhã mà còn cái gì đó nơi nét hạnh, nơi tư cách cao quý nữa mà họ chưa nắm bắt hết. Quan sát kỹ thì họ thấy cô tiểu thư này có được

các vẻ đẹp của mỹ nhân nhưng họ chưa thấy “*tướng rãng*” của cô ra sao. Phải nghe cô ta cười hoặc nói mới biết được.

Và đoạn đối thoại thú vị sau đây xảy ra.

Một vị lịch sự hỏi:

- Thưa tiểu thư! Sao tiểu thư không nhanh chân chạy đi trú mưa như mọi người mà lại bước đi chậm rãi, khoan thai như thế? Không ngại mưa ướt xiêm áo hay sao?

Cô Visākhā mỉm cười, dịu dàng nói:

- Thưa ông! Xiêm áo “*ướt*” thì ta có thể thay đổi cái khác được, nhưng khi tư cách, nét na và phẩm hạnh của người nữ đã “*ướt*” rồi thì biết lấy “*cái khác nào, ở đâu*” để thay đổi?

Vị sứ giả ngỡ ngác, chưa hiểu.

Cô lại phải giải thích một cách rộng rãi hơn:

- Thưa ông! Nếu muốn, tôi có thể chạy nhanh hơn cả lực sĩ điền kinh nhưng tôi đã không làm vậy! Tại sao? Ví như có một vị vua đang mặc sắc phục triều

đình, đội vương miện quyền quý, bỗng nhiên, quần bào, xăn áo hôi hã chạy vào cung điện thì đâu còn ra thể thống gì nữa!

Một thót ngự tượng đỉnh đạc, bệ vệ, mình mang đầy trang sức châu báu, thường thì uy nghi, chững chạc từng bước một, nay bỗng dung đâm đầu hót hã bỏ chạy tạo nên một cảnh tượng gì đó giống như giặc đuổi sau lưng! Một vị tỳ-khưu với từng bước chân chậm rãi, ổn định, thanh thoi trông rất thanh thoát, khả kính cũng bị thế gian chê cười khi ông ta xốc xếch y bát chạy nhanh trên đường! Cuối cùng, một người nữ nếu xăng xái bước vội, đi nhanh như đàn ông thì còn đâu nữa cái dáng vẻ yếu điệu, khoan thai của một tiểu thư khuê các? Đây là bốn nhân và vật trên thế gian này, bất cứ trường hợp nào cũng không được hôi hã đi nhanh, bước nhanh hay chạy nhanh, thưa ông!<sup>(6)</sup> Nó đánh mất tất cả mọi tư cách!

Khi cô Visākhā trả lời, do giọng nói thanh tao, dịu dàng;



do lý luận, ví dụ sắc bén, cụ thể đã cuốn hút mọi người xung quanh đến nghe cô “*diễn thuyết*”. Các vị trong đoàn bà-la-môn sứ giả vốn là những bậc đa văn, học thức, nhưng họ cũng chỉ biết lạng người, không ai dám có ý kiến gì nữa. Mọi kiến thức, hiểu biết của họ đã hoàn toàn bị “*hạ phong*” trước cô gái chỉ bằng tuổi cháu con mình.

Khi từ già, họ chỉ biết tâm phục, khẩu phục, nghiêng đầu:

- Cảm ơn tiểu thư đã cho chúng tôi được mở rộng kiến văn!

- Thưa, không dám ạ!

Qua cuộc nói chuyện, mấy vị bà-la-môn đã thấy rõ “*tướng răng*” của cô rồi, đều đặn, trắng và sáng ngời như ngọc. Vậy là cô ta có đủ năm vẻ đẹp của mỹ nhân. Mấy ngày hôm sau, âm thầm theo dõi, điều tra, đoàn bà-la-môn sứ giả lại càng ngạc nhiên hơn nữa khi biết rằng, cô bé kia là ái nữ của triệu phú Dhanañjaya<sup>(7)</sup> là trưởng trấn thành của thành phố Sāketa,

vốn rất được mọi người tôn kính và ngưỡng mộ.

Về kể lại toàn bộ câu chuyện mắt thấy, tai nghe cùng với kiến thức uyên bác của cô tiểu thư cho ông triệu phú Migāra và trưởng công tử Puṇṇakavaddhana nghe; vị trưởng đoàn sứ giả kết luận:

- Tiểu thư kia là mỹ nhân của những mỹ nhân, vẹn toàn về sắc đẹp, kiến thức và nét hạnh, có lẽ hiếm có người thứ hai nào để so sánh. Tuy nhiên, nếu dám hỏi thì phải thật tế nhị, trân trọng, vì cô ta chính là ái nữ của ông trưởng trấn thành Sāketa, một vị triệu phú đệ nhất không ai sánh bằng, ngoại trừ trưởng giả Cấp Cô Độc mà thôi.

Triệu phú Migāra nhú mào, dè dặt hỏi:

- Ông nghi ngại họ sẽ chê chúng ta “*nghèo*” hơn họ, không “*môn đấng hộ đối*” chăng?

- Tôi không dám nói vậy! Vị sứ giả thưa tiếp - Ý tôi là nên có một cái lễ hậu hĩ và phải đích

thân ông chủ lớn đến Sāketa một chuyến để lựa lời kết mối sơ giao!

- Ta với ông Dhanañjaya vốn là chỗ quen biết trong một vài cuộc làm ăn trước đây!

- Vậy là tốt! Vậy là hay! Vậy là quý quá rồi! Và công tử Puṇṇakavaddhana cũng nên đi theo, vì tướng mạo của công tử rõ là một mỹ nam tử rất xứng đôi, vừa lứa!

Sau khi sắp đặt đâu ra đấy, ông triệu phú và con trai lên mười cỗ xe quý phái, có hai mươi con bạch mã cao sang, trang điểm lộng lẫy, với một trăm người hầu nam nữ cùng với lễ phẩm hậu hĩ, lên đường đến Sāketa, ghé dinh cơ, biệt phủ của ngài trấn trưởng. Kết quả, cuộc lễ đàm hỏi thế là thành công; vì nghĩ đi nghĩ lại, gia đình triệu phú Migāra và trưởng công tử Puṇṇakavaddhana trông cũng xứng đáng cho con mình nương tựa nên đại triệu phú Dhanañjaya đồng ý.

Thời gian sau, khi ngày cưới đã được ấn định, chính đích

thân đức vua Pāsenadi trong lòng cũng háo hức. Ông thầm nghĩ: Chính do ta đã mở miệng xin đức vua Bimbisāra một ông triệu phú để làm giàu thêm cho đất nước! Xem nào? Tính đến thời điểm này thì mới chỉ chín năm! Ôi! Chỉ mới chín năm mà cha con ông Dhanañjaya đã biến cái ngôi làng nghèo nàn ấy trở thành một thị trấn, rồi một thành phố thật sao? Và nó như thế nào mà bấy lâu ta chỉ nghe mọi người tấu sớ hết lời tán thán, ca tụng, và ta cứ vậy mà phê chuẩn! Hay là dịp này, ta hãy đi “*kinh lý*” một chuyến cho mãn nhãn tâm mắt?

Khi nghe tin đức vua Pāsenadi muốn tham dự lễ cưới, triệu phú Migāra rất sung sướng, vì như vậy là danh giá của gia đình ông càng được nâng cao, lại càng xứng đáng với gia đình nhà gái!

Đến ngày, khỏi kể lại lực lượng đi rước dâu hùng hậu và rầm rộ như thế nào, khi hàng chục cỗ xe sang trọng, người và lễ phẩm của gia đình triệu

phú Migāra cùng với hằng chục cỗ xe vương giả của đức vua, thị thần, tùy tùng và quan quân mấy ngàn người tiền hô hậu ủng!

Để chứng tỏ tư cách, địa vị và phẩm giá của một đại gia, triệu phú Dhanañjaya đã đánh tiếng trước là không nhận thêm lễ phẩm của nhà trai; và mọi sự cung đón, nghinh tiếp, chi phí tiệc tùng dầu đông đến hằng ngàn người, nhà gái cũng sắp xếp, lo liệu được.

Thế rồi, triệu phú Dhanañjaya không những chu cấp tươm tất chỗ ngủ nghỉ, những buổi yến tiệc, ăn uống, mà còn phục vụ văn nghệ giải trí cho phái đoàn nhà trai một cách hiếu khách và đầy hào phóng. Ông triệu phú chủ nhà còn thuyết phục đức vua và phái đoàn triều đình ở lại luôn trong thời gian trời đang còn mưa gió, đường sá về kinh đô còn có vẻ bất tiện. Đức vua đồng ý và rồi đã rất hài lòng về sự chăm sóc tận tình, tỉ mỉ, cẩn trọng và chu đáo của chủ nhà! Mà thật

ra, tất cả là do nhờ tâm trí và cả bàn tay khéo léo của tiểu thư Visākha mới được vậy!<sup>(8)</sup>

Về việc trang hoàng, làm đẹp thành phố, chuẩn bị áo cưới, phục sức, trang điểm cho cô dâu cũng là chuyện hy hữu, “*kinh khiếp*”! Trước ngày đón hai phái đoàn ghé Sāketa, triệu phú Dhanañjaya đã cho đập bỏ hằng trăm ngôi nhà cũ nát trong thành phố rồi cung cấp cho họ vật liệu, nhân công và tiền bạc để xây dựng nhà mới. Ông còn cho trang trí lại các con đường, cổng ngõ, yêu cầu trồng thêm cây xanh và cây hoa! Trong mấy tháng lễ cưới của con gái, ông trích quỹ để nhân dân thành phố cũng được tiệc tùng, ca nhạc, diễn kịch, đóng trò, biểu diễn thể thao và nhiều cuộc giải trí vui chơi khác!

Chuyện kể đầy ấn tượng. Năm trăm thầy thợ vàng, bạc khéo tay đã được mời đến, bao nhiêu kim cương, ngọc quý đều được lấy ra cho họ chọn lựa, để họ trở hết tài nghệ chế tạo những đồ trang sức, trang điểm

quý giá (*Mahālatāpasādhana*), tinh vi, có giá trị nghệ thuật cho cô dâu, suốt bốn tháng trường mới xong!<sup>(9)</sup> Việc may áo cưới cũng nhiều khê, phức tạp y như thế mới hy vọng tương thích với tác phẩm nghệ thuật trang sức của những người thợ kim hoàn thiện xảo. Họ còn phải may sắm thêm một trăm bộ xiêm áo cùng đồ trang sức cho một trăm cô phù dâu nữa. Rồi còn thợ giỏi chế nước hoa, dầu thơm, mỹ phẩm các loại cho tất cả thảy nữ nhân dự lễ hai họ cũng khéo léo và tinh tươm vô cùng.

Chuyện ăn, chuyện uống phục vụ cho đức vua, các quan đại thần, triệu phú, công nương... đâu phải là dễ dàng gì. Hằng chục trường bếp trừ danh được thuê mời từ các tiểu quốc, phải tài giỏi, kinh nghiệm, cao tay nghề mới chế biến được những món ăn hợp với khẩu vị cung đình, hoàng gia, quý tộc, đại phú gia, tiểu phú gia! Về chuyện củi đun để lo việc nấu ăn cho hằng ngàn người mỗi ngày cũng không phải đơn

giản. Vài tuần đầu là sử dụng gỗ thơm, củi thơm. Sau đó là hằng chục kho củi đã hết nhẵn trong chỉ hơn một tháng. Cô Visākḥā tự chỉ huy, bảo phải đi lấy gỗ ván bất cứ nơi nào có gỗ ván để làm củi đốt! Thế là họ phải đi lấy gỗ ván trong khắp thành phố. Và lạ lùng là ai cũng hoan hỷ tháo dỡ! Được hơn tháng nữa thì lại cạn kiệt gỗ ván, cô Visākḥā lại xuống lệnh cho mở tất cả những kho vải thô, nhúng dầu thay cho củi đun! Còn một vài ngày cuối cùng, khi những kho vải thô đã hết, họ phải sử dụng bất cứ vải gì miễn là đốt được, nấu ăn được. Thế là rỗng rã bốn tháng trường, đại gia đình triệu phú, trưởng trấn thành Sāketa hào sảng đãi khách, một lần cho con gái về nhà chồng mà sau đó nổi tiếng khắp châu Diêm-phù-đề!<sup>(10)</sup>

Thế mà đã hết đâu. Riêng hỏi môn cho con gái thì sao? Ông triệu phú Dhanañjaya đã cho tiểu thư cung yêu của hồi môn bao gồm năm trăm cỗ xe

tiền vàng, tiền đồng; năm trăm cỗ xe chất đầy chén, đĩa, bát, mâm, thau đều bằng vàng, bạc hoặc đồng, lại còn chum, vại, lọ bằng sành, sứ nữa; nhiều thứ tơ, lụa, gấm, nhung quý giá khác nhau, vải vóc các loại khác nhau; lại còn đường, mật, sanh tô, gạo thơm, nếp thơm, bắp, đậu, cà ri... cùng với cày bừa, cuốc, xẻng và những dụng cụ linh tinh thuộc nông nghiệp. Tháp tùng còn năm trăm cỗ xe khác, mỗi cỗ xe có ba người nữ tỳ trang sức lộng lẫy cùng với tất cả mọi tư trang, tư dụng, vật dụng không thiếu thứ gì. Gia súc được ông cho nguyên một trang trại lớn chứa trong một cái chuồng với ba phần tư dặm chiều dài và tám cây sào chiều rộng đứng kề nhau! Chuyện chưa hết, khi tất cả gia súc được lừa đi, thì khoảng chừng sáu mươi ngàn bò đực và sáu mươi ngàn bò cái ở các chuồng trại kế cận cũng phá rào nhảy theo đoàn gia súc của cô<sup>(11)</sup>.

Trước lúc Visākhā về nhà chồng, người cha sáng suốt còn

khuyên dạy con gái “*mười điều gia huấn*” mà ông Mirāga đã chồng tai nghe lỏm từ phòng bên cạnh. Những lời đó là:

- *Không đem lửa từ trong nhà ra ngoài ngõ;*

- *Không đem lửa từ bên ngoài vào trong nhà;*

- *Chỉ cho đến những người có khả năng hoàn trả;*

- *Không cho đến những ai không có khả năng hoàn trả;*

- *Cho đến những người có thể hoàn trả hoặc những người không thể hoàn trả;*

- *Ngồi một cách an vui;*

- *Ăn một cách an vui;*

- *Ngủ một cách an vui;*

- *Hăng chăm nom ngọn lửa, coi chừng lửa;*

- *Và cuối cùng, phải biết tôn trọng và kính lễ những vị trời ở trong nhà<sup>(12)</sup>.*

Vào ngày hôm sau, vì thương con gái, sợ con gái cô thể nơi nhà người, ông Dhanañjaya đã cẩn thận cho tám người thân nhân gia chủ lão thành, uy tín đi theo cô như là những người bảo trợ, đồng thời, tham mưu,

cố vấn cho cô trong những lúc khó khăn; và cũng để xử lý, đối phó với những ai bên nhà chồng chống đối cô, “*ăn hiếp*” cô hoặc buộc tội cô một cách vô cớ!

Ngày cô rời khỏi nhà, nhân dân cả hàng chục ngôi làng khóc lóc đưa tiễn. Triệu phú Dhanañjaya xúc động quá, ông đã đồng ý, cho phép bất cứ những người dân nào của mười bốn ngôi làng của ông (*do ông xây dựng, bảo trợ*), nếu như họ muốn đi theo với cô ta. Kết quả là có những ngôi làng đã hoàn toàn bị bỏ trống. Nhưng ông triệu phú Migāra, chột hoảng sợ khi nghĩ rằng, mình phải nuôi thêm mấy ngàn người nên ông không nhận, phũ phàng hơn, ông đã đuổi họ về hết.

Đến Sāvatti, tiểu thư Visākā đi vào thành với hàng ngàn cỗ xe; cô đứng dậy trên một cỗ xe lộng lẫy nhất, do thể tất cả mọi người dân đều có thể nhìn thấy cô gái, tuy chưa biết mặt mà danh tiếng của cô đã lẫy lừng ở kinh đô, đã làm cho

họ vô cùng cảm mến, ngưỡng mộ. Đoàn xe phải dừng lại do sự chen lấn của hàng ngàn người. Lại càng ngạc nhiên làm sao, không biết bao nhiêu là quà cáp do mọi người trao tặng nữa. Cô tiểu thư đành phải bước xuống xe nhận lễ phẩm với nụ cười khả ái, với đôi lời cảm ơn ân cần, lễ độ. Sau đó, cô đã khởi tâm làm một việc lạ lùng, ngoạn mục không ai ngờ nổi, là sai bảo quyền thuộc, gia nhân, nô bộc, thị nữ hạ hàng hóa xuống, chỉ chừa lại tư trang, tư dụng, châu báu, bạc tiền, tơ lụa, vải vóc cần thiết, còn bao nhiêu vật dụng linh tinh, sanh tô, đường, mật, ngũ cốc, vải vóc cả hàng trăm xe mà cha cho, bảo phân phát hết cho mọi người có mặt và cả những gia đình ven đường. Tiếng mọi người ca tụng, tán thán, cười vui... hôm đó là hiện tượng hy hữu, độc nhất vô nhị ở kinh đô Sāvatti này!

Rồi về nhà chồng, một thời gian sau, mọi người từ thân bằng quyến thuộc đến gia nhân,

người hầu, thị nữ ai ai cũng mến yêu và quý trọng cô. Mọi công việc từ trong ra ngoài, một tay cô quán xuyên chu áo tất cả mà không hề tỏ ra sai bảo hoặc chỉ tay năm ngón. Tình thương và tâm từ ái của cô như hương thơm dịu dàng tỏa ra bao trùm cả không gian sống, người và vật.

Một đêm kia, tiết trời mưa lạnh, ngoài chuồng nuôi gia súc có tiếng thú kêu bất thường, thị nữ cho biết là có một con ngựa cái sắp đẻ, có lẽ khó khăn nên nó vật vã, đau đớn như vậy. Cô Visākā vùng dậy cùng các gia nô nam và nữ đốt đuốc ra tận nơi, sai lấy thêm cỏ phủ chuồng cho ấm, sai nấu nước nóng tắm rửa, lau khô rồi thoa dầu ngăn ngừa độc trùng; đồng thời, tự tay cô ve vuốt, nói lời trìu mến, thiết thân như xoa dịu cơn đau cho nó. Quả nhiên, bò không còn quằn quại kêu rống nữa, và sau đó, mấy người hầu nam đã giúp nó sinh con một cách an lành!

Duyên sự khác.

Ông Migāra là đệ tử trung kiên và thuần thành của phái Ni-kiền-tử (*Nigantha Nātaputta*); ngày nọ, ông thỉnh về nhà rất đông tu sĩ lỏa thể. Khi các vị ấy đến, ông Migāra bảo với cô rằng:

- Hôm nay, ta đã thỉnh mời các bậc A-la-hán đến nhà để cúng dường, con hãy ra chào mời và đánh lễ quý ngài cho phải đạo.

Thoạt nghe danh từ A-la-hán, cô vô cùng hoan hỷ, trang điểm qua loa rồi bước ra. Nhìn thấy những tu sĩ lỏa lồ ngênh ngang ngồi, đứng có vẻ quá tự do trong và ngoài trang viện, nàng vội vã thối lui. Một phụ nữ thanh nhã, đoan trang như cô thật không thể nào chịu đựng được hình ảnh kệch cỡm, thô tục ấy.

Nàng nói với cha chồng:

- Cha đã không lịch sự, thiếu tế nhị khi bắt con phải ra chào hỏi cái đám người hoang dã, rùng rú ấy!

- Hoang dã? Rùng rú? Ông triệu phú trở mắt! Chính con đã

phỉ báng các bậc A-la-hán đây!

- Nếu là bậc A-la-hán thật sự thì hoàn toàn khác thể! Họ thanh sạch, tinh khiết từ tâm hồn đến thể chất, từ tướng mạo, dáng vẻ cho đến sắc phục, thưa cha!

Thoáng nghe đoạn đối thoại vọng ra, một vị trưởng lão râu tóc xồm xoàm, cho gọi triệu phú Migāra lại rồi nghiêm khắc la rầy như sau:

- Tại sao trong ngôi nhà thuần thiện này lại có mặt một cô con gái vốn là đệ tử của ông Cù Đàm nhỉ?

- Thưa vâng, đệ tử đã sơ suất, đã có lỗi, xin sám hối với sư phụ!

- Sám hối không chỉ là nói suông, phải đuổi “con quỷ cái” ấy ra khỏi nhà!

- Thưa vâng!

“Vâng” thì vâng vậ nhưng khi đám đạo sĩ lửa thể rời khỏi nhà rồi, ông triệu phú tỉnh táo lại, thàm suy nghĩ: “Con dâu của ta là con nhà có giáo dục, đã đối xử phải lễ với chồng, với cha chồng, với kẻ ăn, người ở,

lại còn quán xuyến mọi việc trong ngoài, đâu cũng sạch sẽ, ngăn nắp. Từng món ăn phục vụ chồng, cha chồng đều là thượng vị, tinh tuom như có trái tim ở trong từng món nêm nấu. Chuyện xảy ra vừa rồi, con dâu ta hơi quá khích mà chính các bậc thầy của ta cũng hơi quá khích! Nếu đuổi đi thì con trai ta chắc sẽ phiền lòng, sầu khổ; và ngôi nhà này thật không dễ gì kiếm ra một cô dâu thứ hai như thế! Hy vọng là từ từ ta sẽ cảm hóa cô ta theo cái đạo của mình!”

Một ngày nọ, ông Migāra đang ăn một bữa cơm sang trọng trên cái mâm có chén bát bằng vàng. Lúc đó cô Visākhā đang đứng quạt hầu cho ông, nhìn thấy một vị sư khát thực đang đứng phía ngoài sân nhà. Cô bèn đứng né qua một bên để ông Migāra có thể trông thấy. Ông Migāra tuy đã thấy nhưng vẫn tiếp tục ăn và không hề để ý đến vị sư; do thế cô đã nói vọng ra bên ngoài rằng:

- Bạch ngài! Xin ngài hãy



hoan hỷ bước sang nhà khác, vì cha chồng của con hôm nay đang ăn một món ăn đã “*siu nguội*” (*purārakam*)!

Vậy là “*quá đáng*”! “*Quá đáng*”! Ông Migāra dùng dùng nổi giận, đẩy tung mâm chén bát, đứng dậy, quát lớn:

- Sẽ tổng cổ người đi thôi! Chuyện người phỉ báng các vị A-la-hán ta còn canh cánh bên lòng, bây giờ người lại còn phỉ báng cả ta nữa, ta không chịu đựng được nữa rồi!

Cô Visākhā phân trần:

- Chuyện ấy không phải là phỉ báng, thưa cha! Cha đã hiểu lầm rồi!

- Không hiểu làm gì cả! Cái chữ, cái nghĩa sờ sờ ra đó, ai mà cũng không hiểu cơ chứ!

- Con nói “*siu nguội*” là nói nghĩa ẩn bên sau!

- Thôi! Cầm miệng đi! Ta sẽ đuổi! Ta sẽ đuổi!

Chợt, cô Visākhā cứng cỏi đáp lại:

- Đâu có dễ gì, thưa cha!

Ông sùng sộ:

- Tại sao hả? Tại sao ta

không thể đuổi được hả?

- Thưa cha! Khi con đến ngôi nhà này “*quang minh chính đại*”, có sự đưa đón cả hai họ, có sự chứng giám của đức vua; vậy thì nếu con ra đi thì cũng phải “*quang minh chính đại*” như thế!

Ông Migāra cứng lưỡi, đờ người, quả thật chỉ một câu nói của cô, ông đã lúng túng, không đáp được!

Chợt cô cất giọng vừa dịu dàng vừa rắn rỏi:

- Có thể vấn đề được gói gọn lại, thưa cha! Khi về đây, cha của con đã gửi theo tám vị trưởng lão uy tín để đỡ đầu cho con, đã có nói với họ rằng: “*Về nhà chồng, nếu con gái tôi có phạm lỗi làm gì, xin các vị hãy quan sát, dò xét vấn đề cho cận kề!*.” Sao cha không đem vấn đề vừa rồi ra giữa hội đồng để cùng với họ đáp, vấn cho công bằng, xem thử con có lỗi hay không có lỗi?

Tám vị trưởng lão được triệu tập.

Cuộc thẩm án bắt đầu.

Việc thứ nhất, ông triệu phú thuật lại chuyện bữa ăn, vị sư khát thực và cô con dâu đã nói là món ăn “*siu nguội*” rồi kết luận:

- Thưa các vị! Nói thế là phạm thượng, là phỉ báng cha chồng, thật không thể dung thứ được.

Một vị trưởng lão nhú mày rồi hỏi cô:

- Có phải sự thật cô đã nói đúng nguyên văn như vậy không, Visākḥā?

-Thưa, đúng! Con đã nói như thế! Con có nói đến món ăn “*siu nguội*”, nhưng con nói theo “*pháp ngữ*” mà cha chồng của con lại hiểu theo “*thường ngữ*”!

Khi mọi người ai cũng thắc mắc, không hiểu, thì cô đã giảng giải cặn kẽ như sau:

- “*Thường ngữ*” là nói theo nghĩa thông thường của người đời, còn “*pháp ngữ*” là nói theo nghĩa nội dung của giáo pháp! Thưa cha, thưa các vị trưởng lão! Cô nói tiếp - Tất cả nhân thân, gia cảnh, tài sản, kể

cả thức ăn, vật uống mà chúng ta thọ dụng ngày hôm nay là “*quả báo*” do “*nhân*” đã tạo từ quá khứ. Và “*nhân*” mà chúng ta tạo tác, làm ra ngày hôm nay, kiếp này thì chúng ta sẽ thọ nhận “*quả báo*” ở tương lai! Vậy, tất thảy những thọ dụng, món ăn ngày hôm nay vốn nó “*đã cũ, do được nấu nướng, chiêm xào từ kiếp trước*”! Hôm ấy, cha chồng của con đang thọ thực, có một vị sư đang đứng trì bình trước sân nhà, dù thấy nhưng ông không cúng dường, nghĩa là không tạo tác, không “*nấu ăn món ăn mới*” cho kiếp sau; ông giả vờ không thấy, cúi xuống và tiếp tục thọ dụng “*món ăn cũ, món ăn đã được nấu từ ngày trước, kiếp trước*”. Vậy con bảo là cha con đang ăn món ăn “*siu nguội*” là nói theo “*pháp ngữ*” như thế thì con lỗi lầm ở chỗ nào, phỉ báng ở chỗ nào? Hay là con đã nói đúng với sự thật, với như chân như thật nhân quả ba đời? Con nói với thiện ý để cha chồng của con biết tạo nhân mới trong

kiếp này để kiếp sau được quả báo hạnh phúc, an lạc hơn! Như vậy, ngược lại, con đã không có tội mà lại là người có công mới phải chớ!

Hội đồng im lặng. Mấy vị trưởng lão tể nhị chỉ đưa mắt nhìn ông triệu phú không nói gì cả.

Hiểu ý ấy, nhưng khá lâu sau ông mới gật đầu:

- Thôi được rồi! Nếu quả thật với ý như vậy thì người không có tội. Ta đã hiểu lầm.

Rồi ông chợt bắt qua lỗi khác:

- Vậy có một đêm, cô là nữ nhân có gia giáo, sao lại thấp đuốc cùng nam và nữ ra vườn sau có việc gì? Chuyện ấy rất ám muội. Hãy giải thích đi!

- Thưa cha! Việc ấy cha hãy hỏi lại mấy người gia bộc cùng với con ra vườn sau làm gì, là việc ám muội hay là chính đáng!

- Không cần hỏi, cứ khai thật đi!

- Thưa cha! Số là có một con ngựa cái khó sinh, nó kêu

rồng quần quại. Con và mấy người hầu đã ra giúp nó sinh nở an lành.

Ông triệu phú không ngờ chuyện tưởng là bắt lỗi được, hóa ra càng lộ rõ cái chính đính và tâm từ ái của cô đối với súc vật.

Ông nín lặng một hồi rồi bắt sang lỗi khác nữa:

- Vậy trước khi về nhà chồng, cha cô có dạy cô *mười điều cái gì mà như tiếng lóng* ấy, trong đó câu nào cũng như là ám hiệu, ám ngữ, ám nghĩa; không rõ là với mục đích ám muội gì?

- Xin cha cứ nói?

- Ví dụ như câu: "*Lửa trong nhà không đem ra ngoài ngõ. Lửa ngoài ngõ không nên mang vào trong nhà*" là sao hả? Chẳng lẽ nào sống với mọi người mà không đem lửa cho hàng xóm láng giềng mỗi khi tối lửa tắt đèn?

Thế là cô Visākhā phải giải thích:

- Câu thứ nhất có nghĩa là, nếu trong gia đình nhà chồng

có chuyện gì, dù hay, dù dở, dù tốt, dù xấu cũng không nên đem ra nói chuyện với người bên ngoài. Nó chính là lửa đấy, nó sẽ tạo nên miệng tiếng không hay; nếu không gìn giữ, nó sẽ đốt cháy danh giá, đốt cháy sự thuận hòa, êm ấm trong gia đình. Là con gái có nét hạnh phải biết rõ như vậy.

Câu thứ hai cũng tương tự vậy. Chuyện nơi chợ búa, chuyện ngoài đường, chuyện hàng xóm, chuyện xấu, chuyện tốt, chuyện hay, chuyện dở của thế gian, chuyện người ta nói thế này về cha, về chồng thường do thiên vị vì tham, vì sân, vì ganh ghét, vì đố kỵ, vì ty hiềm, vì nịnh bợ, vì phù phiếm; chúng không bao giờ trung thực, không đáng tin. Vậy thì nghe đâu bỏ đó, đừng mang về kể lại trong nhà tạo nên xáo trộn, lời qua tiếng lại, không hay, không tốt! Nói tóm lại là đừng ngồi lê đôi mách, nghe ngóng ba cái chuyện linh tinh, lang tang, chẳng đâu vào đâu rồi mang về trong nhà kể

lại với người này, người khác! Là nữ nhân có gia giáo thì phải biết đấy là lửa, nó sẽ đốt cháy môi trường sống!

Ông triệu phú Migāra lại lặng người, nghĩ thâm trong bụng: “*Ôi! Họ dạy con cái tốt quá nhỉ?*” nhưng ngoài mặt thì giấu cảm xúc, hỏi tiếp:

- Thế còn, cái quái gì là “*chỉ cho đến những ai có khả năng hoàn trả; không cho đến những người không có khả năng hoàn trả*”?

Cô Visākhā lại phải giải thích cặn kẽ:

- Câu thứ ba, thứ tư là: Tài sản, vật dụng hoặc tiền bạc trong nhà phải cẩn thận gìn giữ. Nếu cho ai, cho hàng xóm hoặc người thân mượn cái gì, vật gì thì phải biết ngắm xem người ấy, kẻ ấy có khả năng hoàn trả lại không? Hay họ sẽ mượn mà không trả? Tiền bạc cũng vậy, nếu cho ai vay thì phải xem xét gia đình ấy, người ấy, với nghề nghiệp như vậy, kinh doanh làm ăn như vậy thì họ sẽ có sức trả lại lúc đến

hạn... Còn ngược lại, nếu thấy người ta không có khả năng thì không nên cho vay, cho mượn!

Ông triệu phú gật đầu:

- Vậy thì hiểu rồi. Nhưng câu thứ năm: *Cho đến những người có thể hoàn trả hoặc những người không thể hoàn trả? Sau chỗ này thì “cho đi hết” là sao?*

- Đây là trường hợp cho đến những thân bằng quyến thuộc hoặc những người đói nghèo, cơ cực! Ví dụ những bà con bên cha, bên chú, bên mẹ, bên dì... của chồng con gặp lúc hoàn cảnh khó khăn, nếu họ có mượn cái gì, vay cái gì đều nên cho họ vay, họ mượn. Nếu họ có trả lại, hoàn lại cũng tốt; nếu họ không có khả năng hoặc họ không trả lại, cũng thôi! Đối với những người đói nghèo, cơ cực cũng tương tự vậy. Nếu họ có vay, mượn mà không hoàn lại, trả lại thì nên xem như là mình đã san sẻ, giúp đỡ cho họ vậy! Làm như vậy hóa ra là mình thực hiện được một phước sự, một việc tốt đẹp, thừa cha!

Ông triệu phú lại nín lặng, rồi ông hỏi tiếp:

- Vậy chớ *“ngồi một cách an vui, ăn một cách an vui, ngủ một cách an vui”* là thế nào? Con dâu ở nhà chồng mà chỉ tính chuyện an vui cho mình thôi sao? Vậy có hợp đạo lý không?

- Thừa cha! Phải nói là ngược lại. *“Ngồi một cách an vui”* có nghĩa là khi ngồi là phải biết ngồi chỗ nào cho phải lẽ, cho hợp lẽ. Phải biết tránh chỗ ngồi của cha, của mẹ. Nếu cha mẹ có đi ngang qua thì phải đứng dậy, cúi đầu chào. *“Ăn một cách an vui”* là trước bữa ăn phải xem thức ăn đã dọn đầy đủ cho cha cho mẹ và cho chồng hay chưa? Phải còn coi xem kẻ ăn người ở trong nhà có được bữa ăn chu đáo không? Và chính mình là người ăn sau cùng, ấy mới gọi con dâu thảo! *“Ngủ một cách an vui”* là trước khi ngủ phải quan sát, kiểm soát mọi việc trong nhà, đóng cửa, cài then cẩn thận; xem kẻ ăn người có sai sót việc

gi, xem họ có hoàn thành công việc được giao trong ngày hay không? Thấy đâu đó ổn thỏa rồi mới đi ngủ sau cùng! Đây là ý nghĩa ba câu gia huấn sáu, bảy, tám mà cha con đã dạy và con luôn tâm niệm trong lòng và cũng đã làm được như vậy từ trước đến nay, xin cha minh chứng cho con điều ấy.

- Vâng! Ông triệu phú gật đầu - Đúng là cô đã làm được như thế và làm rất chu đáo là khác nữa. Thế còn hai câu cuối: *“Hằng chăm nom ngọn lửa, coi chừng lửa; tôn trọng và kính lễ những vị trời trong nhà”* là thế nào?

- Đây là phải xem cha mẹ chồng và chồng như lửa, có thể đốt cháy mình. Lửa đây ý nói là phải rất thận trọng, rất cẩn trọng lúc ăn nói, lúc đi đứng, lúc giao tiếp đừng để xảy ra bất kỳ một sơ suất, một khiếm khuyết nào. Một chút bất cẩn, vô tâm hay vô ý đụng chạm đến cha mẹ hoặc chồng là mình sẽ bị cháy đấy! Vậy hãy chăm nom và coi chừng ngọn lửa

ấy, thưa cha! Và cuối cùng, là phải xem cha mẹ và chồng như những vị trời ở trong nhà; tôn kính và thờ phụng các vị trời ấy như thế nào thì tôn kính, thờ phụng cha mẹ và chồng cũng y như thế ấy!

Cô Visākha giảng giải rành rẽ đâu đó mười điều gia huấn xong, ông triệu phú lặng người. Hóa ra cái ý nghĩa nó thâm sâu đến vậy, là kinh nghiệm, sáng suốt khôn ngoan ngàn đời để lại. Tất thấy đó đều là những lời dạy minh triết, đáng làm châm ngôn nạm ngọc thếp vàng cho những nàng dâu đầy đủ công, dung, ngôn, hạnh trước khi về nhà chồng!

Ông triệu phú Migāra cúi đầu, tự nghĩ: *“Thế thì mình đã hiểu làm một cách trầm trọng rồi”* bèn nói:

- Nếu sự thật là vậy thì cha thành thật xin lỗi con!

Biết ông nói câu ấy là lời nói thật tận đáy lòng, nhưng cô Visākha vốn là người biết tự trọng nên cô đáp:

- Muộn rồi, thưa cha! Sau

khi con đã chứng minh rõ ràng là con không có lỗi, vậy là đủ rồi! Nhưng việc cha đuổi con quả thật đã xâm phạm đến đức hạnh của con. Đây là chưa nói đến áp lực bên sau của mấy ông lão lờ đạo sĩ đã sỉ nhục con là “con quý cái”! Con phải cuốn gói để trở về nhà cha mẹ con bây giờ thôi!

Và cô vào nhà trong thu xếp tư trang, tư dụng với thái độ rất quả quyết. Thế là đến lượt ông triệu phú năn nỉ, chồng cô năn nỉ rồi cả đại gia đình năn nỉ, cô vẫn nhất định không chuyển ý. Tuy nhiên, khi cô chào mọi người, vừa bước ra đến cửa thì công tử tiểu chủ Puṇṇakavaddhana buồn buồn đưa mắt nhìn cha! Ông triệu phú Migāra thương con, chạnh lòng đành phải mở miệng xin lỗi cô con dâu một lượt nữa.

Trong lúc tưởng là tạm yên, ai ngờ các vị Ni-kiền-tử tìm đến, lại thúc hối ông triệu phú tức khắc đuổi “cô con gái ma quỷ, đệ tử của ông Cù Đàm” ra khỏi nhà! Đầu óc triệu phú

Migāra vô cùng tăm tối, ông bị căng thẳng, bối rối không biết lựa chọn thế nào: Một bên là những “bậc thầy A-la-hán khả kính, những con người đã giải thoát tất cả mọi dục ái, mọi hình thức che đậy của thế gian”; một bên là việc quán xuyên trong ngoài, sự thuận hòa, êm ấm của gia đình, chăm sóc tốt công việc với kẻ ăn người ở mà chỉ có cô con dâu tuyệt vời này mới có khả năng làm được việc đó! Tuy nhiên, sau khi suy nghĩ thấu đáo, lòng ông đã nghiêng nặng bên phía gia đình, cho gọi cô lại và ông đã mở lời xin lỗi lần thứ ba.

Cô Visākā có “thế trí” sắc bén và thâm sâu, vì là một cận sự nữ của đức Phật, một Thánh đệ tử, có giận thì cái giận ấy cũng không lâu, lòng cô vốn bao dung quảng đại, cốt là để dạy cho đại gia đình này một bài học. Thứ nữa, cô còn có dụng tâm kín đáo, riêng bậc trí không ai tiên lường được; nên khi ông triệu phú xin lỗi lần thứ ba, cô biết “già néo quá thì đứt

dây” nên lễ độ nói rằng:

- Thật con không còn dám phiền trách cha điều gì nữa khi cha đã hạ mình xin lỗi con! Nếu con cứng đầu, ngang ngạnh nữa thì tỏ ra cố chấp và bất hiếu! Vậy nếu con bằng lòng ở lại thì con chỉ xin cha chấp thuận cho con một điều.

- Con cứ nói!

- Xin cha cho con được tự do sinh hoạt theo truyền thống tín ngưỡng của con.

- Ta đồng ý!

Cô Visākhā nói tiếp:

- Và con có quyền thỉnh mời đức Phật và Tăng chúng về tư gia để đặt bát cúng dường!

Ông cũng gật đầu:

- Được! Nhưng mà chính con và gia nhân đón tiếp, còn ta thì không nghinh rước ai hết!

- Con cũng đồng ý như thế! Và chi phí buổi cúng dường này con không dám đụng đến gia sản của cha mẹ và của chồng con!

- Thôi được rồi!

Câu chuyện đến ngang đây là sau mùa an cư hạ thứ mười

bốn của đức Phật ở Kỳ Viên tịnh xá. Ai cũng chưa hiểu lý do, là tại sao đức Phật cứ ở nán lại mãi, hết hạ, qua thu, sang đông rồi mà đức Phật vẫn chưa rời chân đi nơi khác. Hóa ra là ngài đang chờ đợi, chờ đợi sự xuất hiện một nữ đại thí chủ khác, sau ông Cấp Cô Độc, và nếu không có đủ hai vị đại hộ pháp này thì giáo pháp đâu có được toàn mãn?!

Đức Phật biết chuyện gì xảy ra tại ngôi nhà của cô con dâu Visākhā, cả nhân, cả quả, cả duyên, cả báo của nó sau này nữa, nên khi cô Visākhā thỉnh mời, ngài im lặng nhận lời.

Buổi đặt bát cúng dường đức Phật và năm trăm vị tỳ-khuru tại nhà ông triệu phú Migāra diễn ra vô cùng “hoành tráng” và trọng thể. Cô Visākhā muốn cho bên nhà chồng thấy hảo tướng quang sắc tôn nghiêm của đức Phật và chư Tăng với tóc râu sạch sẽ, y bát trang nghiêm, thanh tịnh đáng cho thế gian cung kính, lễ bái, thật khác xa với hình ảnh lòa lổ,



kệch cỡm, thô tục của thầy trò Ni-kiền-tử.

Và rồi, hiệu quả đúng như cô mong đợi. Chư Tăng hàng lớp đều đặn, chậm rãi bước qua sân thọ nhận vật thực một cách từ tốn, lặng lẽ không một tiếng động. Mấy trăm gia nhân, thị nữ đã được cô chủ hướng dẫn chu đáo nên họ bước lui, bước tới, đặt bát cúng dường, lễ lạy đều biết giữ nền nếp, phong cách.

Đức Phật mỉm cười hài lòng.

Thời pháp hôm đó, cốt ý là cho cô Visākḥā và cả gia đình ngoại đạo này, nên đức Phật kể nhiều câu chuyện nói về tà, về chánh, về cái gì là thuận hợp thế gian, cái gì là không thuận hợp thế gian; người có con mắt nhiều bụi, ít bụi và không lắm bụi là như thế nào. Tiếp theo, đức Phật giảng thêm pháp thuận thứ, trình bày những khổ cảnh, nhân và quả của khổ cảnh; cõi người, cõi trời, nhân và quả của nó. Như giữa chỗ tối tăm, hôn ám, đức Phật treo lên đấy một ngọn đèn, một vàng trắng! Lối

đến, lối đi đều sáng rõ, thường chỉ để dành cho người có trí...

Lúc đức Phật giảng pháp, vì tò mò hơn là tọc mạch, ông triệu phú ngồi sau bức rèm lên nghe trộm xem thử cái ông Cù Đàm kia giảng pháp ra làm sao? Ông không biết nhưng đức Phật biết! Bài pháp không chỉ hướng đến Visākḥā mà còn cả cho ông nữa! Ông còn cảm nhận được làn khí mát mẻ, dễ chịu bao phủ cả thân tâm mình mà không biết tại sao! Bài pháp chấm dứt thì ông đắc quả Tu-đà-hoàn với sự hân hoan, phi lạc chưa từng có.

Để bày tỏ lòng tri ân vô hạn đối với đức Phật và đối với cả cô dâu Visākḥā, triệu phú Migāra đã làm một lúc mấy công việc kỳ thú và rất ấn tượng. Thứ nhất, ông vạch màn bước ra, nằm bẹp xuống và ôm hôn chân bụi của đức Đạo Sư với dòng nước mắt tuôn trào, sụt sùi, lặng lẽ... Sau đó, ông quỳ xuống vái lạy cô con dâu; và lấp bắp rồi nói rất cảm động rằng, cô chính là “*bà mẹ*” của ông, đã sinh ra

ông, đã tạo duyên, mở mắt cho ông thấy được giáo pháp bất tử. Từ đây, ông xem Visākhā như bà mẹ thứ hai của mình và đã đối xử, kính trọng cô cũng y như thế, nên mọi người thường gọi cô là Migāramātā (*mẹ của Migāra*)<sup>(13)</sup>. Việc thứ hai là ông đã vung rộng tay, bỏ ra kim ngân châu báu và hằng trăm ngàn đồng tiền vàng, bảo công tử Puṇṇakavaddhana thuê thợ giỏi làm cho cô dâu một chiếc áo quý giá cùng những món đồ trang sức khác, được gọi là Ghanamaṭṭhaka<sup>(14)</sup>. Và vào một ngày đẹp trời, triệu phú Migāra còn tổ chức một lễ hội đặc biệt, đại công tử Puṇṇakavaddhana với khuôn mặt rạng rỡ, hân hoan cầm tay dẫn cô Visākhā bước ra sau khi được tắm trong mười sáu bồn nước hoa khác nhau<sup>(15)</sup>, ra mắt quan khách, chào mọi người trong bộ đồ trang sức, trang điểm Ghanamaṭṭhaka quý giá ấy, như là tạo vinh dự lớn lao cho cô đối với họ hàng, thân tộc, đối với tai mắt bằng hữu trong kinh đô.

Chuyện kể cũng có nói là hôm sau, cô Visākhā triệu thỉnh đức Phật và Tăng chúng để đặt bát, cúng dường nữa. Lần này thì sau khi nghe pháp, bà mẹ chồng đắc pháp nhãn.

Và như vậy là do nhờ có trí tuệ, thông minh, khôn khéo, có tâm từ, biết nhẫn xả, cô Visākhā đã dần dần cảm hóa tất cả mọi người trong gia đình tà kiến này, biến họ thành những đệ tử thuần thành của giáo hội đức Đạo Sư; và cả đại gia đình đều được sống trong an vui, hạnh phúc.

Nữ cư sĩ Visākhā, sau khi sinh một cậu con trai, ông đại triệu phú lấy tên của mình là Migāra đặt tên cho cháu, như ông đã tự nhận là con của cô con dâu, sau khi ông được sinh ra trong giáo pháp. Nhân dịp này bà trình xin đức Phật được mời thỉnh chư Tăng đặt bát tại tư gia mỗi ngày năm trăm vị, cả cha chồng và chồng đều hoan hỷ.

Ngoài ra, bà còn xin được thực hiện tám thiện sự hy hữu:

- *Dâng y đến chư Tăng an cư tại Kỳ Viên cho đến trọn đời.*

- *Đặt bát cho chư tỳ-khưu từ phương xa đến Sāvatti.*

- *Đặt bát cho chư tỳ-khưu rời Sāvatti.*

- *Dâng vật thực đến những vị sư đau ốm không đi khát thực được.*

- *Dâng vật thực đến những vị sư chăm sóc các vị sư đau ốm.*

- *Dâng thuốc men cho chư tỳ-khưu bị bệnh.*

- *Dâng lúa mạch đến cho tỳ-khưu Tăng Ni.*

- *Dâng y tắm đến cho chư tỳ-khưu Ni.*

Được đức Phật chấp thuận, từ đó, bà và cả gia đình chồng dường như dành hết thời gian để phục vụ Tam Bảo. Vào mỗi buổi chiều, bà cho mười gia nhân thân tín đến tịnh xá Kỳ Viên, hỏi thăm bao nhiêu Tăng khách đến, bao nhiêu Tăng khách đi, bao nhiêu người bị bệnh, bao nhiêu vị chăm sóc bệnh để kịp thời cúng dường vật thực, thuốc men đầy đủ...

Có một việc trọng đại và cũng là một sự kiện đặc biệt hy hữu trong bốn phạm “*hộ pháp*” của vị Thánh nữ này, đấy là việc kiến tạo ngôi tịnh xá Pubbārāma (*Đông Phương*) huy hoàng và tráng lệ để dâng cúng đức Phật và đại chúng tỳ-khưu.

Chuyện kể rằng, một hôm nọ, khi chuẩn bị đi nghe pháp tại tịnh xá Kỳ Viên, cô muốn mình ăn vận thật đẹp nên đã khoác bên ngoài chiếc áo ngày cưới mà ông thân của cô đã thuê mấy trăm thợ thầy kim hoàn ra tay thiện xảo trong bốn tháng ròng. Bộ áo khoác cùng với châu báu trang sức này có tên là Mahālatāpasādhana như ta biết ở trên, là cả một đồng kim ngân! Dĩ nhiên, lúc này cô còn rất trẻ, và con gái ai mà không thích chung diện xiêm áo cùng trang sức cao sang, lộng lẫy?

Khi cô Visākā và thị nữ mới bước đến cổng tịnh xá thì không ai là không liếc trông cô gái có phục sức như tiên nữ nhà trời! Nó như là cả một

quàng châu báu rực rỡ di động. Đưa mắt nhìn những ngôi liêu thất thấp thoáng trong rừng cây và nhiều vị tỳ-khưu đang nhàn nhã, thanh bình lui tới, cô Visākha cảm giác có cái gì đó không ổn. Cô ngoảnh nhìn lại bộ áo khoác của mình và trực thức thấy rõ là nó chẳng thích hợp chút nào trong khung cảnh dị giản và yên tĩnh của tịnh xá. Nép vào một lùm cây rậm, cô Visākha vội cởi chiếc bào trân quý giao cho thị nữ, còn mình trở lại “*diện mạo*” của bộ xiêm bình thường như khi đang sinh hoạt tại tư gia. Nhìn lại mình một lượt nữa, cô tự mỉm cười và tự chế nhạo:

*“- Con gái hư! Cái sở thích trang điểm, chưng diện nó đã ăn sâu ngũ kỹ trong dòng nghiệp, đã trở thành thói quen bền lâu như cổ tật không chừa! Ai đời, đến đây rồi mới thấy là mình quá vô duyên!”*

Thời pháp hôm ấy do đức Thế Tôn thuyết giảng. Đề tài nói đến sự “*ái luyến tự ngã*”, tức là ái luyến bản thân sẽ đưa

đến những nguy hại vô lường. Biểu hiện thô tháo của ái luyến tự ngã là thích ăn ngon, mặc đẹp, thích trau chuốt, điểm trang, thích nằm giường êm, gối mịn, thích đánh phấn, thoa son... Biểu hiện vi tế của ái luyến tự ngã là thích tên tuổi mình được vang dội, thích địa vị mình được trên trước, thích quyền lực của mình được bao trùm thiên hạ, thích ý tưởng, quan điểm của mình được người khác chấp nhận, thích chủ thuyết, triết lý của mình được mọi người thực hành. Tất cả đây nó xoay quanh bản ngã, thể hiện bản ngã, phóng đại bản ngã. Hệ quả tất yếu của nó là tham lam, dục vọng tăng trưởng; sân hận, hung dữ tăng trưởng; si mê, u tối tăng trưởng; chúng sẽ kéo theo không biết bao nhiêu là sầu bi, ưu não cho mình và cho cuộc đời... Tuy nhiên, cái bản ngã ấy, trên lộ trình tu tập nó sẽ bị tước dần dần đi, đến quả vị A-la-hán nó mới cắt đứt trọn vẹn cái “*ngã mạn*” và cái “*vô minh*” ấy! Vì vậy,

ngay từ bây giờ, hai hàng cư sĩ phải thấy rõ sự nguy hại của nó để lia xa từng chút một; sự lia xa ấy giúp ta bỏ bớt những nhỏ mọn, những ích kỷ, những mưu toan thủ lợi, những đặc quyền riêng tư để quan tâm chút ít đến người khác, đến chúng sanh, đến xã hội trong tương quan hoàn cảnh. Riêng tỳ-khuru Tăng Ni khi học được bài học này sẽ tìm được đời sống phạm hạnh yên ổn, thanh bình; không còn chạy theo tứ sự lợi dưỡng, sẽ an vui trong giáo pháp trung đạo của Như Lai.

Chấm dứt thời pháp mà cô Visākhā còn rùng mình, lạnh gáy. Đức Phật biết hết rồi. Do ngài biết hết rồi nên ngài đã thuyết cho nàng nghe đó!

Ra ngoài cổng tịnh xá một đổi đường đã khá xa, cô thị nữ chợt hốt hoảng la lên:

- Chết rồi! Thưa cô chủ! Cái áo khoác Mahālatāpasādhana, cái đồng kim ngân của cô chủ, con đã bỏ quên trong đại giảng đường rồi!

Đầu óc, tâm trí của Visākhā

lúc ấy vẫn đang còn chìm trong tư duy về ý nghĩa của bài pháp nên cô rất bình tĩnh, chậm rãi nói:

- Không sao đâu con! Hãy đi vào xem lại chớ có sao đâu! Đừng lo! Đừng sợ hãi gì cả! Nó là vật ngoại thân thôi mà!

Cô thị nữ an tâm. Khi cô mới bước đi được năm bảy bước, cô Visākhā gọi giật lại:

- Mà này con! Khi vào giảng đường, có thể có hai trường hợp xảy ra. Nếu chiếc áo ấy chưa ai cầm nắm thì con cứ tự nhiên xin phép mang về. Nếu chiếc áo ấy đã có vị tỳ-khuru nào sờ đụng rồi thì con không được lấy, mà ra đây trình lại cho ta. Nghe rõ không? Ta ngồi đợi ở đây!

Lát sau, cô thị nữ “*tay không*” trở ra, thưa lại rằng:

- Tôn giả Ānanda cùng chư sa-di sau khi đi thu dọn đây đó, thấy cái áo quý, ngài đã tự tay đem cất kỹ vào kho rồi. Ngài bảo, ai để quên, họ sẽ tới lấy sau!

Chợt, cô Visākhā mỉm nụ cười nhẹ:

- Ủ, vậy là tốt! Thôi về con!  
Cô thị nữ không hiểu được  
“ý nghĩa” nụ cười ấy!

Chiều hôm sau, sau khi nghe pháp, cô Visākhā nán lại thưa trình với đức Phật một chuyện. Cô kể lại cho đức Phật nghe sự kiện bỏ quên cái áo khoác ngày hôm qua. Và cái áo khoác ấy, tôn giả Ānanda đã sờ đụng rồi, được coi như Tăng đã thọ nhận rồi. Bây giờ cô chính là thí chủ khởi tâm cúng dường, nói lời thưa bạch cúng dường, và nghiêng thân năm vóc sát đất cúng dường. Vậy xin đức Tôn Sư hoan hỷ thọ nhận cho đệ tử được an lạc và hạnh phúc lâu dài.

Đức Phật mỉm cười:

- Như Lai đã thọ nhận đầy đủ thân, khẩu, ý cúng dường rồi đó!

Cô Visākhā vui mừng thưa tiếp:

- Cái áo ấy, bây giờ là tài sản của Tam Bảo đúng pháp và luật rồi! Nó có thể bán đi để kiến tạo một ngôi tịnh xá kang trang, cúng dường đến đức Tôn

Sư và thập phương Tăng có chỗ tĩnh cư để giáo hóa chúng sanh.

Đức Phật rõ biết giá trị của cái áo Mahālatāpasādhana ấy nên ngài nói:

- Như Lai tùy hỷ hảo sự ấy!  
Vậy con cứ tùy nghi!

Thế rồi, cô Visākhā đã cùng với mấy thị nữ đi khắp kinh thành, đến tất cả các tiệm kim hoàn hữu danh để đàm bán chiếc áo châu báu. Chủ tiệm nào cũng “*kinh hoàng*” về giá trị của nó, ai cũng muốn mua nhưng không có đủ tiền vàng để chi trả. Hai ba tiệm hợp lại cũng không đủ sức mua.

Cô Visākhā nói:

- Giá thị trường hiện tại, nó là bao nhiêu?

Ông chủ tiệm già, sẫm soi từng món, tính đếm từng món một. Nghĩa là bao nhiêu viên kim cương, bao nhiêu viên trân châu, bao nhiêu viên san hô, bao nhiêu viên ngọc quý, bao nhiêu vàng, bao nhiêu bạc... rồi thở dài nói:

- Thật ra thì nó vô giá. Không tính lượ kasī thượng

hạng, không tính sợi chỉ vàng chỉ bạc, không tính công phu nghệ thuật tinh xảo, chỉ tính châu báu thô thì giá trị của nó đã lên đến mười triệu chín trăm ngàn đồng tiền vàng<sup>(16)</sup> rồi!

Cô Visākhā cảm ơn người chủ tiệm có lòng. Không ai mua nổi thì chính cô sẽ mua lại chiếc áo ấy để kiến tạo tịnh xá.

Đến ngày, cô xin đức Phật chỉ địa điểm xây dựng, ngài nói nên tìm kiếm mặt bằng trong các khu rừng về hướng Đông kinh thành Sāvattthi, vì đây có không gian rộng, lại thuận tiện cho chư Tăng từ hướng Nam, Đông Nam lui tới.

Vui mừng khôn xiết, cô Visākhā lạy tạ đức Phật rồi trở về chăm lo công việc thiêng liêng của mình.

Trong khi tìm kiếm đất đai và bắt đầu thiết kế, xây dựng thì đức Phật đã du phương hành hóa, do sự thỉnh mời, nhờ cậy của cô Visākhā nên tôn giả Moggallāna đứng ra giám sát công trình cùng với năm trăm vị tỳ-khưu giúp sức. Thế mà

vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu công việc, đôi khi tôn giả phải sử dụng thần thông để xử lý những công đoạn phức tạp. Trải qua chín tháng ròng rã, công trình mới xong, vừa kịp an cư mùa mưa mà cô Visākhā dự định khánh thành để dâng cúng lên đức Phật và chư Tăng. Công trình vĩ đại quá. Nó là cả một tòa lâu đài gồm hai tầng rất cao và dài đến mút mắt, mỗi tầng có năm trăm phòng với mọi tiện nghi đầy đủ. Cấu trúc vòm mái rất đặc biệt, nó nổi vọt lên những tháp nhọn bằng vàng rực rỡ, lại còn thiết kế sáu mươi vòi nước chảy xuống sáu mươi chậu gốm sứ ở nơi thích hợp để sử dụng<sup>(17)</sup>.

Buổi lễ khánh thành được tổ chức cũng thật trang nghiêm và hoành tráng. Đại diện chư Tăng, đức Phật thọ nhận khi đại gia đình cô Visākhā dùng bình vàng đổ nước lên tay ngài.

Sau khi đọc lời phúc chúc, đức Phật mỉm cười nói:

- Tịnh xá Kỳ Viên là do trưởng giả Cấp Cô Độc và

hoàng tử Kỳ Đà làm đại thí chủ, có con trai thứ nhất của Như Lai là Sāriputta chăm sóc công trình. Tòa lâu đài vĩ đại này là do Visākhā, mẹ của Migāra đại thí chủ, lại có con trai thứ hai của Như Lai là Moggallāna giám sát, cả thần thông và cả năm trăm tỷ-khuru giúp sức nữa. Nếu đặt tên cho đầy đủ thì trước phải gọi là “*Kỳ thọ, Cấp Cô Độc viên*”, và sau phải đặt tên là “*Lâu đài của mẹ Migāra*” (*Migāramātupāsāda*) hoặc “*Đông phương Lộc mẫu tu viện*” (*Migāramātā-pubbārāma*).

Cô Visākhā cũng mỉm cười, lòng hân hoan không kể xiết.

Vị đại trưởng lão Thánh Ni Gotamī an nghỉ Niết-bàn năm bà một trăm hai mươi tuổi. Vị Thánh nữ Visākhā xả bỏ báo thân, hóa sanh lên cung trời Tusita (*Đầu Suất*) cũng một trăm hai mươi tuổi. Họ đứng là những nữ nhân xuất chúng, kiệt kiệt còn lưu trong sử vàng, bia đá với những câu chữ còn rắn hơn kim cương, còn đỏ hơn

châu sa và mãi tồn tại với thời gian. Và nhân cách của họ, cái tâm, cái trí của họ, và công đức vô lượng của họ chỉ có biển ngàn mới nói hết, cây rừng mới nói hết.

Một vị đứng đầu Ni giới, quyết tâm xuất gia, chấp nhận mọi khó khăn nghịch cảnh và cả dư luận xã hội, cuối cùng đức Phật phải “*nhượng bộ*”, mặc dầu ngài biết là thời gian tồn tại của giáo pháp, do thế, chỉ còn một nửa. Rồi từ đó, bà được đức Phật cho phép dẫn dắt Ni chúng, mở cánh cửa người, cửa trời và cả cánh cửa Niết-bàn cho nữ nhân thế gian luôn luôn thiệt thòi, luôn luôn bị đối xử bất bình đẳng, luôn luôn là chiếc bóng nô lệ trong những xã hội trọng nam, khinh nữ. Trưởng lão Thánh Ni Gotamī quả là một bà mẹ vĩ đại. Sau này, nơi nào có Ni chúng thì nơi ấy có tịnh xá Gotamī hoặc Ni viện Kiều Đàm Di như là biểu tỏ một sự hàm ân cao cả của hậu thế vậy.

Một vị đứng đầu cận sự nữ,



là một đại thí chủ, chỉ biết sử dụng tiền bạc, công sức và tâm huyết cho một mục đích duy nhất là hộ trì giáo pháp, đức Phật và hội chúng Tăng Ni. Nói về tâm thì vị thánh nữ này có từ, có nhãn, có xả, quan tâm chu đáo mọi việc trong ngoài đại gia đình, bốn phận với cha mẹ chồng, với chồng và con cái một cách đúng đắn và nghiêm túc; chăm lo cúng dường tứ sự đầy đủ cho tỳ-khuru Tăng Ni chưa bao giờ mệt mỏi. Nói về trí thì bà tuy mới Nhập Lưu nhưng trí tuệ xử lý mọi việc đâu ra đó, đôi khi góp ý dự bàn một số vấn đề học giới phát sanh trong Ni chúng; lại còn là người hòa giải những mối bất đồng giữa chư vị tỳ-khuru-ni.

Và đặc biệt, bát quan trai giới mà ngày nay cả thế giới đang nghiêm túc thọ trì, Bắc hay Nam phái, khởi nguyên đã được đức Tôn Sư giảng nói với những chi tiết đầy đủ cho vị cận sự nữ thuần thành này.

Trong nhiều khoảng thời gian khác nhau, Thánh nữ

Visākhā được nghe những bài pháp đức Phật đã thuyết cho riêng bà. Ta có thể đúc kết một vài điểm tiêu biểu:

Một, người nữ khi lập gia thất thì phải cần có những đức tính như thế nào, phải biết đối xử với chồng ra sao hầu đem lại hạnh phúc cho gia đình?

Đức Phật đã căn kẽ giảng nói như sau:

- *Phải siêng năng mọi việc trong ngoài.*

- *Phải luôn luôn dịu dàng, mềm mỏng.*

- *Không được bất cần, vô ý.*

- *Đừng làm việc gì trái nghịch, thiếu lễ nghi gia giáo.*

- *Phải biết tôn trọng, quý kính những người mà chồng hằng tôn trọng, quý kính.*

- *Khéo léo, lanh lẹ, biết thức khuya dậy sớm.*

- *Tận tâm săn sóc sức khỏe, cái ăn cái uống cho chu đáo.*

- *Quan tâm, chia sẻ khi chồng làm việc cực nhọc, vất vả.*

- *Bất cứ hoàn cảnh nào cũng lấy nhã nhặn, nhu hòa làm thái*

*độ khu xử.*

- *Nếu chồng có những ước mơ thanh cao, những nguyện vọng chơn chánh thì phải giúp cho chồng được như sở ý.*

- *Trí phải sáng suốt, khôn ngoan.*

- *Tâm phải bao dung, rộng lượng<sup>(18)</sup>.*

Thực hiện được mười hai điều ấy thì gia đình luôn được hạnh phúc, an vui; đồng thời là nhân tố tốt lành để hóa sanh vào cảnh giới của những vị trời khả ái, dễ mến...

*Hai, tóm tắt hơn, nhưng kết quả cũng giống nhau, là người nữ, phải tự thành tựu cho mình tám đức tánh sau đây:*

- *Có khả năng làm những việc có ích cho bản thân và gia đình.*

- *Biết quán xuyên, điều khiển gia nhân, kẻ ăn người ở hoàn thành công việc trong ngoài, sau trước.*

- *Biết cách đối xử để chồng và nhà chồng quý mến và kính trọng.*

- *Biết giữ gìn của cải, tài sản*

*và biết làm tăng vượng của cải, tài sản.*

- *Có đức tin chơn chánh và chắc thật (tín).*

- *Có nét hạnh, đức hạnh, giới hạnh (giới).*

- *Tâm bao dung, quảng đại, rộng lượng (thí)*

- *Sáng suốt, trí tuệ (tuệ)<sup>(19)</sup>.*

Nhờ học được sự giáo dục tốt đẹp từ một gia tộc hiền trí, và sau này là nhờ vào những tư tưởng minh triết của đức Thế Tôn nên bà Visākha đã áp dụng, thực hành có hiệu quả suốt cuộc đời mình, đem lại không biết bao nhiêu là hạnh phúc an lành cho mình, cho gia đình, cho cả họ hàng quyến thuộc và cả cho bằng hữu, thôn lân nữa.

Riêng về giáo hội của đức Đạo Sư, thật không ngạc nhiên gì, khi bà được xem như người nữ có công đức vượt trội nhất trong nhiều lãnh vực.

Do phẩm hạnh đoan nghiêm, cao nhã; cốt cách ưu tú, thanh tao; khu xử tế nhị, khéo léo; ngôn ngữ khiêm cung, hòa ái; biết tôn trọng, cung kính Tam

Bảo; lòng quảng đại, bao dung; tánh tình chân thật, trung hậu; thái độ lịch thiệp, hiếu khách; lòng từ ái, dịu dàng và tâm đạo nhiệt thành của bà nên dường như bà được lòng tất cả mọi người, thân hay sơ, già hay trẻ, nam hay nữ; và chưa thấy bóng dáng của đố kỵ, ganh ghét, ty hiềm.

Quả thật là một vu vật cổ kim hy hữu.

Kinh sách và chú giải đó đây có ghi lại những chi tiết thú vị rằng, bà được diễm phúc làm mẹ của mười người con trai và mười người con gái, tất cả đều dễ thương và hiếu thảo. Từ số con trai, con gái này, bà lại có được bốn trăm đứa cháu nội ngoại. Từ bốn trăm cháu nội ngoại, bà lại có thêm tám ngàn “chất” gọi bà bằng cố nội, cố ngoại... như câu kệ sau đây:

“- *Visākhā, hai mươi con Cháu, bốn trăm tính tròn Diễm-phù không yên ngủ Tám ngàn chất tí hon!*”<sup>(20)</sup>

Bản thân Visākhā là một người đại phú quý thường

mang lại nhiều điềm lành, vì thế người dân của thành Sāvatti luôn thỉnh mời bà đến nhà họ trong những ngày lễ hội hoặc những ngày hiếu hỷ gì đó trong gia đình<sup>(21)</sup>.

Bà Visākhā đã hộ độ đặt bát cúng dường cho năm trăm vị tỳ-khưu mỗi ngày tại tư gia<sup>(22)</sup>. Vào mỗi buổi chiều, cô thường đến thăm đức Phật và sau đó lắng nghe ngài thuyết pháp. Thỉnh thoảng cô cùng với thị nữ Suppiyā đi dạo quanh tịnh xá một vòng để quan sát, xem thử chư Tăng (*sau này thêm cả Ni*) có thiếu thốn gì về tứ sự để kịp thời bố thí cúng dường. Với việc xây dựng xong lâu đài Migāramātipāsāda thế là nguyện vọng của Visākhā đã hoàn thành viên mãn và được biết rằng khi tịnh xá được xây cất xong; sau lễ hội khánh thành, lúc màn đêm buông xuống bà đã đi vòng quanh lâu đài cùng với thị nữ<sup>(23)</sup>, và năm bài kệ được bà ngâm lên trong niềm hoan hỷ, với ý nói rằng: “*Những lời mà tôi đã phát*

*nguyện trong quá khứ giờ đây đã được hoàn toàn viên mãn rồi!”.*

Các vị tỳ-khuru đã nghe bà ta ngâm và đã trình với đức Phật; nhân đó ngài đã kể lại một số tiền kiếp của cô như trong thời kỳ đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara, Visākhā là bạn với những người nữ ân nhân chính của đức Phật. Trong thời kỳ đức Chánh Đẳng Giác Kassapa, cô tên là Saṅghadāsī, là con gái út trong bảy cô công chúa của vua Kikī, một thời gian sau cô đã đặt bát cúng dường và làm các phước thiện lớn lao khác cùng với các cô công chúa, tức là sáu người chị của mình<sup>(24)</sup>.

Chiếu theo quyền Vihāravimānavatthu<sup>(25)</sup>, Visākhā sau khi lâm chung kiếp này, bà hóa sanh vào cung trời Hóa Lạc thiên (*Nimmānaratidevā*) và như là thiên hậu của đức vua Sunimmita. Nhưng luận sư Buddhaghosa thì nói rằng<sup>(26)</sup> bà Visākhā hoặc như Sakka

(Đế Thích thiên chủ) và Anāthapiṇḍika (*Cấp Cô Độc*) với những phước báu vi diệu của họ sẽ hưởng một trăm ba mươi một kiếp hạnh phúc trong cõi phạm thiên trước khi nhập Niết-bàn cuối cùng<sup>(27)</sup>.

Như vậy, cận sự Thánh nữ đệ tử Visākhā cũng là một người mẹ vĩ đại, mà tấm gương sáng của bà còn rọi chiếu đến ngàn sau, dường như chưa có ai theo kịp. Và cuộc đời mà tín, giới, văn, thí, tuệ tròn đủ của bà, cho đến tận bây giờ vẫn còn thơm mùi trầm hương dịu dàng và tinh khiết.▣

(Trích từ “Con gái đức Phật)  
**Minh Đức Triều Tâm Ảnh**

---

1- Tôi không nhớ đọc ở đâu có nghĩa này, hình tượng này.

2- Có nơi báo là 30 do-tuần.

3- Tương đương tình trường kiêm thị trường.

4- Tuy xương vóc mảnh mai nhưng sức mạnh của cô bằng năm

con voi. Có lần, đức vua Pāsenadi đã tồ mò, thử tài, chỉ với cánh tay, cô đã bắt con voi phải nằm bẹp xuống (Tích truyện Pháp cú 51).

5- Nếu có màu thì như hoa sen xanh, nếu trắng thì như hoa Kaṇṇikā.

6- Có thể tham khảo thêm “Đức Phật và Phật Pháp của ngài Nārada” - Phạm Kim Khánh dịch.

7- Ông Maṇḍaka đã già, đã giao toàn bộ sự nghiệp cho con trai.

8- Theo chú giải Dhammapada, điển tả là tiểu thư Visākā đã đích thân coi sóc tất cả mọi thứ.

9- Chú giải có ghi rằng: Món trang sức đặc biệt này, người ta sử dụng hết 4 gáo kim cương, mười một gáo trân châu, hai mươi hai gáo san hô, ba mươi ba gáo ngọc quý. Dùng chỉ bằng bạc để kết. Nút, khuy đều bằng vàng và bạc. Mũ đội đầu có hình dáng một con khổng tước. Hai cánh, mỗi cánh có 500 chiếc lông bằng vàng. Mỏ bằng san hô. Mắt bằng ngọc maṇi. Chân bằng bạc. Đuôi có 500 hình mặt trời được dát bởi các loại châu ngọc khác nhau (Chỉ để tham khảo thêm).

10- Trong thời đức Phật Kassapa, cô đã cúng dường y và bát đến hai mươi ngàn vị tỷ-khưu cùng với kim chỉ và các vật liệu may mặc khác; vậy phước báu và những sự kiện hy hữu này như là một kết quả mà cô được nhận lãnh, thọ hưởng trong kiếp sống này (Chú giải Dhammapada.i.395).

11- Số là trong một kiếp, vào thời Phật Kassapa, cô là cô công chúa thứ

bảy tên là Saṅghadāsī, con của đức vua Kikī, cô đã cúng dường năm sản phẩm của bò cái đến hai mươi ngàn vị sư, thỉnh quý ngài thọ dụng. Khi đã dâng cúng sung mãn rồi, cô còn “kỳ kèo, năn nỉ” dâng cúng thêm vài món khai vị nữa - nên chuyện sáu chục ngàn bò đực và sáu chục ngàn bò cái phá chuồng chạy theo - là do cái phước “du thừa” trên vậy (Chú giải Dhammapada. i.397).

12- Những lời kỳ diệu này về sau được bà Visākā giải thích rõ ràng cho cha chồng của cô ( chú giải Dhammapada. i. 403f). 10 điều trên có tham khảo thêm “Đức Phật và Phật Pháp” của ngài Nārada - Phạm Kim Khánh dịch.

13- Trong chú giải Dhammapada, i.406, có nói là “ Migāra đã kê miệng ngậm vú cô Visākā và tôn nàng làm mẹ của mình”- không biết hư thực thế nào về việc ngậm vú ấy! Nhưng khi cô có con trai đầu lòng, vì ông Migāra kính trọng cô như mẹ nên đứa bé được đặt tên là Migāra; và cô được gọi là Migāramātā (mẹ của Migāra)! Chú giải Anguttara Nikāya, i. 313, có xác định Migāra là con trai đầu lòng của cô.

14- Cũng ghi chú trên, nói rằng, sau này, cô Visākā đã bán Ghanamaṭṭhaka để xây Migāramātupāsāda (tham khảo). Lưu ý, ghi chú này không chính xác - vì Matālātapasādhana là chiếc áo cưới cùng kim ngân châu báu trang điểm

do năm trăm thợ kim hoàn thực hiện trong bốn tháng - có trị giá 9 (chín) triệu đồng tiền vàng mới xây dựng Matālatāpasādhana được. Ghi chú đầu đó cũng có nói rằng, ông Migāra nhận thấy bộ trang sức, trang phục Matālatāpasādhana mang từ nhà chồng về, nặng quá - nên ông muốn sắm bộ Ghanamaṭṭhaka này cho nó nhẹ hơn, tiện hơn.

15- Câu chuyện này của Visākhā được tóm tắt từ chú giải Dhammapada. i. 384 ff. Nhưng chú giải Anguttara Nikāya, i. 219 ff. chứa đựng một câu chuyện tương tự nhưng đề cập chi tiết hơn.

16- Theo Pāli Proper Names tập 2 của GP. Matalalasekera - trang 628.

17- Lấy ý từ tự điển trên.

18- Thật ra, theo kinh điển chỉ có 8 hoặc 10 điều, nhưng người biên soạn đã tách ra thành 10 điều cho rõ ràng. Về nội dung, xét như vậy thì người nữ phải hy sinh quá nhiều cho chồng, đổi lại, người chồng phải có những bổn phận như thế nào với người vợ đức hạnh của mình? Dĩ nhiên, chuyện ấy là “có thể” trong một gia đình có người chồng hiền thiện. Tuy nhiên, đây là bối cảnh của xã hội Ấn Độ xưa, thân phận người nữ rất thấp thỏi nhưng vẫn là trụ cột, là “nội tướng”, là điều kiện cần và đủ cho hạnh phúc và an vui của mọi gia đình.

19- Tương tự như trên, nhưng có vẻ toàn hảo hơn khi người nữ là một Phật tử thuần thành, có đầy đủ tín,

giới, văn, thí, tuệ (văn là nghe pháp).

20- Trích lại từ “Đức Phật và 45 năm...” tập 6, tr. 59 của tỳ-khưu Chánh Minh, NXB Tôn giáo năm 2011 - câu kệ Pāli: “Visākhā vīsati puttā, nattā ca cataro satā; panattā aṭṭhasahassā, jambudīpe supākāṭā’ti”.

21- Trong Pāli Proper Names.

22- Điều đó được giải thích ở Jātaka.iv.144; là hai ngàn vị tỳ-khưu theo chú giải dhammapada. i. 128; sau đó cô đã sai người con gái đầu của bà (theo Dattā) làm thay cho bà.

23- Nhiều nơi nói là cùng con và cháu thì không đúng, vì khi cô còn thích mặc áo choàng trang điểm châu báu thì vào khoảng vài năm sau khi về nhà chồng, khoảng 20-22 tuổi mà thôi.

24- Chú giải Anguttara Nikāya. i. 219.

25- Vimānavatthu (P.T.S) . iv.6; chú giải Vimānavatthu (P.T.S). 189, 191.

26- Chú giải Dīgha Nikāya. iii.740.

27- Trường hợp thứ nhất thì có thể, nhưng người biên soạn vẫn tin là bà Visākhā sẽ hóa sanh vào cung trời Tusita (Đầu Suất) hơn. Trường hợp thứ hai thì còn cần một giải minh hợp lý hơn: Nếu không có đấng các định Kasiṇa hoặc các định tâm từ thì làm sao cộng trú được với phạm thiên?



# DẤU CHÂN LƯU GIỮA CÔI TÒNG

TUỆ NGUYÊN

*Kính dâng  
Hòa thượng Thích Đôn Hậu*

Cửa tòng  
Bóng dáng siêu nhân,  
Ngàn năm sử lịch  
Dấu chân không mờ.  
Đời Người  
Là cả Thiền thơ  
Đời Người  
Là cả một tờ kinh thiêng.  
Mây thương  
Che mát rừng thiền,  
Trăng sao soi chiếu  
Giữa miền tịch dương.  
Là hoa,  
Là lá,  
Là hương,  
Là chân thường giữa  
Vô thường diệt sinh.  
Mai kia  
Cuối nẻo đặng trình,  
Người về nhập thể  
Vô sinh Người về. ▣



# niềm tĩnh lặng

HẠNH PHƯƠNG

Bên đài hoa sen trắng  
Trông thấy ánh đạo vàng  
Bên niềm vui tĩnh lặng  
Thấy Phật tỏa hào quang

Yêu người mơ thấy Phật  
Ngưỡng Phật thấy ngàn xinh  
Ba mươi hai tướng tốt  
Từng giây phút đản sinh



Mỗi tay chấp hoa sen  
Mỗi vào chùa mô Phật  
Ngập ngụa giữa bùn đen  
Mỗi thặng hoa diệu mật

Cứ mỗi mùa khánh đản  
Quán niệm Phật trong mình  
Lâm tỳ ni bí ngạn  
Hoa ưu đàm ngần xinh

Phật trở tay chỉ trời  
Trời xanh biếc khơi vơi  
Phật mỉm cười trở đất  
Đất nâu bỗng rạng ngời

Phật hóa thân em bé  
Tim mẹ ngát hương thiền  
Phật hóa thân con trẻ  
Vua Cha mừng lòng yên

Thầm nghe giữa lòng mình  
Mùi phương Phật đản sinh  
Kia hình hài máu mủ  
Thấy thấy đều quang vinh

Thầm nghe tôi là em  
Lắng nghe em là mẹ  
Mỗi mỗi là hoa sen  
Mưa lâm thâm lá hẹ

Bên đài hoa sen trắng  
Lại thấy vương miện vua  
Chuyển luân vương tối thắng  
Ngoài đước mắt hơn thua

Đức Vua Pháp dạy mình  
Tứ đại thực là xinh  
Năm uẩn mà tối thắng;  
Vì vậy: Phật đản sinh



Thầy Ba Cõi hằng khuyên  
Mười phương thuần tịnh độ  
Niệm Phật - tự phòng hộ  
Pháp tánh hiện chân nguyên

Bên đài hoa sen trắng  
Thấy bản thể chân như  
Nghe pháp âm thù thắng  
Hùng lực đại bi từ

# HOÀNG PHÁP

*Nhiều tác giả*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM  
88-99 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1 - TP.HCM  
ĐT: (08) 38216009 - 39142419  
Fax: (08) 39142890  
Email: nxbvanhovanngh@yahoocom.vn

---

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Huyền Thị Xuân Hạnh

Biên Tập : Kim Phước

Sửa bản in : Bảo Bảo

Trình bày : Pháp Uyển

Bìa : Trần Trung Thành

Liên kết xuất bản : Thái Tuệ

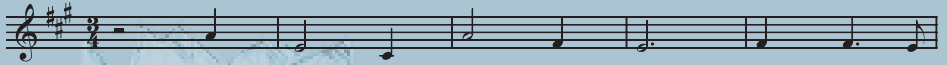
---

In lần thứ nhất. Số lượng: 1000 cuốn, Khổ 14x20cm  
Tại: Công Ty TNHH Pháp Uyển  
Số đăng ký KHXB: 55-2012/CXB/89-89/VHVNTP. HCM  
Quyết định xuất bản số: 121/QĐ-NXBVHVN ngày 02/5/2012  
In xong và nộp lưu chiểu quý 2 năm 2012

# Búp Sen Cúng Phật

♩. 94

Lê Minh Hiền



Chấp tay, nở búp sen tươi. Dâng lên chư



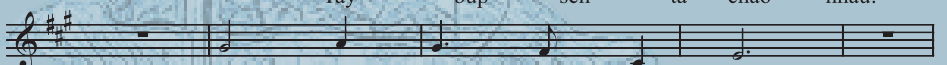
Phật mùi hương cúng dường. Chấp tay, nở



búp sen tươi. Trang nghiêm, chánh niệm, nhủ lòng khiêm



cung, Sen ngát hương tâm hồn ta.



Tay búp sen ta chào nhau.



Theo gió bay đi ngàn xa.

Chờ thế nhân xa khổ đau.



Hoa từ tâm này mầm vươn lên. Đời cao đẹp giữa

Hương nhiệm màu mở lòng thân ái. Trần gian ngập sáng



chón phong trần. ánh Từ Quang.

*Fine*